

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 353 – Chúa nhật 19.05.2019

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

NHỮNG MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CÁ NHÂN VỚI CÔNG QUYỀN TRONG MỘT CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ - Thông điệp Pacem in Terris (Hòa bình trên thế giới)	- ĐGH Gioan 23
YÊU NHƯ CHÚA YÊU.....	Lm. Antôn Nguyễn Văn Độ
LINH MỤC - MỤC TỬ (CHÚA NHẬT CHÚA CHIÊN LÀNH)	Lm. JB NGUYỄN MINH HÙNG
MỘT VÀI SUY TƯ MỤC VỤ VỀ MÙA PHỤC SINH	Lm. Giuse Vũ Thái Hòa
JERUSALEM LÀ GÌ?	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh MD.
SỐNG ĐỨC TIN VÀ CHU TOÀN MỌI GIỚI RĂN CỦA CHÚA QUAN TRỌNG RA SAO CHO PHẦN RỜI CỦA NGƯỜI TÍN HỮU CHÚNG TA?.....	Lm. PX. Ngô Tôn Huấn
CHUYỆN MỖI TUẦN – THÁNG NĂM, THÁNG KÍNH ĐỨC MẸ - KỂ MỘT MẪU CHUYỆN VỀ MẸ.....	Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp
ĐỀ PHÒNG, CHỮA TRỊ, PHỤC HỒI VÀ BẢO VỆ - ĐÀO TẠO TRƯỞNG THÀNH NHÂN BẢN TOÀN DIỆN.....	Lm. Micae-Phaol ô Trần Minh Huy, PSS
NHỮNG CON MẮT BUỒN PHIỀN, XIN CẤY LẠI NIỀM TIN	Thái Công Tụng
CÂU CHUYỆN VỀ PHÉP LẠ CỦA ĐỨC MẸ LA VANG! BỐN MƯƠI NĂM - MỘT DÒNG LỆ.....	Lê Tín Hương
ĐO HUYẾT ÁP ĐÚNG CÁCH	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức MD.
ĐỒNG ĐỒ LA BẤT HẠNH	Chuyện Phiếm của Gã Siêu

NHỮNG MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CÁ NHÂN VỚI CÔNG QUYỀN TRONG MỘT CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ

LTS. Đặc San GSVN đã phổ biến rộng rãi bản dịch DoCat của UBCL&HB, HĐGMVN. Nay chúng con xin lần lượt phổ biến tất cả các thông điệp của các Đức Thánh Cha, từ thời Đức Lêô XIII (1891), với thông điệp Tân Sự (Rerum Novarum) cho tới Đức Thánh Cha Phanxicô (2015), với thông điệp Chúc tụng Chúa (Laudato Si). Tất cả các văn kiện này chính là "nền" cho Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội. Xin chân thành cảm ơn các trang

mạng đã cung cấp cho Dân Chúa và Dân Chúng Việt Nam những tư liệu rất quý báu này, đặc biệt xin chân thành cảm ơn các dịch giả đã thực hiện các bản dịch Việt Ngữ.

Thông điệp Pacem in Terris (Hòa bình trên thế giới)

của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII

về việc dựng xây hòa bình giữa các dân tộc

trên chân lý, công bình, bác ái và tự do

11-04-1963

Nguồn: Ủy Ban Mục Vụ Di Dân, HĐGMVN

<http://www.mucvudidan.com/index.php/>

tiếp theo

PHẦN II

**NHỮNG MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CÁ NHÂN VỚI CÔNG QUYỀN
TRONG MỘT CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ**

SỰ CẦN THIẾT CỦA CÔNG QUYỀN QUYỀN BÍNH BẮT NGUỒN TỪ THIÊN CHÚA

26. Xã hội của nhân loại sẽ không có trật tự, sẽ không được phong phú, nếu không có những người nắm giữ chính quyền hợp pháp để duy trì những tổ chức, và bảo đảm một cách đầy đủ những thiện ích chung. Quyền bính đây do bởi Thiên Chúa như thánh Phaolô đã dạy: “Chẳng có quyền bính nào mà không phát xuất từ Thiên Chúa”[28]. Lý thuyết của thánh Tông đồ trên đây đã được thánh Gioan Chrysostômô chú giải như sau: “Ngài muốn nói gì? Phải chăng mỗi vị trong chính quyền đã được Thiên Chúa tôn phong vào chức vụ? Dĩ nhiên, thánh Phaolô sẽ đáp: đây không phải điều tôi muốn quả quyết. Tôi không nói đến từng cá nhân trong chính quyền, nhưng có ý nói về chính việc cai quản. Tức là bảo: chính sự kiện có công quyền, một bên có người chỉ huy, một bên có người phục tùng, cái đó không phải ngẫu nhiên mà có, nhưng bởi Chúa khôn ngoan xếp đặt”[29]. Nói thế khác, Thiên Chúa đã dựng nên con người có bản tính xã hội, nhưng vì không một xã hội nào “có thể bền vững mà không có một người chỉ huy, để hoạt động một cách hiệu lực, và, đứng ở trên, hướng dẫn mọi người phục vụ cho một chương trình chung, cho nên hết mọi cộng đồng nhân loại cần phải có một quyền bính, để quản trị. Quyền bính đây, cũng như chính toàn thể xã hội, đều phải lấy Tạo Hóa, và, như thế, phải lấy Thiên Chúa làm nền tảng” [30].

27. Chính quyền bính cũng không thoát ra khỏi vòng pháp luật. Quyền bính chỉ là một khả năng chỉ huy cho hợp lẽ phải. Thành ra, chính cái tiềm lực bắt buộc là do bởi luật luân lý và luật luân lý dựa trên Thiên Chúa, là nguồn gốc và cứu cánh. Đức tiên Giáo hoàng Piô XII đã dạy: “Trật tự tuyệt đối của các sinh vật và ngay cái mục đích của con người tức con người tự do, có những quyền lợi, những nghĩa vụ bất khả xâm phạm, con người đứng làm nguồn gốc và làm cứu cánh của xã hội cũng bao hàm nhà nước như một cộng đồng cần thiết phải có quyền bính; vì không có quyền bính tức đoàn thể sẽ không tồn tại, không thể sống... Theo lý trí và theo đức tin công giáo, trật tự tổng quát này cần phải bắt nguồn từ Thiên Chúa, là Đấng có biệt vị, là Chúa sáng tạo mọi loài, bởi thế, những tước vị của công quyền chẳng qua chỉ là sự thông công chính quyền bính Thiên Chúa vậy” [31].

28. Nếu quyền bính chỉ dựa trên sự đe dọa, sự sợ phải tù tội, hay là hứa hẹn được ân thưởng, thì làm sao có đủ hiệu lực thúc đẩy người ta đi tìm thiện ích chung? Hoặc giả có thúc đẩy đi nữa chắc chắn sẽ không theo phương thức xứng hợp với nhân phẩm, là một loài có tự do và lý trí. Quyền bính, tiên vàn, là một hiệu lực luân lý. Những ai nắm giữ quyền bính, trước hết phải

kêu gọi đến lương tâm, đến nghĩa vụ sẵn sàng phục vụ công ích. Nhưng con người đều bình đẳng trong nhân phẩm tự nhiên; không ai có quyền quyết định bắt ép người khác phải tuân theo : quyền này chỉ dành cho Thiên Chúa - một mình Ngài thẩm cứu và xét đoán những điều quyết định thẩm kín của con người. Bởi vậy, quyền bính nhân loại chỉ có thể bắt buộc lương tâm, khi nào nó liên kết với quyền bính Thiên Chúa và thông công quyền bính Thiên Chúa một phần nào [32].

Xác định nguyên tắc này, tức là cũng bảo đảm nhân phẩm của người dân, vì rằng khi phục tùng chính quyền, không phải người dân phục tùng họ, theo tư cách vị ấy là người; nhưng thực ra, người dân phục tùng Thiên Chúa là Đấng sáng tạo vạn vật theo một trật tự do chính Người đã an bài. Hơn nữa, khi chúng ta tôn trọng Thiên Chúa, không phải là chúng ta tự hạ, nhưng chính là ta tự nâng cao giá trị của mình, bởi vì phụng sự Thiên Chúa, tức là cai trị rồi [33].

29. Quyền bính mà trật tự luân lý đòi hỏi, phát xuất từ Thiên Chúa. Bởi thế, nếu những vị cầm quyền có tuyên bố những luật lệ, hay thi hành những phương pháp trái với trật tự luân lý, tức là trái với ý nguyện Thiên Chúa, thì tất nhiên những luật lệ hay phương pháp kia không thể bắt buộc lương tâm, bởi vì “phải vâng lệnh Thiên Chúa hơn vâng lệnh người trần gian”[34]. Hơn nữa, trong trường hợp này, quyền bính không phải quyền bính nữa, nhưng là cưỡng quyền áp bức. Thánh Tôma dạy: “Pháp luật nhân loại chỉ có tính cách một lẽ luật, khi nào nó hợp với lẽ phải; và lúc ấy hiệu lực của pháp luật là do luật trường cửu. Nhưng khi nào pháp luật đi ra ngoài lẽ phải, nó sẽ trở thành bất công, không còn yếu tính một lẽ luật, trái lại, nó là một hình thức bạo lực”[35].

Quyền bính bởi Thiên Chúa, nhưng sự kiện này không làm cho con người mất quyền tuyển cử những vị cai trị mình, mất quyền quyết định về chính thể, hay mất quyền đặt ra những qui tắc và giới hạn cho việc thi hành quyền bính. Cứ như đây, học thuyết ta mới trình bày thiết tưởng có thể thích hợp với bất cứ một chính thể nào thực sự dân chủ [36].

THỰC HIỆN THIỆN ÍCH CHUNG, ĐÂY LÀ LÝ DO TỒN TẠI CỦA CÔNG QUYỀN

30. Hết mọi cá nhân, mọi đoàn thể trung gian đều phải cộng tác, mỗi người theo phạm vi của mình, để mưu thiện ích chung cho toàn thể. Tất cả phải theo đuổi những quyền lợi của mình, sao cho phù hợp với thiện ích chung trong khi cộng tác - bằng của cải hay bằng công việc - họ phải theo những chỉ thị mà công quyền đã xác định, hợp với qui tắc công bình và tùy ở hình thức và giới hạn khả năng của mỗi người. Những hành động mà chính quyền truyền xuống, tự nó, phải đích đáng, phải có một nội dung tốt lành, theo luật luân lý, hay ít ra có thể hướng định cho nên tốt.

Tuy nhiên, trách vụ của chính phủ chỉ có ý nghĩa, một khi nhằm gây thiện ích chung, cho nên những quyết định của công quyền cần phải tôn trọng cái bản tính thực sự của thiện ích, và phải tùy ở hoàn cảnh của thời cuộc [37].

NHỮNG PHƯƠNG TIỆN CĂN BẢN CỦA THIỆN ÍCH CHUNG

31. Những đặc điểm có tính cách nhân chủng phân biệt từng đoàn thể nhân loại cũng thuộc trong phạm vi thiện ích chung, nhưng tự nó, không có yếu tố để định nghĩa thiện ích một cách toàn vẹn được [38]. Thiện ích chung, theo lý thuyết, chỉ có thể định nghĩa trong hết mọi khía cạnh căn bản sâu xa, cũng như chỉ có thể xác định theo lịch sử, một khi qui hướng về con người. Bởi vì thiện ích chung là một yếu tố căn bản, liên hệ đến bản tính nhân loại[39].

Sau nữa, bản tính của thiện ích chung còn buộc hết mọi công dân phải tham gia, tùy theo những thể thức khác nhau, như việc làm, công nghiệp, và điều kiện mỗi người. Bởi thế, công quyền chỉ nhắm phục vụ những quyền lợi của toàn thể, không thiên vị một cá nhân, hay một lớp người trong xã hội. Đức Tiên Giáo Hoàng Lêô XIII đã tuyên bố: “Không thể nào cho phép công quyền dân sự quay sang phục vụ một người, hay một số ít người, bởi vì công quyền được thiết

lập là vì thiện ích chung của toàn thể”[40]. Tuy nhiên, đức công bình và sự vô tư đôi khi cũng cho phép những vị cầm quyền trong nước được dành một sự săn sóc riêng cho những thành phần yếu ớt nhất trong xã hội, vì không đủ khả năng bênh hộ những quyền lợi chính đáng của mình [41].

32. Ở đây, ta cần lưu ý đến một sự kiện là thiện ích chung bao hàm tất cả con người, với những nhu cầu thiêng liêng và vật chất. Quan niệm như thế, thiện ích đòi ở nơi chính phủ một chính sách thích hợp, tôn trọng các hệ thống giá trị, và tùy theo tỉ lệ công bằng, phải dành cho xác cũng như hồn những nguồn lợi vật chất hay thiêng liêng cân xứng [42]. Những nguyên tắc trên đây hoàn toàn ăn nhập với những điều mà ta đã giải thích trong thông điệp “Mẹ và Thầy”: Thiện ích chung “bao hàm tất cả những điều kiện trong đời sống xã hội, với mục đích là những điều kiện này giúp con người đạt tới sự hoàn hảo của mình một cách toàn diện và dễ dàng hơn”[43].

Con người thành bởi thân xác và linh hồn bất tử, cho nên trong cuộc sống trần gian này, không thể được thỏa mãn trong hết mọi đòi hỏi theo bản tính, cũng không thể đạt tới hạnh phúc hoàn toàn. Bởi thế, những phương tiện đã được thiết lập để phục vụ công ích, không được cản trở việc cứu rỗi trường cửu của con người, trái lại, càng phải tích cực giúp đỡ việc đó nữa[44].

ĐỊA VỊ CỦA CÔNG QUYỀN ĐỐI VỚI QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN

33. Theo tư tưởng hiện đại, thiện ích chung ở tại nhất là việc bảo vệ những quyền lợi và những nghĩa vụ của con người, nhiệm vụ của nhà cầm quyền là bảo đảm sự nhìn nhận và tôn trọng những quyền lợi đó, là dung hòa, bênh hộ, phát huy những quyền lợi trên đây, nói thế khác, là giúp đỡ mỗi công dân để thi hành những nghĩa vụ của mình. Bởi vì “sứ mệnh thiết yếu của mọi quyền bính chính trị là bênh vực những quyền bất khả xâm phạm của con người và giúp cho mỗi người để thi hành trách vụ riêng biệt của mình” [45].

Bởi vậy nếu công quyền không chịu nhìn nhận, hay là vi phạm những quyền lợi con người, lúc ấy công quyền đã không chu toàn nghĩa vụ của mình, mà lại những quyết định của công quyền cũng mất hết giá trị pháp lý [46].

DUNG HÒA, BẢO VỆ NHỮNG QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÂN VỊ

34. Công quyền, có một nghĩa vụ căn bản là xếp đặt những mối liên quan pháp lý giữa các công dân với nhau, để việc thi hành những quyền lợi nơi người này không làm ngăn trở, hay làm tổn thương đến việc thi hành những quyền lợi đó ở nơi người khác; mà lại càng làm cho việc thi hành những nghĩa vụ tương ứng được chu đáo. Sau nữa, công quyền có nghĩa vụ duy trì những quyền lợi của hết mọi người được toàn vẹn, và ở đâu bị vi phạm, thì cần được tái lập ngay[47].

SỰ THĂNG TIẾN CÁC QUYỀN LỢI CỦA CON NGƯỜI

35. Công quyền có nhiệm vụ cộng tác vào việc thành lập một tình trạng, trong ấy mỗi người có thể bênh vực quyền lợi và thi hành những nghĩa vụ của mình một cách dễ dàng. Bài học kinh nghiệm minh chứng rằng: nếu chính quyền không kịp thời hành động trong phạm vi kinh tế, xã hội, văn hóa tất nhiên giữa các công dân sẽ gây nên những bất bình đẳng, nhất là ở thời đại ngày nay. Như thế, những quyền lợi căn bản của con người không còn hiệu lực, mà rồi việc thi hành những nghĩa vụ tương ứng cũng bị tổn thương.

36. Bởi vậy, việc tối khẩn là công quyền phải lưu tâm đến việc chỉnh đốn xã hội song song với sự tiến bộ kinh tế. Công quyền phải tùy theo mức độ sản xuất quốc gia để phát triển những công vụ thiết yếu, như đường sá, phương tiện chuyển vận, giao thông, phân phát nước uống, nhà cửa, y tế, giáo dục, những điều kiện thích hợp cho việc hành đạo, tổ chức giải trí. Công

quyền phải lo tổ chức những chế độ bảo đảm cho những trường hợp tai nạn, những gánh nặng gia đình, để không một cá nhân nào phải thiếu những nguồn lợi thiết yếu cho một đời sống xứng hợp. Công quyền hãy để ý cho những lớp lao động đến tuổi đi làm có một việc tương ứng với khả năng của họ; và mỗi người thợ được hưởng một số lương công bằng đích đáng; trong các công nghiệp, họ có thể lãnh lấy phần trách nhiệm; làm sao có thể thành lập những đoàn thể trung gian, để cho đời sống xã hội được thêm dễ dàng, sung mãn. Sau hết, liệu cho hết mọi người được hưởng những quyền lợi văn hóa tùy theo hình thức và trình độ thích hợp.

MỨC QUÂN BÌNH GIỮA HAI HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG QUYỀN

37. Công ích đòi ở chính quyền, đứng trước những quyền lợi của con người, phải thi hành hai việc: một là hòa giải và bênh vực những quyền lợi đó, hai là cổ vũ, nhưng đồng thời giữ mức thăng bằng giữa hai hoạt động này. Nghĩa là nói, một bên, chính quyền đề phòng những ưu thế dành cho cá nhân, hay là cho một số đoàn thể không được tạo nên trong quốc gia những tình trạng ưu đãi; bên kia, sự chính quyền đề tâm bênh vực những quyền lợi của toàn dân đừng đi đến chỗ áp dụng một chính sách mà rồi ra sẽ tự phản, nghĩa là hạn chế một cách quá đáng, hay là sẽ làm cho những quyền lợi nói trên không thể thi hành một cách hoàn toàn. “Cần phải luôn luôn nhắc lại nguyên tắc sau đây: Hoạt động của nhà nước trong lãnh vực kinh tế, dù có đi sâu rộng đến đâu trong các khu vực xã hội, không khi nào được tiêu diệt quyền tự do hoạt động của cá nhân, trái lại, phải cổ vũ quyền tự do này, làm sao có thể bảo đảm được những quyền lợi thiết yếu của con người”. [48]

Chính cái nguyên tắc thăng bằng nói đây phải được luôn luôn chú trọng, những khi công quyền gia tăng cố gắng, để cho công dân được dễ hưởng những quyền lợi của họ, và làm cho họ đỡ vất vả khi phải thi hành những nghĩa vụ trong đời sống xã hội.

CƠ CẤU VÀ SỰ ĐIỀU HÀNH CÔNG QUYỀN

38. Trong việc tổ chức công quyền, không thể xác định một cách tuyệt đối cơ cấu nào tốt hơn cả, cũng như không thể quyết định công thức nào thích hợp nhất, trong khi áp dụng các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Thực ra, trong việc lựa chọn hình thức cai trị trong một nước, hay định đoạt những phương thức điều hành cho chính quyền. Cần phải chú trọng rất nhiều đến hoàn cảnh riêng biệt và những sự kiện lịch sử của mỗi dân tộc: nó thay đổi tùy thời gian, tùy địa phương. Tuy nhiên, ta thiết tưởng: phù hợp hơn cả đối với đòi hỏi của bản tính con người, là việc tổ chức các cộng đồng nhân loại về phương diện chính trị, được xây đắp trên nguyên tắc nhân quyền, theo ba trách vụ chính của công quyền. Thực thế, trong chế độ này, không những các quyền hạn và sự điều hành công quyền, nhưng cả đến các mối tương quan giữa thường dân và đại diện chính quyền, đều được xác định bằng từ ngữ pháp luật, và như vậy người dân được bảo đảm trong việc thi hành các quyền và chu toàn các nghĩa vụ của mình.

39. Tuy thế, muốn cho một chế độ pháp lý và chính trị theo kiểu vừa nói trên, có thể đem lại kết quả, thì trong khi hoạt động, cũng như trong các phương pháp đưa ra, công quyền phải ý thức được cái thể trạng của các vấn đề phức tạp mà họ phải giải quyết, tùy theo hoàn cảnh của xứ sở. Điều cần thiết là mỗi quyền hành phải cương quyết thi thố nhiệm vụ của mình. Quyền lập pháp thực hiện trong giới hạn mà trật tự luân lý đã quy định, và theo những nguyên tắc ghi trong hiến pháp, phải đi sát với những đòi hỏi của công ích, theo đà biến chuyển thường xuyên của các hoàn cảnh. Quyền hành pháp phải làm nổi bật vai trò pháp lý, sau khi đã thấu triệt các luật lệ, và nghiên cứu đầy đủ các hoàn cảnh. Quyền tư pháp phải thực hiện sự công minh, phải nhân đạo nhưng không thiên vị, phải cương quyết để đừng nao núng trước áp lực của hai bên tranh tụng.

Trật tự công bằng còn đòi cho các công dân, cũng như các đoàn thể trung gian, trong khi thi hành các quyền lợi và nghĩa vụ của họ, được hưởng sự bênh vực pháp lý một cách hữu hiệu,

trong các dây liên lạc giữa họ với nhau, cũng như trong các mối tương quan với nhân viên chính quyền [49].

TRẬT TỰ PHÁP LÝ VÀ LƯƠNG TÂM LUÂN LÝ

40. Một trật tự pháp lý, ăn nhịp với trật tự luân lý và tương đối có thể sánh kịp với một trình độ trưởng thành chính trị, lẽ cố nhiên sẽ là một yếu tố căn bản cho sự thực hiện công ích.

Nhưng ở thời đại chúng ta, đời sống xã hội đã trở nên phức tạp, nhiều hình thể và rất nhộn nhịp, thành ra những quyết định pháp lý, dù có là thành quả của một kinh nghiệm lâu dài, hay của một khối óc lo xa, cũng vẫn còn khiếm khuyết. Ngoài ra, những mối liên lạc giữa cá nhân với nhau, giữa cá nhân hay các đoàn thể trung gian với công quyền, hay giữa các cơ quan chính quyền ở trong một nước với nhau, nhiều khi nêu lên những vấn đề phiền phức, tế nhị đến nỗi không tìm ra một giải pháp thích hợp trong những khung cảnh pháp lý nhất định. Trong trường hợp như thế các nhà cầm quyền muốn trung thành với trật tự pháp lý hiện hữu, đồng thời muốn cởi mở trước những tiếng gọi từ đời sống xã hội phát lên, để cố dung hòa khung cảnh pháp lý với đà biến chuyển của các hoàn cảnh : cũng như để giải quyết vấn đề mới mẻ một cách thích đáng, lẽ tất nhiên các nhà cầm quyền phải ý thức rõ rệt về bản tính và tầm bao la của chức vụ mình, phải có một mức thẳng bằng, một sự thẳng thắn, một tầm hiểu rộng, một tinh thần thực tế, đề cửu xét tại chỗ, một cách khách quan, tất cả những trường hợp cụ thể, sau hết, phải có một ý chí cương nghị, để hoạt động mau chóng và hiệu nghiệm[50].

SỰ THAM GIA CỦA CÔNG DÂN VÀO ĐỜI SỐNG QUỐC GIA

41. Người công dân có thể tham gia một phần chủ động vào đời sống công khai, đây là quyền lợi đi liền với nhân phẩm của họ: nhưng những phương thức trong việc tham gia này còn tùy ở mức độ trưởng thành của cộng đồng chính trị, nơi mà người công dân đang là thành phần và đang hoạt động.

Khả năng được can thiệp vào đời sống chung mở rộng cho con người nhiều cơ hội để phục vụ. Được yêu cầu để gia tăng những cuộc tiếp xúc và trao đổi ý kiến với thường dân, các nhà cầm quyền càng hiểu rõ những đòi hỏi khách quan của công ích. Ngoài ra, sự thay đổi, đúng theo nhiệm kỳ, những người cầm quyền trong các công vụ còn giúp cho công quyền có cơ hội tránh hết mọi tinh thần cố hủ, và luôn luôn tái diễn xuất linh hoạt mới mẻ theo nhịp tiến bộ của xã hội [51].

TRIỆU CHỨNG CỦA THỜI ĐẠI

42. Trong việc tổ chức pháp lý những cộng đồng chính trị hiện đại, ta nhận thấy một khuynh hướng muốn soạn thảo, bằng những công thức rõ rệt, khúc chiết, một bản hiến chương về tất cả những quyền lợi căn bản của con người : Bản hiến chương này thường được thấu nhận, hay là được liệt vào làm thành phần hoàn bị trong các tập hiến pháp của các quốc gia.

43. Thứ hai, trong các tập hiến pháp, người ta đang cố xác định bằng những danh từ pháp lý, những phương thức chỉ định những người ra giữ nhiệm kỳ công vụ, những mối tương quan của họ với nhau, những quyền hạn, và sau cùng, những phương tiện và cách thức họ phải tuân giữ trong khi thừa hành chức vụ.

Thứ ba, người ta quyết định, bằng danh từ quyền lợi và nghĩa vụ những mối liên lạc giữa công dân với công quyền. Công quyền có nhiệm vụ trước hết là nhìn nhận, tôn trọng những quyền lợi và nghĩa vụ công dân, sau đó, bảo đảm sự điều hòa, bình ổn và phát triển những quyền lợi và nghĩa vụ đó.

Dĩ nhiên, ta không thể nhận lý thuyết cho rằng: Chỉ có ý muốn của con người - hoặc cá nhân hoặc đoàn thể - mới là nguồn gốc duy nhất và trước hết, để phát sinh những quyền lợi và nghĩa vụ công dân, phát sinh cả hiệu lực bắt buộc của hiến pháp, và của quyền bính quốc gia [52].

Tuy nhiên, những khuynh hướng Ta vừa nêu lên minh chứng rằng: con người của thời đại ta đã ý thức được một cách linh động cái nhân phẩm của mình; vì thế họ được thúc đẩy ra tham gia vào việc công, và đòi pháp luật quốc gia bảo đảm những quyền lợi bất khả xâm phạm của họ. Họ yêu cầu các nhà cầm quyền chỉ được ra nắm chính quyền bằng cách tuân theo những thủ tục do pháp luật đã ấn định và chỉ được thi hành quyền bính trong những giới hạn mà pháp luật đã ban bố.

chú thích

- [28] Rm. 13, 1-6
- [29] In Epist. ad Rom. c.13, vv.1-2, homil.XXIII
- [30] Lêô XIII, Thông điệp Immortale Dei
- [31] Piô XII, Điện văn Sinh nhật 1944
- [32] Lêô XIII, Thông điệp Diuturnum Illud
- [33] Nt. và Thông điệp Immortale Dei
- [34] Cv. 5,29
- [35] Summa Theol. Ia,Ilae. a.3 và Piô XII, Điện văn Sinh Nhật 1944
- [36] Lêô XIII, Thông điệp Diuturnum Illud và Piô XII, Điện văn Sinh Nhật 1944.
- [37] Piô XII, Điện văn Sinh nhật 1942
- [38] Piô XII, Thông điệp Summi Pontificatus
- [39] Piô XII, Thông điệp Mit brennender Sorge
- [40] Lêô XIII, Thông điệp Immortale Dei
- [41] Lêô XII, Thông điệp Rerum novarum
- [42] Piô XII, Summi Pontificatus
- [43] AAS. LIII, 1961
- [44] Piô XI, Thông điệp Quadragesimo Anno
- [45] Piô XII, Diễn văn lễ Hiện Xuống 01-6-1941
- [46] Piô XI, Thông điệp Mit brennender Sorge, và Divini Redemptoris
- [47] Piô XI, Tđ. Divini Redemptoris; Piô XII, Điện văn Sinh Nhật 1942
- [48] Gioan XXIII, Thông điệp Mater et Magistra
- [49] Piô XII, Điện văn Sinh nhật 1942
- [50] Piô XII, Điện văn Sinh nhật 1944
- [51] Piô XII, Điện văn Sinh nhật 1942
- [52] Lêô XIII, Tông thư Annum ingressi

[còn tiếp](#)

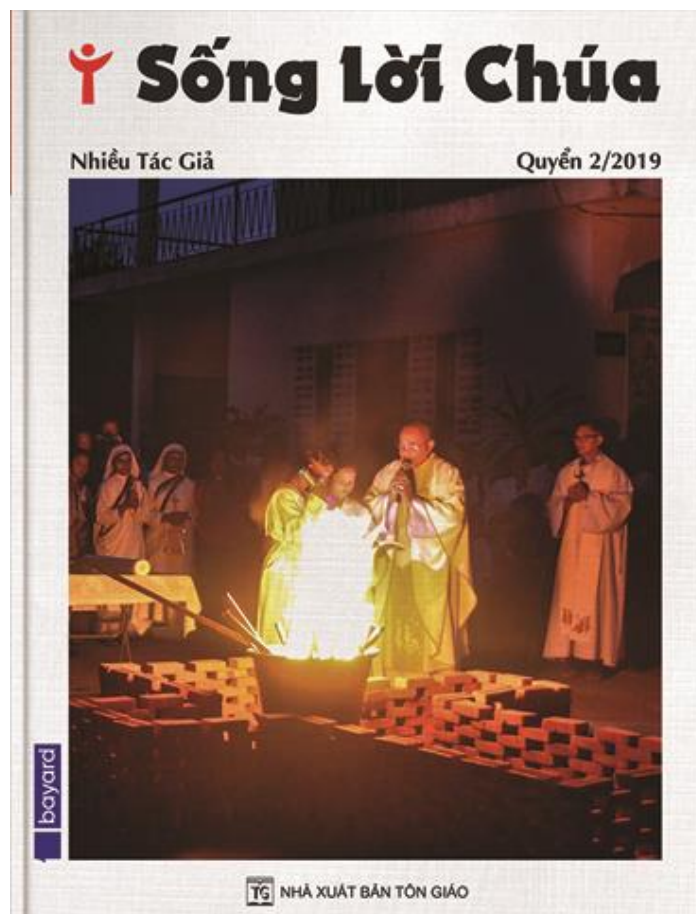
VỀ MỤC LỤC

GIỚI THIỆU SÁCH SỐNG LỜI CHÚA Quyền 2/2019

Kính thưa Quý Cha và Quý Vị,

Chúng con vui mừng kính báo, đã có sách:

Sống Lời Chúa - Quyền 2/2019 (tháng 4, 5 và 6) do Nhà Xuất Bản Bayard Việt Nam, dòng Đức Mẹ Lên Trời (AA) phát hành toàn quốc



Lời Giới Thiệu của Đức Hồng Y Gioan Baotixita PHẠM MINH MÃN

SỐNG LỜI CHÚA

Lời Chúa là lời ban ánh sáng chân lý, ánh sáng yêu thương và bình an.

Đọc Lời Chúa hằng ngày giúp cho chúng ta mỗi ngày lớn lên trong ánh sáng chân lý, yêu thương và bình an, và giúp con người chúng ta phát triển cách toàn diện với cả cái đầu cùng con tim và hai cánh tay:

- Phát triển cái đầu với khả năng xác tín Thiên Chúa là Cha, đồng loại là anh em,
- Phát triển con tim với khả năng yêu thương, hiếu thảo với Thiên Chúa là Cha, bác ái với đồng loại là anh em,
- Phát triển hai cánh tay với kỹ năng tương thân, tương trợ cùng nâng đỡ lẫn nhau, đặc biệt là đối với những người nghèo khổ.

Với khả năng giúp phát triển con người cách toàn diện như thế, Lời Chúa hằng ngày giúp ta ngày một trưởng thành trong tư cách làm con hiếu thảo của Chúa và làm anh em bác ái với mọi người.

Sài gòn, 17 tháng Giêng 2019

Hồng Y Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn

Nội dung sách Sống Lời Chúa quyền 2 – năm 2019 gồm: Các bài đọc, Phúc Âm trong Thánh lễ hằng ngày của 3 tháng Quý 2/2019 (tháng tư, tháng năm và tháng sáu) Bài suy niệm ngắn do mọi thành phần Dân Chúa trong và ngoài nước biên soạn (các Giám Mục, Đức Ông, Linh Mục, Tu Sĩ và Giáo Dân):

Sự hữu ích của Sống Lời Chúa: Tiện lợi, nhỏ gọn bỏ túi khi đi khắp nơi. Giúp bạn dễ dàng đọc Phúc Âm hàng ngày và suy niệm một cách nhẹ nhàng. Giúp bạn cầu nguyện hàng ngày và sống gần với Chúa hơn.

Tác giả: Nhiều Tác giả: ĐHY Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn; Đức Cha Giuse Ngô Quang Kiệt; Lm. Phêrô Nguyễn Đức Thắng; Lm. Nguyễn Thanh Hà; Phaolô Nguyễn Văn Hưng; Giuse Ngô Ngọc Khanh; Lm. FX Phó Đức Giang; Lm Giuse Nguyễn Chí Ái; Lm. Phaolô Ngô Đình Sĩ; Lm. Gioan Võ Trần Gia Định; Lm. Anrê Đoàn H.M. Tuấn; Sr. Thục Đoan; Sr. Mary Phạm Nguyễn; Sr. Maria Trần Thị Ngọc Thương; Sr. Bích Giang; Thương Lắm; Linh Hương.

Bộ sưu tập: Sống Lời Chúa.

- o Phát hành 4 số mỗi năm tương ứng với mỗi Quý. Mỗi số gồm các bài đọc và suy niệm Lời Chúa trong Thánh Lễ của 3 tháng đó.
- o Các bài suy niệm luôn luôn mới vì Lời Chúa luôn canh tân, đổi mới nhân loại và thế giới này.

Sống Lời Chúa được chia thành 4 tập nhỏ dùng trong một năm, mỗi tập 3 tháng, hiện đã phát hành tập 1 và 2 cho năm 2019. Bản dịch Kinh Thánh được trích dẫn từ nguồn của Ủy Ban Phụng Tự, HĐGMVN. Giá bán lẻ chỉ có 23.000VNĐ/ một tập, nếu mua nhiều sẽ được chiết khấu từ 10 đến 20%, có thể thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng, với những hoá đơn từ 300 ngàn trở lên sẽ được miễn phí vận chuyển đến tận nơi.

Xin vui lòng liên hệ các nhà sách Công Giáo toàn quốc, hoặc trực tiếp với:

Lm. André ĐOÀN Hiếu Minh Tuấn, AA.

Bayard Việt Nam

Văn phòng: 37 Đường số 11, KP1,
P. Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM
Email: minhtuan@bayardvn.com; info@bayardvn.com
Điện thoại: 086.808.0504

Xin bớt chút thời giờ đọc thử và tham khảo thêm thông tin chi tiết tại:

- Đường dẫn đến trang: <https://www.bayard.vn/product/song-loi-chua-quyen-2-2019/>

- Đường dẫn đọc thử: <https://fr.calameo.com/read/00579999204c390c8d017>

Chúng con xin chân thành cảm ơn.

BBT CGVN

VỀ MỤC LỤC

Suy niệm Chúa nhật V Phục Sinh năm – C

(Ga 13, 31-35)

Kính mời theo dõi bài giảng qua video tại đây:

<https://www.youtube.com/watch?v=Bp-RxpCXJVg&feature=youtu.be>

Chúa nhật thứ V Phục Sinh, Phụng vụ Giáo hội mời gọi chúng ta đọc và gẫm suy về những lời chẳng chối của Chúa Giêsu Kitô ban truyền trước khi Người đi về Trời. Quả thật, nếu chúng ta muốn về Trời với Chúa, chúng ta phải thực hành điều Chúa truyền dạy trong đời sống : *“Thầy ban cho các con điều răn mới, là các con hãy yêu thương nhau”* (Ga 13,34).

Chúa dạy : *“Như Thầy đã yêu thương các con, thì các con cũng hãy yêu thương nhau. Căn cứ vào điều này mà mọi người nhận biết các con là môn đệ của Thầy, là nếu các con yêu thương nhau”* (Ga 13,34-35). Chúng ta tự hỏi, phải chăng chúng ta dùng những tình cảm tự nhiên để yêu thương như bạn bè yêu nhau, cha mẹ yêu thương con cái, con cái yêu thương cha mẹ, đồng lớp đồng niên yêu nhau, nam nữ yêu nhau là khác với tình yêu Đức Kitô đã yêu chúng ta sao mà Đức Giêsu còn dạy chúng ta phải : Yêu như Thầy đã yêu anh em ?

Vậy, *“yêu như Thầy đã yêu”* là yêu như thế nào, có gì mới mẻ chẳng ? Xem ra chữ *“như”* có chất chứa hy sinh khi yêu, có nét mới mẻ và đáng sợ, vì chính chữ này làm nên nét đặc trưng của Kitô giáo. Thánh Augustinô viết : khi nói *“Yêu như Thầy đã yêu anh em”* là Đức Giêsu nói đến tình yêu của mình đối với các môn đệ với hy sinh và tha thiết : *“Không có tình yêu lớn hơn tình yêu của người hy sinh mạng sống vì bạn hữu mình”* (Ga 15,9). Chết vì bạn hữu là hành vi lớn nhất của tình yêu. Đức Giêsu đã yêu các môn đệ nói riêng, và con người nói chung bằng tình yêu hiến mạng. Nay Người đòi buộc các môn đệ, cụ thể là chúng ta phải yêu nhau đến mức đó. Tình yêu mà Chúa Giêsu yêu chúng ta phát xuất từ Chúa Cha : *“Như Cha đã yêu Thầy thế nào, Thầy cũng yêu anh em như vậy”* (Ga 15,9). Như vậy là có một nguồn suối tình yêu chảy tràn từ Chúa Cha đến Đức Giêsu, và tiếp tục chảy tràn xuống các môn đệ, dòng suối ấy không ngừng chảy trên chúng ta, nếu chúng ta giữ lại, tình yêu đó sẽ trở nên ao tù nhơ nhớp, nên chúng ta phải yêu thương nhau như Chúa đã yêu thương chúng ta, yêu mến Thiên Chúa hết lòng để đáp lại tình yêu Chúa, *“Thầy ban cho các con một điều răn mới”* là thế đấy.

Thánh Augustinô nói tiếp : *“Yêu như Thầy đã yêu anh em”*, khác với lòng mến tự nhiên thuần túy. Bởi : *“Các bộ phận vì ích chung mà đùm bọc lấy nhau. Cho nên một bộ phận phải đau, thì hết các bộ phận đau chung; một bộ phận được vinh, thì hết các bộ phận vinh chung!”* (1Cr 12,25-26). Thật vậy, ai nghe điều răn này, hay đúng hơn là ai tuân giữ lời này, họ sẽ được biến đổi trở nên đồng thừa tự với Chúa Giêsu. Họ yêu thương nhau không đơn giản với bản tính tự nhiên, nhưng vì họ là *“thần”* (Jn 10,35) nên tất cả họ yêu nhau và *“họ là con Đấng Tối Cao”* (Lc 6,35). Họ yêu thương nhau là vì họ được Đức Kitô yêu thương. (Trích bài giảng Tin Mừng Gioan, số 65). Tình yêu vì Chúa.

Chúng ta thấy, cuộc sống cần tình yêu, nhân loại cần tình yêu, mỗi người sống trong cuộc đời này đều cần tình yêu và rất cần tình yêu. Có thể nói, tình yêu là lẽ sống, là niềm hạnh phúc, là sự bình an của tất cả mọi người không trừ ai. Nên có bao nhiêu tiểu thuyết là có bấy nhiêu chuyện tình. Có bao nhiêu phim truyện, tiểu phẩm, bài hát là bấy nhiêu cách diễn tả tình yêu. Người ta khai thác tình yêu trên mọi lĩnh vực : thơ ca, hò vè, quảng cáo.v.v...

Sống ở trên đời có trăm bảy loại tình yêu, tôi xin tạm liệt kê. Chúng ta tự hỏi, tại sao cha mẹ lại yêu con cái và con cái lại yêu cha mẹ. Thừa là vì ông bà ấy là người sinh ra chúng, chúng là con của ông bà đó. Đây là tình yêu huyết tộc. Ngày nay phú quý sinh lễ nghĩa, đây đó chúng ta gặp những buổi hội ngộ đồng niên, đồng lớp, đồng ngũ, đó là thứ tình đồng niên, bạn bè cùng lớp cùng tuổi mến thương nhau. Một loại tình yêu lẫn át mọi thứ tình yêu, khi nói đến người ta nghĩ ngay đến nó, nhất là những người trẻ, đó là tình yêu nam nữ. Đây là tình yêu đơn phương, vì con người yêu nhau. Tình yêu đôi lứa, tình yêu bạn bè, tình yêu đồng đội, tình yêu của anh chị em một nhà... tình yêu của cha mẹ với con cái. Tất cả những tình yêu đó đều cao đẹp, đều phù hợp ý Chúa.

Một thứ tình yêu cao thượng mà Chúa dạy chúng ta là tình yêu vì Chúa. Kinh Kính Mừng chúng ta vẫn đọc : *"...vì Chúa thì con thương yêu người ta như mình con vậy"*. Như thế, tình yêu của chúng ta không còn giới hạn bởi huyết tộc, bạn bè quen biết, mà mở rộng tới hết mọi người, tôi yêu họ vì Chúa yêu tôi và truyền dạy tôi .

Yêu thương là điều Chúa dạy, hơn nữa đó là lệnh truyền của Chúa : *"Thầy truyền cho các con điều này là: các con hãy yêu mến nhau"* (Ga 13,34). Vì thế không ai có quyền từ chối yêu thương, càng không có quyền thù nghịch anh chị em mình. Có yêu nhau thật lòng, người ta mới có thể sống cho nhau, chết vì nhau. Thử tưởng tượng, một thế giới không có tình yêu, không ai yêu ai, thì thế giới sẽ kinh khủng biết chừng nào. Bởi đi tới đâu, ta cũng chỉ thấy thù hận, bạo động, diệt chủng... Hãy yêu thương, hãy trao tặng cho nhau tình yêu thật lòng để cuộc đời đáng yêu và đáng sống. Tình yêu sẽ làm cho cả người đang yêu lẫn người được yêu bình an và hạnh phúc. Hãy yêu thương nhau như Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta. Amen.

Lm. Anton Nguyễn Văn Độ

VỀ MỤC LỤC

LINH MỤC - MỤC TỬ (CHÚA NHẬT CHÚA CHIÊN LÀNH)

Lễ Chúa chiên lành, chúng ta cùng nhìn lại một khía cạnh nhỏ, trong rất nhiều khía cạnh xảy ra do những tương quan giữa linh mục và anh chị em mà Chúa trao ban cho ngài.

Linh mục hàng ngày tiếp xúc cùng mọi con người. Tất cả những người đến với linh mục, trừ những trường hợp có công tác, xin lễ, hay những công việc thường xuyên nào đó, tất cả số còn lại dường như có một điểm chung: Dù là ai, thuộc tầng lớp, tâm tính, lứa tuổi nào, họ đều có những góc khuất của tâm hồn, mà chỉ bản thân họ và sự khôn ngoan thương trí của Thiên Chúa mới biết mà thôi.

Nếu những góc tâm hồn ấy chất chứa hạnh phúc, sự đỡ nâng, tình yêu, hy vọng..., ngay cả khi phải long đong và ưu tư mà vẫn thấy được ánh sáng phía đằng trước, thì đều là tín hiệu đáng mừng và không có gì đáng nói.

Nhưng trong số họ, nhiều người bị cô đơn, bị bỏ rơi, bị ruồng rẫy, bị bạc đãi, bị phản bội, bị bách hại..., dù là tinh thần hay thể xác..., đều là những người đáng thương, đáng được xót chia, thấu hiểu và cảm thông.

Chỉ là chủ quan, tôi nghĩ rằng, hơn ai hết, từ tòa giải tội, cho đến những gặp gỡ hàng ngày, chỉ có linh mục là người được biết nhiều nhất về tâm tư, về những chiều sâu lắng đọng trong tâm hồn anh chị em mình.

Bởi có biết bao nhiêu điều, nhất là những tội lỗi, những chấn thương tâm hồn, có khi đã lắng suốt nhiều năm, ngay cả vợ chồng với nhau còn chưa được biết, ngay cả những chuyên viên tư vấn tâm lý còn chưa được đương sự bộc lộ, hay chưa được bộc lộ hoàn toàn, thì những anh chị em ấy vẫn có thể nói ra với linh mục để xin chúc phúc lành, xin được động viên, chia sẻ, ủi an, giúp thêm lời sống, giúp thêm ý kiến để có chút ánh sáng phía trước mà tiếp tục sống.

Nhất là lời cầu nguyện. Tất cả những anh chị em này, trong đau khổ, trong nỗi xót xa của lòng mình, đều muốn vị linh mục đang lắng nghe họ, hãy cầu nguyện cho họ, cho hoàn cảnh của họ...

Trong số những anh chị em trĩu nặng tâm tư, không chỉ là tín hữu Kitô, mà có cả nhiều anh chị em ngoài Hội Thánh Chúa. Tôi đã từng bắt gặp người cán bộ khá cao cấp, đến trút bỏ nỗi niềm của anh cho vị linh mục có chút thân thiện với anh...

Vì thế, trong cuộc đời này, từng có biết bao nhiêu linh mục, mang theo trong tâm tư, mang theo trong suốt một đời cầu nguyện, mang theo trong từng hiến lễ mỗi ngày của mình, không biết bao nhiêu bí mật của vô vàn cuộc đời con người.

Những bí mật này sẽ theo mãi, theo mãi... như trái tim, như giọt máu trong thân thể, suốt đời, cho đến giờ vị linh mục trình diện trước tòa Đấng Cứu Chuộc.

Nói chính xác hơn, khi vị linh mục khép lại hành trình đời mình, thì những trần trở, những tâm tư, có khi là bức xúc, có khi là tội lỗi, là mặc cảm, là tất cả những gì được xem như bí mật của đời người... cũng sẽ theo ngài đi về bên kia cuộc đời, mà không có bất kỳ ai là người thứ ba được biết...

Và như vậy, đã có biết bao nhiêu câu chuyện, bao nhiêu bí mật về cuộc đời của anh chị em đã theo vị linh mục để trình diện trước tòa phán xét của Thiên Chúa hằng sống...

Biết bao nhiêu nỗi niềm, bao nhiêu thổn thức, bao nhiêu trần trở, bao nhiêu uất ức, bao nhiêu cái bi ai... của những kiếp người được linh mục mang theo bên mình để hiến dâng lên Chúa, để cầu nguyện trực tiếp ngay bên ngai tòa Chúa.

Đó là vinh quang, danh dự. Nhưng đó cũng là trách nhiệm cao quý của linh mục.

Được thấu hiểu nỗi niềm thuộc về góc khuất nơi tâm hồn con người, điều đó cũng nói lên lòng yêu mến, sự tin tưởng mà anh chị em dành cho linh mục.

Lòng yêu mến, sự tin tưởng của anh chị em dành cho linh mục, cùng sự trân trọng, sự thấu hiểu mà linh mục dành cho anh chị em mình là vốn liếng, là tài sản đáng quý hết sức của Hội Thánh Chúa Kitô.

Qua linh mục, Hội Thánh trở nên nguồn sống sinh động, nguồn an ủi, nguồn hy vọng của con người. Qua bàn tay lãnh đạo cách tận tụy, đầy tình yêu hy sinh của linh mục, Hội Thánh mãi mãi là bà mẹ chăm sóc, nâng niu, bảo vệ từng đứa con của mình.

Vì thế, trong một suy tư mà thánh Giám mục Augustino từng chia sẻ: *"Cho anh chị em, tôi là Giám mục. Cùng với anh chị em, tôi là Kitô hữu"*, thì người linh mục cũng có thể nói: *"Cho anh chị em, tôi là linh mục. Cùng với anh chị em, tôi là Kitô hữu"*.

Vì thế:

1. Một mặt, trong từng giây phút sống, người linh mục không được buông lỏng trách nhiệm.

Ngài phải chăm chút từng tí một cho ơn gọi của mình bằng việc thường xuyên cầu nguyện, thường xuyên kết hợp với Chúa, nhất là dâng thánh lễ sốt sắng, và chìm đắm trong thinh lặng tuyệt đối trước Mình Thánh Chúa để mức lấy ơn Chúa, mức lấy sự khôn ngoan của Chúa Thánh Thần mà hoàn thành cách tốt nhất trách nhiệm được trao phó.

2. Mặt khác, để mang lại chính lợi ích thiêng liêng cho bản thân mình, người tín hữu nói riêng, tất cả mọi người nói chung, hãy cầu nguyện cho các linh mục được yêu mến Chúa, thánh thiện và dư đầy ơn Chúa. Nhờ đó, các ngài có đủ những điều kiện thiêng liêng cần thiết mà lãnh đạo và trao ban cho chúng ta.

Lm. JB NGUYỄN MINH HÙNG

VỀ MỤC LỤC

MỘT VÀI Suy Tư MỤC VỤ VỀ MÙA PHỤC SINH

Trước khi đề cập đến những suy tư mục vụ về Mùa Phục Sinh, tưởng chúng ta cần nhớ lại một số nguyên tắc thần học căn bản để giúp ta hiểu rõ hơn những thực hành phụng vụ và mục vụ của Mùa Phục Sinh.

1. Khởi điểm : mầu nhiệm phục sinh của Chúa Kitô

Mầu nhiệm Phục sinh không phải là phần phụ lục hoặc một tín điều đặc biệt nào đó, mà là khởi điểm và là căn bản của đức tin Kitô giáo. Chúng ta không thể là Kitô hữu nếu chúng ta không tin vào sự sống lại của Chúa Kitô ! Thánh Phaolô xác quyết : *“Nếu Chúa Kitô không sống lại, thì lời giảng dạy của chúng tôi là hư vô và đức tin của anh em là mơ hồ”* (1 Cr 15, 14).

Mỗi Chúa nhật, Giáo Hội tưởng niệm việc Chúa Kitô phục sinh. Theo Hiến chế về Phụng Vụ Thánh « Sacrosanctum concilium » của Công đồng Vaticano II : *“Mẹ thánh Giáo Hội ý thức mình có bổn phận cử hành bằng cách tưởng niệm công trình cứu chuộc của Đấng Phu Quân chí thánh vào những ngày được ấn định trong năm. Mỗi tuần, vào ngày được gọi là Chúa Nhật, Giáo Hội tưởng nhớ việc Chúa Phục sinh, và mỗi năm một lần Giáo Hội còn cử hành mầu nhiệm ấy vô cùng trọng thể vào dịp lễ Chúa Phục sinh, cùng với cuộc Thương Khó hồng phúc của Người.”* (số 102)

Như thế, ngoài mỗi Chúa nhật, Giáo Hội còn cử hành Mầu nhiệm Phục sinh “vô cùng trọng thể vào dịp lễ Chúa Phục sinh”. Giáo Lý Giáo Hội Công giáo nói rằng : *“Lễ Phục Sinh không chỉ đơn giản là một ngày lễ giữa bao lễ khác : nó chính là ‘Ngày Lễ của các ngày lễ’, ‘Lễ Trọng của các lễ trọng’”* (số 1169). Vậy, Phục Sinh là lễ trọng nhất trong năm phụng vụ.

2. Lễ Phục Sinh kéo dài 50 ngày

Một số người nghĩ rằng Mùa Phục Sinh gồm lễ Phục Sinh và hậu Phục Sinh cho tới lễ Hiện Xuống. Không ! Lễ Phục Sinh là một lễ kéo dài năm mươi ngày, tương tự như kỳ nghỉ hè, kỳ nghỉ này dĩ nhiên không kết thúc sau buổi tối của ngày đầu tiên.

Sách « Những quy luật tổng quát về năm phụng vụ » của Giáo Hội tuyên bố : *“Năm mươi ngày từ Chúa nhật Phục Sinh đến Chúa nhật Hiện Xuống, được cử hành trong niềm hân hoan phấn khởi, như một ngày lễ duy nhất, hơn thế, như một ‘Đại Chúa nhật’”* (số 22) (Đại Chúa nhật là thành ngữ của thánh Athanasiô vào thế kỷ IV).

Niềm vui Phục Sinh của Mùa lễ này được diễn tả trong phụng vụ, trong sách lễ cũng như trong phụng vụ Các Giờ Kinh. Thí dụ :

- Lời nguyện Kinh Sáng của Chúa nhật III Phục Sinh (lời nguyện Kinh Sáng = lời nguyện nhập lễ trong ngày) : *“Chúa đã làm cho tâm hồn chúng con tươi trẻ lại, và chan chứa niềm vui...”*

- Trong Mùa Phục Sinh, cuối kinh Tiền Tụng, ta đều nghe câu này : *“Vì thế, với niềm hân hoan chứa chan trong lễ Phục Sinh, toàn thể nhân loại trên khắp địa cầu đều nhảy mừng...”*

- Cây nến Phục Sinh, biểu tượng Chúa Kitô Phục Sinh, cũng là biểu tượng của niềm vui liên tục này, phải được để suốt năm mươi ngày gần bàn thờ trước mặt các tín hữu và được thấp sáng trong các buổi cử hành phụng vụ.

- Dựa theo truyền thống của Giáo Hội, cuộc cải tổ phụng vụ của Công đồng Vaticanô II đã nhấn mạnh rằng chính Thiên Chúa đã muốn ngày lễ Phục Sinh kéo dài năm mươi ngày :

(lời nguyện nhập lễ của thánh lễ vọng Hiện Xuống) :

“Lạy Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, Chúa đã muốn chúng con dành trọn năm mươi ngày để cử hành mầu nhiệm Vượt Qua. Xin tuân đổ ơn Chúa Thánh Thần, để các dân tộc trên thế giới, tuy ngôn ngữ bất đồng, được hiệp nhất cùng nhau mà tuyên xưng danh Chúa. Chúng con cầu xin...”

3. Một vài suy tư mục vụ về Mùa Phục Sinh

Chúng ta phải nhìn nhận rằng có sự tương phản giữa sự hân hoan, phấn khởi của Mùa Phục Sinh với thực tế hiện tại. Hiện nay, trong lãnh vực mục vụ phụng vụ, Mùa Phục Sinh là một thời gian trống rỗng : ta nhấn mạnh quá nhiều đến Mùa Chay, thời gian chuẩn bị lễ Phục Sinh, với đủ loại hình thức : các cuộc tĩnh tâm, hội thảo, học hỏi, các nghi lễ phụng vụ, những nghi thức sám hối, v.v... Nhưng kể từ thứ hai sau Phục Sinh, ta có cảm tưởng rằng lễ Phục Sinh đã kết thúc.

Xin đan cử một vài thí dụ cụ thể :

- Một số nhóm cắm hoa đã đầu tư rất nhiều để làm nổi bật các chủ đề của các Chúa nhật Mùa Chay, nhưng ít khi họ làm điều này với các Chúa nhật Phục Sinh. Đối với Mùa vọng cũng giống như thế. Ta quá bận tâm lo lắng cho việc chuẩn bị, lo cho cái “trước lễ”, nhưng ít hoặc không làm gì nữa cả cho cái “trong mùa lễ”.

- Và rồi sau Chúa nhật Phục Sinh, ta bắt đầu chuẩn bị nhộn nhịp cho rước lễ lần đầu, lễ bao đồng, thêm sức v.v...

- Ở một số quốc gia, đặc biệt ở Việt Nam, tháng năm là “tháng hoa Mẹ” có vai trò rất quan trọng trong các cuộc cử hành phụng vụ của tín hữu Việt Nam. Các giáo xứ, đoàn thể thi nhau dâng hoa mừng kính Đức Mẹ, đua nhau làm những kiệu hoa rực rỡ, đầu tư trang phục, hình thức bên ngoài sao cho hoành tráng. Một số gia đình đi lễ với mục đích duy nhất là xem dâng hoa Đức Mẹ ! Với một tinh thần như thế, liệu người công giáo còn quan tâm đến điều cốt yếu và quan trọng nhất của thời gian sống ân sủng Mùa Phục Sinh?

Như vậy, ta thấy rõ sự cần thiết phải trở về với tinh thần của Mùa Phục Sinh như Giáo Hội mong muốn. Việc đầu tiên phải thực hiện là dành cho lễ Phục Sinh một vị trí ưu tiên : không một lễ nào, dù là rước lễ lần đầu hay lễ bao đồng, dù lễ mừng Đức Mẹ hay các thánh, có thể thay thế sự long trọng của năm mươi ngày mừng lễ Phục Sinh.

Ngoài ra, mọi lễ trong năm phụng vụ (lễ Giáng Sinh, lễ Hiện Linh, lễ Lên Trời, lễ Hiện Xuống...) không được tách rời thành những yếu tố độc lập với nhau, mà phải được đặt trong tương quan với lễ Phục Sinh là trung tâm điểm của năm phụng vụ. Nói cách khác, tầm quan trọng của các lễ này là do sự liên hệ mật thiết của chúng với mầu nhiệm Phục Sinh, và chính mầu nhiệm Phục Sinh phải là yếu tố linh động hoá tất cả các lễ này từ bên trong.

Ước mong mỗi Kitô hữu sống tinh thần trở về Nguồn, về trung tâm điểm của mọi cử hành phụng vụ là Mùa Phục Sinh để được kín mức nguồn mạch ân sủng Chúa dành cho ta qua Mầu nhiệm Phục Sinh của Con Thiên Chúa.

Lm. Giuse Vũ Thái Hòa

VỀ MỤC LỤC

JERUSALEM LÀ GÌ?



CHÚA NHẬT 5C PHỤC SINH

Cv 14:21-27; Kh 21: 1-5a; Ga 13:31-33a, 34-35

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh

Image: Jerusalem and The Temple by James Tissot

Dựa vào bài đọc sách Khải Huyền hôm nay (Kh 21:1-5a), chúng ta tìm hiểu và suy niệm về thị trấn thánh Jerusalem và những địa danh quan yếu của nó theo tinh thần Kitô giáo.

Thầy cả rabbi đã để lại một ý tưởng khá lạ lùng trong kinh sách Talmud Babylone (Kiddushin 49b): thiên đàng, trần thế và Jerusalem là 3 yếu tố chính của linh hồn Do Thái. Các rabbi nói: “*Khi thế giới được tạo dựng, Thiên Chúa cho thế giới 10 phần vui thì Jerusalem được 9 phần; Thiên Chúa cho thế giới 10 phần đẹp thì Jerusalem được 9 phần; Thiên Chúa để thế giới 10 phần đau khổ thì Jerusalem chịu 9 phần.*”

JERUSALEM: TRUNG TÂM LỊCH SỬ VÀ HÌNH ẢNH CỨU CHUỘC

Jerusalem là thị trấn vui mừng, nguyện cầu và đau khổ của loài người. Thị trấn của những ước mơ đã thành tựu và tan vỡ. Nhìn vào bản đồ thời Trung Cổ ta thấy Jerusalem và đền thờ Salomon nằm ngay trung tâm thế giới, các đại lục Âu Châu, Phi Châu và Á Châu làm thành hình cánh quạt tỏa ra như những cánh hoa vĩ đại. Địa thế như vậy cho thấy một viễn tượng “cứu chuộc” sẽ xuất phát từ Jerusalem. Jerusalem là trái tim thế giới, là trung tâm lịch sử.

JERUSALEM: VUI MỪNG VÀ ĐAU KHỔ

Lịch sử cứu chuộc được nói trong Kinh Thánh nằm giữa hai viễn kiến tạo thành thảm cảnh loài người lúc khởi đầu và hồi kết thúc. Viễn ảnh địa đàng bị mất được nói trong sách Sáng Thế và viễn ảnh một Tân Jerusalem đến từ Thiên Chúa được nói trong sách Khải Huyền. Chúng ta đến từ Thiên Chúa thì sẽ trở về với Thiên Chúa. Hai viễn kiến này là hai tiêu điểm tỏa sáng trên muôn vật có liên hệ đến lịch sử và số phận loài người đã được tạo nên do đau khổ và vui mừng.

JERUSALEM TRONG CỰU ƯỚC

Jerusalem là biểu tượng của đất thánh. Thị trấn là biểu tượng bảo đảm cho quyền năng cứu chuộc của Thiên Chúa:

“Jerusalem núi đồi tứ bề bao quanh,

“Dân Người được Chúa bao bọc muôn đời an vui.” (Tv 125:2)

Tác giả Thánh Vịnh / David đã ca tụng Jerusalem với những lời đầy phấn chấn:

“Lòng tôi phấn khởi hân hoan....khi họ nói với tôi:

‘Nào, chúng ta cùng đi về nhà Chúa’

“Ta dừng chân nơi thành cửa, Ôi Jerusalem!” (Tv 122:1-2)

“Lưỡi ta cứng họng tái tê,

“Chẳng còn nhớ ra người,

“Chẳng nâng người lên tuyệt đỉnh niềm vui trong đời.” (Tv 137:6)

Không ai có thể tiên đoán được tương lai Jerusalem tài hơn Isaiah, một tiên tri kiêm thi sĩ người Do Thái sống ở thế kỷ VIII. Sau khi tiên đoán thế giới sẽ bị tiêu hủy, Isaiah cho biết đàng thiên sai sẽ cứu chuộc toàn thế giới ở đồi Jerusalem. Ông nói trước là một ngày kia tất cả mọi quốc gia sẽ tụ họp lại nơi đây để hòa giải kết thúc chiến tranh tại ngọn đồi cao nhất là Zion tức Jerusalem. Từ Zion, tức “Núi nhà Chúa”, luật công lý của Thiên Chúa sẽ được ban hành. Hãy nghe đây lời tiên đoán của Isaiah (Is 2:1-5): Vào những ngày sắp tới, núi nhà Chúa sẽ là đỉnh núi cao nhất trong các núi. Mọi quốc gia sẽ tuôn đổ về đó, mọi dân tộc sẽ đến và cùng nói: ‘Nào, chúng ta hãy đi lên Núi Chúa, nhà của Thiên Chúa Jacob. Người sẽ dạy chúng ta đường lối của Người và chúng ta bước theo vết chân Người.’ Vì từ Zion, lời giáo huấn của Chúa sẽ được ban ra, xuất phát từ Jerusalem.

JERUSALEM VÀ NGƯỜI KITO GIÁO

Tin Mừng Luca và những câu chuyện sau này ở Giáo Hội sơ khai trong Công Vụ Tông Đồ đã đề cập đến Jerusalem rất tích cực. Tin Mừng Luca bắt đầu và kết thúc trong đền Jerusalem. Bắt đầu ở chỗ sứ thần báo tin cho ông Zachary -một tư tế lúc đó đang bước vào cung thánh đền Jerusalem để dâng hương- sẽ sinh con là Gioan Tiền Hô (Lc 1:10). Kết thúc ở chỗ các môn đệ của Chúa Giêsu thờ lạy Chúa mỗi ngày ở trong đền thờ trong khi chờ đợi ơn Thánh Linh đổ xuống vào ngày Lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống (Lc 24:52-53).

Cũng có nhiều dấu hiệu ghi trong các sách thánh của Giáo Hội sơ khai ám chỉ sự quan trọng của Jerusalem. Thánh Phaolô đã đến với dân ngoại bằng sứ điệp Tin Mừng, kêu gọi phải giúp đỡ những người nghèo khó của Giáo Hội ở Jerusalem và Judea. Ngài muốn tạo tình đoàn kết, thương yêu nhau giữa các thành viên của Giáo Hội gốc Do Thái và gốc dân ngoại. Phaolô đã phân biệt Jerusalem thành hai loại: loại dưới hay hạ giới tức nô lệ và loại trên hay thượng giới tức tự do như trong thư ngài gửi tín hữu Galat, nhưng Jerusalem vẫn là neo tàu, kim chỉ nam và là điểm tham khảo quan trọng.

JERUSALEM VÀ KHẢI HUYỀN

Đối với Kito hữu, Jerusalem là nơi Chúa Giesu chịu chết và sống lại, là trung tâm lịch sử loài người và thế giới. Nó cũng là một tân thị trấn ở tương lai. Tân Jerusalem này đã được nói tới trong bài đọc sách Khải Huyền chương 21. Trong giấc mơ, Gioan đã nói về một thị trấn từ Chúa, bởi Chúa và với Chúa. Tác giả trình bày Tân Jerusalem như là mục đích của lịch sử loài người. Jerusalem sẽ là khuôn mẫu cho thấy cuộc sống với Chúa thế nào vào “thời cánh chung”. Elie Weisel người đoạt giải Nobel đã dựa vào ý tưởng đó mô tả thị trấn thánh như sau: *“JERUSALEM phải ở mọi nơi, JERUSALEM là mọi nơi, ở đó người ta phấn đấu cho HÒA BÌNH khi lòng mở rộng để NGUYỄN CẦU, với lòng QUẢNG ĐẠI và BIẾT ƠN.”*

JERUSALEM VÀ BA TÔN GIÁO LỚN

Jerusalem là thị trấn của Chúa và là đền thánh của Chúa, nơi mà mọi tín hữu Do Thái giáo, Kito giáo và Hồi giáo đến để nghe lời Chúa và thờ lạy Chúa. Nhu cầu tôn giáo này là yếu tố chính của bản tính con người, cá nhân cũng như tập thể. Nó bao gồm nhiều người và cả một dân tộc. Ký ức tôn giáo cũng là ký ức quốc gia, đặc biệt đối với tín hữu Do Thái giáo và Hồi Giáo. Đối với tín hữu Kito giáo, Jerusalem đã và đang là Giáo Hội Mẹ, nơi phát sinh ra cộng đồng Kito giáo tiên khởi.

MỘT VÀI VẤN NẠN ĐỂ SUY TƯ

Jerusalem như vậy nhưng tại sao dân Jerusalem và cả thế giới vẫn gây chiến với nhau có khi tưởng như ngày tận thế đến?

Tại sao Jerusalem lại quan trọng như vậy? Jerusalem có ý nghĩa gì đối với bạn? Khía cạnh nào của Do Thái giáo và Hồi giáo đã soi sáng và giúp ích cho niềm tin của bạn? Bạn nghĩ gì về một viễn tượng của Jerusalem tương lai?

Khi nghĩ về Giáo Hội thì hình ảnh gì đến trong đầu bạn? Hình ảnh về Giáo Hội phản ánh thế nào trên kinh nghiệm của bạn là một thành viên của Giáo Hội? Nếu bạn là đền thờ sống động của Thiên Chúa, những đặc tính gì nói lên bạn là thành viên của Giáo Hội? Theo bạn, biểu tượng nào nói lên được tình đoàn kết nhất của người Kito hữu?

Tất cả cư dân thành Jerusalem ngày nay đang chiến đấu cho một xã hội công bằng và bảo đảm ngay lập tức. Thảm cảnh liên tục nơi đất thánh chính là thảm cảnh của niềm tin. Vậy thì chiến tranh vì tôn giáo và cuộc tranh cãi giữa những người cùng tin vào một Thiên Chúa còn kéo dài bao lâu nữa? Không phải vì lý do này mà Thiên Chúa tỏ mình cho chúng ta và nói cho chúng ta nơi đất thánh này, mà chính là vì ơn cứu độ loài người và tình yêu nhân loại. Đó là khi cụ xây dựng duy nhất và phương cách độc nhất dẫn đến hòa bình và công lý.

Làm sao bạn có thể biết được một Jerusalem tương lai? Những khuôn mẫu và ẩn dụ tôn giáo nào giúp bạn có được một viễn kiến về thị trấn thánh này? Sự tưởng tượng về tôn giáo của bạn có đưa bạn đến một viễn ảnh hòa bình và công lý không, hay nó lại phát sinh ra những ý tưởng hận thù, loại bỏ và bạo động?

ĐÔI LỜI KẾT: TRUNG THÀNH VỚI JERUSALEM VÀ GIÁO QUYỀN LA MÃ

Để kết luận bài suy niệm này, xin chuyển dịch lời nguyện cầu của HY Carlo Maria Martini, sj trong sách của ngài nhan đề **Due Pellegrini per la Giustizia** (Centro Ambrosiano: Edizioni Piemme, 1992) . Biết được kinh này khi tôi đi hành hương Jerusalem hơn 10 năm trước đây.

Lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con,

Chúng con cầu xin Chúa,

Chúng con chúc tụng Chúa, vì Jerusalem...

Vì Chúa ban cho chúng con thị trấn này,

Như biểu tượng câu chuyện của Chúa và câu chuyện loài người;

Dấu hiệu tình yêu Chúa thương chúng con,

Lòng Chúa thứ tha tội lỗi mọi người.

Biểu tượng cuộc hành hương dương thế của chúng con đi về nhà Chúa,

Đầy gian nan và tranh chấp.

Chúng con cầu xin cho Jerusalem,

Cho tất cả những người anh chị em huynh đệ,

Do Thái và Ả Rập....

Chúng con tạ ơn Chúa,

Vì Chúa kêu gọi chúng con phụng sự Chúa Kito

Vác thánh giá Chúa ngày nay trong Giáo Hội,

Một Giáo Hội mà trung tâm là La Mã

Vì Chúa đã kêu gọi chúng con trở nên một với con Chúa.

Chúa dạy chúng con đặt tên cho sự hiệp nhất ấy của chúng con với Người

Như lời thánh Ignatius Loyola nói.

Hôn thê đích thực của chúa Kito Chúa chúng con,

Là Giáo Hội Mẹ chúng con.

Chúng con cảm ơn Chúa vì Giáo Hội và La Mã;

Đó là hình ảnh của hiệp nhất

Là hành hương đi tới thống nhất,
Đi tới tòa phán xét chúng con phải chịu
Để hoàn thành tình hiệp nhất ấy.

Chúng con xin Chúa ban ơn trung thành...

Với Jerusalem và La Mã,

Với Con Chúa và Giáo Hội

Trong cuộc hành trình chung với nhân loại

Hướng về Trái Tim Chúa Ba Ngôi

Để chiêm nghiệm dung nhan Chúa,

Đức Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen

Fleming Island, Florida

May 2019

VỀ MỤC LỤC

SỐNG ĐỨC TIN VÀ CHU TOÀN MỌI GIỚI RĂN CỦA CHÚA QUAN TRỌNG RA SAO CHO PHÂN RỜI CỦA NGƯỜI TÍN HỮU CHÚNG TA?

Đối với người tín hữu Kitô Giáo thì vấn đề cứu rỗi là vấn đề quan trọng nhất, vì được cứu rỗi có nghĩa là được vào Thiên Đàng vui hưởng Thanh Nhan Chúa đời đời trong Vương Quốc tình yêu, an bình và hạnh phúc của Chúa, sau khi hoàn tất hành trình con người trên trần thế này. Thiên Chúa là tình yêu là **“Đấng cứu độ chúng ta, Đấng muốn cho mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý.”** (1Tm 2:4) như Thánh Phaolô đã quả quyết không sai lầm.

Nhưng muốn được cứu rỗi, con người phải cộng tác với ơn Chúa bao lâu còn sống trên trần gian này, vì con người có tự do để chọn Chúa và sống theo đường lối của Chúa hay khước từ Người để sống theo bản năng tội lỗi, theo thế gian vô luân vô đạo và đầu hàng ma quỷ để làm những sự dữ, sự tội như oan thù, chia rẽ, giết người, giết thai nhi, đâm ô, thay chồng đổi vợ, ngoại tình, gian tham, trộm cướp, bắt công bóc lột người khác... như thực trạng sống của biết bao người trong thế giới vô luân vô đạo ngày nay.

Trước thực tế đó, người tín hữu chúng ta cộng tác với ơn Chúa có nghĩa là sống đức tin có chiều sâu thực sự và thể hiện đức tin đó cách cụ thể qua quyết tâm thực hành những giới răn, lề luật của Chúa về công bình, bác ái, thương yêu tha thứ như Chúa yêu thương và tha thứ cho chúng ta. Đó là điều kiện cho ta được cứu rỗi để vào Nước Trời hưởng phúc Thiên Đàng với Chúa đời đời sau khi hoàn tất hành trình đức tin trên trần thế này.

Đức Thánh Cha Phanxicô I, sau khi lên ngôi, đã cho công bố Tông Thư đầu tiên của ngài nhan đề: **Ánh Sáng Đức Tin** (Lumen Fidei) để nhắc nhở mọi tín hữu trong Giáo Hội suy niệm thêm nữa về quà tặng đức tin mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta để giúp chúng ta vững tin có Chúa là Cha toàn năng, Đấng tạo dựng mọi loài vô hình và hữu hình, tin Chúa Kitô đã xuống thế làm Con Người để – qua khổ hình thập giá – cứu chuộc cho nhân loại khỏi bị án phạt đời đời vì tội.

Ánh sáng Đức Tin là ngọn đuốc soi sáng cho chúng ta vững chắc bước đi theo Chúa Kitô là **“Con Đường, là sự Thật và là sự Sống.”** (Ga 14: 6). Chúa Giêsu-Kitô chính là **Ánh Sáng** đã đến trong trần gian để soi sáng và giải phóng đúng nghĩa cho những ai đang ngồi trong bóng tối của tử thần, của tội lỗi và sự dữ, như Người đã nói với các môn đệ và dân Do Thái xưa như sau:

“Ta là ánh Sáng đến thế gian

Để bất cứ ai tin vào Ta

Thì không ở lại trong bóng tối.” (Ga 12: 46)

Tin vào Chúa để không ở lại trong bóng tối, có nghĩa là đoạn tuyệt với tội lỗi vì **“tội lỗi gây nên sự chết, như thế sự chết đã lan tràn tới mọi người vì một người đã phạm tội”** như Thánh Phaolô đã quả quyết. (Rm 5: 12). Bóng tối là nơi trú ẩn của mọi sự dữ, sự gian tà, dâm dăng ô uế, vì ma quỷ, kẻ thù của chúng ta, đang ẩn mình ở các nơi đây để không ngừng cám dỗ để lôi kéo con người ra khỏi tình thương của Chúa để làm nô lệ cho chúng khiến mất hy vọng được cứu rỗi nhờ công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa Kitô, **“Đấng đã hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người.”** (Mt 20 : 28).

Ánh sáng đức tin không những soi đường cho người có niềm tin vững chắc bước đi trong chân lý, trong đường ngay lành, lương thiện mà còn chỉ cho ta biết những gì trái nghịch với đức tin vào một Thiên Chúa Ba Ngôi để từ đó thêm quyết tâm sống theo đường lối của Người, xa tránh mọi sự dữ, sự tội để sống xứng đáng là người có niềm tin và thể hiện niềm tin ấy từ trong tâm hồn ra ngoài hành động cụ thể trước mặt bao người không có hay chưa có đức tin để:

“họ thấy những việc tốt đẹp anh em làm mà tôn vinh Cha của anh em, Đấng ngự trên trời.” (Mt 5: 16).

Thật vậy, cứ nhìn vào thực trạng con người đang sống ở khắp nơi trên thế giới ngày nay cũng đủ cho ta thấy làn ranh của ánh sáng đức tin và bóng tối của sự dữ, sự chết đang bao phủ biết bao người sống trong đó.

Nếu ánh sáng đức tin đã soi dẫn cho những nhà truyền giáo quên thân mình để hy sinh đi mở mang Nước Chúa ở các nơi xa xôi và nguy hiểm bên Phi Châu, Nam Mỹ và A Châu, thì ngược lại bóng đen của sự dữ đang che mắt và lèo lái biết bao người khiến họ mù lòa không còn nhìn rõ làn ranh giữa sự thiện và sự dữ nữa.

Đó là những kẻ đang giết người vì tiền, vì tin tưởng cuồng tín, như bọn Hồi giáo quá khích (ISIS) đang giết hại các Kitô hữu thiểu số, ở Afganistan, Pakistan, Ấn Độ, Iran, Iraq, Ai Cập, và Syria, Cộng Hòa Trung Phi. . hay vì muốn bá m lấy địa vị cai trị độc ác của mình nên đã ra tay sát hại bao trăm ngàn người đang đòi hỏi công lý, dân chủ và tự do ở nhiều nơi trên thế giới.

Đó là những kẻ đang giết chết hàng triệu thai nhi mỗi ngày trên khắp thế giới, đặc biệt là ở Trung Hoa lục địa, nơi trẻ nữ đã bị sát hại từ bao thế kỷ trước kia vì quan niệm trọng nam khinh nữ và nay vì chính sách “một hay hai con cho mỗi gia đình” của nhà cầm quyền cộng sản.

Đặc biệt, đó là những kẻ đang buôn bán phụ nữ và trẻ em cho kỹ nghệ mại dâm và ấu dâm (child prostitution) rất khốn nạn và tội lỗi ở khắp nơi trên thế giới tục hóa ngày nay. Sau cùng, đó là những kẻ gian manh, trộm cướp, mớ sòng cờ bạc, nhà điểm, sản xuất phim ảnh khiêu dâm đồi trụy, trồng và bán các loại cần sa ma túy để làm giàu nhờ buôn bán các sản phẩm nguy hại cho thể xác và đời sống tinh thần con người, đặc biệt là giới trẻ ở khắp nơi.

Tất cả những loại người trên đây đã và đang sống trong bóng đêm của sự chết, sự hư mất đời đời nên cần được ánh sáng đức tin và Tin Mừng cứu độ của Chúa Kitô soi chiếu và giải thoát cho ra khỏi bóng đêm đáng ghê sợ đó..

Nhưng bằng cách nào?

Đây là câu hỏi đặt ra cho mỗi người tín hữu chúng ta, những người có điểm phúc đã được biết **Chúa Kitô** là chính **Tin Mừng** và là **Ánh Sáng** chiếu soi, nên có bổn phận và trách nhiệm đem ánh sáng ấy chiếu vào những nơi tối tăm, sinh lầy, nhờ uế của tục hóa, vô thần và vô luân đang bao phủ và mê hoặc biết bao triệu người ở khắp nơi trên thế giới ngày nay.

Đây chính là trách nhiệm “**phúc âm hóa môi trường sống**” của người tín hữu Chúa Kitô bằng đời sống chứng nhân của mình ở giữa những người chưa biết Chúa và đang bị bóng đêm của sự chết bao phủ.

Thi hành vai trò chứng nhân nói trên đòi hỏi mọi tín hữu trong Giáo Hội – từ hàng Giáo Phẩm, giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân – trước hết phải thực sự sống Tin Mừng Cứu Độ của Chúa Kitô, để mình chứng đức tin thực sự của mình. Ngược lại, nếu sống phản chứng hay mâu thuẫn với niềm tin, thì sẽ không thuyết phục được ai tin những gì mình muốn rao giảng cho họ, vì không ai có thể cho người khác cái mà chính mình không có.

Cụ thể, nếu mình rao giảng tinh thần nghèo khó, và khinh chê hư danh trần thế của Phúc Âm, nhưng chính bản thân mình lại chạy theo thế quyền, ham mê tiền của, hơn là hăng say rao giảng và làm chứng cho Tin Mừng thì làm sao có thể thuyết phục được ai tin và sống điều mình giảng dạy nữa?

Nếu lời nói không đi đôi với việc làm thì không thể làm nhân chứng cho bất cứ điều gì được, vì

“Ai tin vào Con Thiên Chúa, thì có lời chứng ấy nơi mình

Ai không tin Thiên Chúa, thì coi Thiên Chúa là kẻ nói dối

Vì kẻ ấy không tin vào lời Thiên Chúa

Để làm chứng về Con của Người.” (1 Ga: 5: 10)

Như thế, thật vô cùng cần thiết phải sống đức tin cách cụ thể để mời gọi người chưa có đức tin được nhận biết có Chúa Kitô đang sống và hoạt động nơi mình để từ đó đời sống và lời rao giảng của mình sẽ có sức thuyết phục người khác.

Cụ thể, nếu người Công giáo, người Tín hữu Chúa Kitô mà cũng ăn gian nói dối, lường đảo, hận thù, thay chồng đổi vợ, bất công và thờ ơ với người nghèo khó, thì làm sao có thể thuyết phục được ai tin có Chúa là Đấng nhân từ, công chính, yêu thương, nhậm nhục và tha thứ? Đó là lý do tại sao Thánh Gia-cô-bê Tông Đồ đã khuyên dạy như sau:

“Thưa anh em, ai bảo rằng mình có đức tin mà không hành động thì nào có ích gì?

....Thật thế, một thân xác không hơi thở là một xác chết. Cũng vậy, đức tin không có hành động là đức tin chết.’ (Gc 2: 14, 26)

Hành động mà thánh Gia-cô-bê nói trên đây là chính đời sống nhân chứng của người có niềm tin nơi Chúa trước mặt người khác để họ thấy chiếu sáng qua đời sống của mình những giá trị của Tin Mừng về công bằng, nhân ái, lương thiện, nhịn nhục và tha thứ đối nghịch với bất công, gian ác, bất lương, dâm ô, thù hận, vô nhân đạo, vô luân vô đạo của thế gian tục hóa, trống vắng niềm tin.

Trong bối cảnh ấy, nếu người có niềm tin vững mạnh và sống niềm tin của mình cách cụ thể trước mặt người đời, thì **“anh em sẽ trở nên những con người vẹn toàn của Thiên Chúa, giữa một thế hệ gian tà sa đọa. Giữa thế hệ đó, anh em phải chiếu sáng như những vì sao trên vòm trời.”** như Thánh Phaolô đã viết cho các tín hữu Phi-líp-Phê (Pl 2: 15)

Mặt khác, sống trong ánh sáng đức tin, người tín hữu không thể coi nhẹ việc cầu nguyện, lãnh nhận các bí tích tối cần như Thánh Thể và hòa giải, và tuân giữ những giới răn của Thiên Chúa như Đức Thánh Cha Phanxicô đã viết trong Tông Thư **“Ánh Sáng Đức Tin, số 40-46”**.

Cần cầu nguyện để nói lên niềm tin có Chúa và tin thác vào ơn Chúa để có đủ sức vươn lên trong mọi chiều kích của đức tin và lòng mến yêu Chúa. Cầu nguyện cũng đem ta đến gần Chúa là nguồn ban phát mọi ơn cần thiết giúp ta luôn sống trong tình yêu của Chúa và có đủ sức để chống lại mọi cám dỗ của ma quỷ tinh quái, xác thịt yêu đuối và gương xấu, dịp tội đầy rẫy trong mọi môi trường sống ngày nay.

Mặt khác, tuân giữ các Giới Răn của Chúa trong Bản Thập Điều (Decalogue) cũng mạnh mẽ nói lên niềm tin và mến yêu Chúa cách cụ thể, như lời Chúa Giêsu đã nói với các Tông Đồ xưa:

“Ai yêu mến Thầy thì sẽ giữ lời Thầy

Cha của Thầy sẽ yêu mến người ấy

Cha của Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy...” (Ga 14: 23)

Mười điều Răn của Chúa không phải là những đòi hỏi có tính tiêu cực mà là những chỉ dẫn cụ thể để giúp ta đáp trả tình yêu vô biên của Thiên Chúa, thể hiện qua Chúa Kitô, Đấng cũng vì yêu thương mà **“hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người.”** (Mt 20 : 8).

Nói khác đi, thực thi Mười Điều Răn của Chúa, được đúc kết trong hai điều răn quan trọng nhất mà Chúa Kitô đã nói với một kinh sư kia (Mc 12: 29-31) là cách biểu lộ cụ thể niềm tin và biết ơn của chúng ta đối với Chúa, là Đấng đã tạo dựng và cứu độ chúng ta, chỉ vì Người yêu thương chúng ta quá vô vị lợi, chứ tuyệt đối Người không được lợi lộc gì mà phải làm như vậy. Do đó, yêu mến Chúa và tuân thủ các giới răn của Người chỉ có lợi cho chúng ta mà thôi, đúng như lời ông Mô-sê đã nói với dân Do Thái xưa:

“Anh em hãy lo thực hành như ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh em đã truyền cho anh em, không đi trạch bên phải, bên trái. Anh em hãy đi đúng con đường mà ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh em đã truyền cho anh em, để anh em được sống, được hạnh phúc và được sống lâu trên mặt đất mà anh em sẽ chiếm hữu.” (Đnl 5: 32-33)

Như thế rõ rệt cho thấy là đức tin phải được thể hiện cụ thể bằng việc làm mới có giá trị cứu độ để được hưởng hạnh phúc Nước Trời, hạnh phúc mà **“mắt chưa hề thấy, tai chưa hề**

nghe, lòng người chưa chưa hề nghĩ tới, đó là điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai yêu mến Người.” (1 Cor 2: 9) như Thánh Phaolô đã nhắc lại cho tín hữu Cô-rin-tô.

Tóm lại, nhờ ánh sáng đức tin chiếu soi, chúng ta được thấy Chúa và tin có Người, dù chưa từng trông thấy Người bằng con mắt xác thịt. Lại nữa, nhờ ánh sáng đức tin, ta được nhìn rõ lần ranh giữa sự thiện và sự dữ, sự gian tà và nhờ uest để từ đó quyết tâm chọn lựa con đường dẫn đến gặp Chúa, là nguồn an vui, hạnh phúc bất diệt.

Tuy nhiên, chúng ta phải có thiện chí muốn cho ánh sáng đức tin soi dẫn và có can đảm để bước đi trong ánh sáng đó thì mới mong tới được cùng đích hay chính đối tượng của đức tin là Thiên Chúa, Cha rất nhân từ đang ngự trên trời cao và muốn **“đến cư ngụ trong những ai yêu mến Chúa Kitô và tuân giữ lời Chúa”**, như Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ trong diễn từ cáo biệt trước khi thọ nạn thập giá. (x Ga 14: 23)

Ước mong những giải đáp trên thỏa mãn câu hỏi đặt ra. Amen

Lm. Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huấn

VỀ MỤC LỤC

CHUYỆN MỖI TUẦN – THÁNG NĂM , THÁNG KÍNH ĐỨC MẸ - KỂ MỘT MẪU CHUYỆN VỀ MẸ...

Mẫu chuyện này người viết đã có dịp đọc và chuyển ngữ từ một tờ báo Công Giáo bằng tiếng Pháp và cho in trong một tập nhỏ có tựa đề “Tin Mừng Sống” vào năm 1977, tức là cách đây khoảng 42 năm – thời gian đủ để những ai đã đọc...thì quên, và dĩ nhiên những ai chưa đọc...có thể đọc, vì nó dễ thương và người viết nghĩ rằng nó vẫn đầy tính “cập nhật”...

Chuyện là như thế này:

Ông linh mục tìm tòi...Giờ giáo lý cuối trong đợt chuẩn bị cho các em rước Chúa lần đầu : làm sao để các em nhìn thấy niềm tin và niềm vui tâm hồn của những ai biết chạy đến với Chúa...Công việc “trồng người” quan trọng biết bao... “ Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người” cơ mà! Nhất là lại phải nói với những khối óc non nớt đó về việc cầu nguyện...Cầu nguyện cần thiết như hơi thở cần cho sự sống...Sách giáo lý thì dạy : cầu nguyện là nâng tâm hồn lên tới Chúa...Nhưng ít ra là cũng có tới ba “từ” khó hiểu đối với những cái đầu ngây thơ của lứa tuổi sáu, bảy đó : “ nâng – hồn – Chúa ”...Ông linh mục tìm cách trang bị cho mình một mớ những lý thuyết của thánh An-phong-sô, những bí quyết của thánh Ca-ta-ri-na, thuộc lòng cả trang sách trong chuyện “Một Tâm Hồn”...để rồi cảm thấy những trang bị ấy đều là những chuyện chưa có thể nói được với các em ! Sáng hôm sau, một cách không mấy thần học, ông linh mục ngập ngừng diễn tả :

- Chúng con biết : khi cầu nguyện với Chúa Cha nhân từ để xin Người nâng đỡ chúng ta...thì cũng như lúc ba chúng con gọi “ giây nói” (điện thoại) cho bác sĩ : Allo ! Allo ! tôi đây...Xin bác sĩ vui lòng đến ngay...Tôi đang cần có bác sĩ ! Cha nói với chúng con rằng : Thiên Chúa – Cha chúng ta – Người sẽ đến với chúng ta hoặc bằng cách này hay bằng cách khác...

Sự so sánh nào cũng có thể có ít nhiều khuyết điểm...và sự so sánh trên đây lại càng có vẻ què quặt hơn nữa ! Ông linh mục nghĩ : tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa ! Quá lo lắng đến sự sáng sủa, rõ ràng...thì lại rơi vào tối tăm, mù mịt...Có lẽ những đứa bé này chưa một lần thấy được cái “giây nói”...

...Thế nhưng, trên hàng ghế đầu phía các em nam, một cậu bé say sưa “nuốt” từng lời giảng...

Bé An-rê mới tám tuổi đầu mà đã phải chịu đựng quá nhiều đau khổ : Cha mất sớm...Mẹ thì thường xuyên bệnh hoạn...An-rê ở tạm bợ trong một chung cư dành cho những người nghèo khổ...Cậu đã nhiều lần thấy người lớn gọi “giây nói” rồi...Và lúc này, nếu cần phải gọi “giây nói” cho Chúa, An-rê biết chắc là mình sẽ phải làm gì ngay...

Hai tháng sau – vào đêm 14 tháng 8 – mẹ An-rê bỗng lên cơn rất nặng...Bà nằm bất động trên giường và không biết phải làm gì hơn là yếu ớt lên tiếng gọi đứa con đang ngủ ở phòng bên...An-rê gần như đã quá quen thuộc với căn bệnh bất thường của mẹ...Như mọi lần, cậu chạy tìm chị hàng xóm, xin chị qua giúp mẹ...Lần này thì khác...An-rê bấm chuông : reng...reng...reng...Vẫn không một động tĩnh gì...Cậu bé nóng nảy, hai tay đập cửa...Tất cả vẫn im lìm ! Chị đã về quê nghỉ lễ mất rồi...Lo lắng và thất vọng, An-rê quay lại bên giường mẹ :

-Mẹ ơi, không có ai ở nhà hết !

Buồn rầu, cậu quỳ xuống, áp bàn tay lạnh ngắt của mẹ lên má như muốn chuyển sang mẹ hơi ấm của chính cậu...An-rê chợt nhớ lại : À...”giây nói”...Cha đã dạy : khi cần...gọi “giây nói”...Chúa sẽ đến bằng cách này hay cách khác...Cậu lật đặt mở cửa, chạy đến cuối hành lang...Nhưng số điện thoại của Chúa ? Không thấy Cha sờ nói đến số điện thoại của Chúa ! Cậu chộp lấy cuốn niên giám, nằm dài trên sàn, cẩn thận dò từng chữ...Hay là... Chúa Toàn Năng...thì đâu cần đến số điện thoại...Số nào cũng có thể gọi đến Người được chứ...An-rê đưa tay nắm ống...Mà gọi Chúa hôm nay có tiện không ?!...Ngày mai là lễ của Đức Mẹ mà...Chắc là hôm nay, Ngài ở đâu gần đây thôi...Gọi Đức Mẹ xem sao...Cậu xoay... xoay... mặt số ... Phải chào Đức Mẹ sao đây ? Mình thuộc kinh Kính Mừng...Thôi. Cứ đọc kinh Kính Mừng : Kính mừng Maria...Kính mừng Maria...

Đêm nay bà Hội Trưởng Hội “Các Bà Mẹ Công Giáo” giáo xứ thánh Vinh Sơn đệ Phaolô thức khuya hơn mọi đêm...Bà vẫn có thói quen kiểm điểm và ghi lại trong cuốn sổ màu hồng những tâm tình đã gặp trong ngày sống...Hình như ngày xưa, các thánh nữ, nhiều vị cũng làm công việc này...Không phải bà cao vọng, nhưng chỉ mong ước sau này con cái có dịp đọc lại những tâm tình một người mẹ đã hy sinh đóng góp cho xã hội phần công nghiệp nhỏ bé nào đó của mình...

Đang triển miên theo giòng tư tưởng, bỗng bà giật mình : tiếng chuông điện thoại đột ngột reo vang...Đưa mắt nhìn đồng hồ : gần nửa đêm...Giờ này mà còn có người muốn làm phiền mình ư ? Cây viết hờ hững gạch một đường dài trên giấy...Nét mực còn lấp lánh dưới ánh đèn bàn... “ Phải biết hy sinh thời gian và sự mệt mỏi cho tất cả những ai đang sống trong lo lắng...Không được phép ngủ quên trong khi Chúa Giê-su đang đau khổ...Các Tông Đồ ngày xưa ở vườn Cây Dầu đã...Nếu có mặt ở đó, tôi sẽ...” Viết lên những tư tưởng đó, bà có cảm nghĩ đã gặp được Pascal hay Clovis : Pascal đã từng suy niệm “mầu nhiệm Chúa Giê-su”, còn Clovis thì nghiền ngẫm cuộc Thương Khó của Người...

Dĩ nhiên đó chỉ là những cảm nghĩ tư riêng vậy thôi...Bà Hội Trưởng đâu dám ghi lên trang giấy...Biết đâu con cháu sau này có thể hiểu lầm...

Dù sao bà Hội Trưởng vẫn đứng lên, cắt đứt những mộng lung trong đầu...Thực ra khó cầm lòng mà không tò mò muốn biết mục đích của cuộc gọi khuya khuất này...Đứng trước ống nghe...Đường giây điện thoại xoắn xuýt như con rắn...Con rắn thừa nào trong Địa Đàng đã mời mọc người đàn bà đầu tiên...Rồi cuối cùng là sự thua cuộc...Tò mò trở thành tật xấu di truyền đối với nữ giới...và nhiều khi cũng có cái hay của nó...

Bà Hội Trường nhắc ông nghe...Văng vẳng từ đầu giây nói bên kia giọng đọc kinh buồn thảm..."Kính mừng Maria ! Kính mừng Maria !"...Cái quái gì thế này ? Tại sao đêm hôm khuya khướt mà ai lại còn bày ra cái trò giải trí rất khi này ? Bộ không còn lúc nào khác để...Thật là bất lịch sự ! Bà Hội Trường vẫn lặng thinh...Phải có một câu nói nào đó đủ gay gắt, đủ mai mỉa...để dạy cho kẻ thích phá phách người khác biết tôn trọng quyền lợi của người ta, nhất là vào lúc đêm hôm khuya khoắt như thế này...Đầu giây nói bên kia bỗng có những tiếng nắc nhen, thốn thức...Ngạc nhiên, bà Hội Trường áp sát ông nghe vào tai...

-Có phải Mẹ Maria đấy không ? Tại sao con thấy Mẹ vẫn im lặng vậy ? Lạy Mẹ rất nhân từ, xin đến...Xin đến ngay với con...Mẹ con đang lên cơn đau tim nặng lắm...Không có ai giúp con hết...Chị hàng xóm đi về quê rồi...Chỉ còn một mình con thôi...Cha sở dạy con : khi nào cần có thể gọi "giây nói"...Con cần quá Mẹ ơi...Con không dám gọi Chúa...

Thì ra không phải là một trò chơi ! Có một cậu bé đang lo lắng và một bà mẹ đơn thương trong cơn bệnh ! Khi một cậu bé nửa đêm chạy đi kêu điện thoại thì là có chuyện! Trái tim làm mẹ của bà Hội Trường chột xao xuyến, hoang mang...Phải làm gì trong hoàn cảnh này ? Bà không dám tự đặt mình vào địa vị của Đức Maria, nhưng bà biết là không thể làm khác hơn...Thôi thì đành phải đóng kịch vậy...

-Ta sẽ đến với con ngay...Cho ta biết địa chỉ gấp...Số 10 đường La Harpe phải không ? Lầu III à ? Được rồi...Con ngoan lắm...Gác máy và trở về bên mẹ con đi...Ta sẽ đến...

Quay trở lại bàn viết : cuốn sổ màu hồng vẫn còn những giòng viết dở trước mặt...Bà Hội Trường đã lựa chọn : không thể để một bà mẹ đơn độc trong cơn khủng hoảng với một cậu bé ngờ nghệch, chưa biết gì ! "Phải biết hy sinh thời gian và sự mệt mỏi cho tất cả những ai đang sống trong lo lắng...Không được phép ngủ quên trong khi Chúa Giê-su chịu đau khổ...Các Tông Đồ ngày xưa ở vườn Cây Dầu đã...Nếu có mặt ở đó, tôi sẽ..." Lúc này , tôi có mặt...và lúc này Đức Ki-tô một mình trong nỗi đau đớn...Đẩy nắp viết...Gấp cuốn sổ, bà Hội Trường khoác áo choàng vào...Một phút sau, bà gõ cửa phòng ông bác sĩ riêng:

-Bác sĩ...Mau lên...Tôi cần ông gấp !

-Cái gì ? Bà bị đau à ?

-Không phải tôi...Mau lên...Lấy xe ra gấp...

-Nhưng chuyện gì đã chứ ?

-Chưa biết là chuyện gì...Nhưng cần có bác sĩ...Bác sĩ có đi không ? Tôi van ông...

-Vậy ... thì ... đây là một cuộc bắt cóc à ?

Bà Hội Trường vốn tiết kiệm những lời nói vô ích, thừa thãi...Ông bác sĩ đã biết điều đó từ lâu...Ông cũng vội vợ lấy cái áo choàng và lẩm bầm đeo túi nghề vào vai...

Chiếc xe thẳng gấp trước nhà An-rê...Như một cơn lốc, bà Hội trường lôi ông bác sĩ lên lầu III...Cánh cửa phòng số 10 hé mở...Nghe tiếng bước chân đến gần, cậu bé mở cửa, lao vào lòng bà Hội Trường thốn thức...Đức Maria đã đến với cậu...Ông bác sĩ nhanh nhẹn bắt tay vào việc...

-Thật đúng lúc...Chỉ chậm một tiếng nữa là hỏng...Bây giờ thì tôi đã hiểu...

Sáng hôm sau gặp Cha sở, An-rê vui mừng thưa lại :

-Thưa Cha, đêm vừa qua mẹ con lên cơn đau tim rất nặng...Nhớ lời dặn của Cha, con đã gọi “giây nói” cho Đức Mẹ Maria...Ngài đã đến với con bằng xe hơi...Có cả ông bác sĩ đi theo Ngài nữa...

Cuốn sổ hồng của bà Hội Trưởng thêm một trang viết những tâm tình sống động hơn bao giờ hết...

Còn ông linh mục thì lẩm bẩm : Chúa vẫn đến chứ - hoặc bằng cách này hay bằng cách khác!

Chỉ lướt qua mẩu chuyện thôi thì ai ai cũng thấy rằng cái bối cảnh của câu chuyện đã khác với hôm nay rất nhiều, mặc dù thời gian có lẽ chưa qua nửa thế kỷ...Tuy nhiên sứ điệp chuyển tải thiết tưởng vẫn rất “hôm nay”...Và vì thế, người viết xin được phép ghi thêm đôi ba suy nghĩ:

- Ước mong sao các bà mẹ Công Giáo – đặc biệt các bà, các chị trong các Hội Đoàn bà Mẹ Công Giáo, Legio Mariae ... - có được thói quen ghi lại những trải nghiệm qua các sinh hoạt tông đồ...để có thể chia sẻ với nhau trong những cuộc họp và nhất là để lại cho con cháu những gương sống tốt đẹp, bởi vì hầu như tất cả chúng ta đều muốn con cháu mình sống tốt...Bản thân người viết mới đây nghe một vị linh mục nói chuyện trong một youtube...và rất tâm đắc với chia sẻ của ngài: Khi nói đến con cháu...thì cũng có nghĩa là con cháu mình và con cháu người khác...Tốt là tốt cho cả một thế hệ những người trẻ, đơn giản vì khi trưởng thành, những người trẻ sẽ gặp gỡ và kết hôn với lẫn nhau...Biết đâu hóa chất trong đám rau nhà mình bán ra...thì “cô con dâu hay cậu con rể tương lai” ở một nhà nào đó mua về...và sau này cháu ngoại hay cháu nội của mình phải gánh chịu hậu quả...Gieo gió thì gặt bão mà...

- Xin cố gắng trả lại cho cái “giây nói” giá trị thực sự của nó : đây là một phương tiện rất cần thiết để con người có thể trao đổi những gì cần phải được trao đổi cách nhanh chóng và thuận lợi...Từ cuộc điện đàm đầu tiên của Alexander Graham Bell – người mày mò ra cái “giây nói” với trợ lí của ông ngồi cách ông 4,5 m ngày 10 tháng 3 năm 1876 : “Watson, anh đến đây nhé, tôi có việc cần !” – cho đến những thứ “thông minh” trong hôm nay là cả một quá trình dài đằng đẳng...Và từ đây...các thứ “thông minh” cũng “cồng” theo nhiều nhiều những “thứ đa năng” khác buộc người sử dụng – nhất là những vị có trách nhiệm với các thế hệ con người – thận trọng hơn...để có thể hướng dẫn việc sử dụng điện thoại cho có ý nghĩa...

Ai đó có ghi lại tư tưởng mà người ta cho rằng là của vị Tổng Thống dân cử đầu tiên ở Nam Phi Nelson Mandela (1918 – 2013) về giáo dục:

Để phá hủy bất kỳ quốc gia nào, không cần phải sử dụng đến bom nguyên tử hoặc tên lửa tầm xa. Chỉ cần hạ thấp chất lượng giáo dục và cho phép gian lận trong các kỳ thi của sinh viên...

- Bệnh nhân chết dưới tay của các bác sĩ của nền giáo dục đấy,
- Các tòa nhà sụp đổ dưới bàn tay của các kỹ sư của nền giáo dục đấy,
- Tiền bị mất trong tay của các nhà kinh tế và kế toán của nền giáo dục đấy,
- Nhân loại chết dưới bàn tay của các học giả tôn giáo của nền giáo dục đấy,
- Công lý bị mất trong tay các thẩm phán của nền giáo dục đấy,

- Sự sụp đổ của giáo dục là sự sụp đổ của một quốc gia.

Cũng có người cho rằng câu nói thật sự là của TT Nelson Mandela được ghi trên cổng Đại Học Nam Phi:

Giáo dục là vũ khí mạnh nhất mà người ta có thể sử dụng để thay đổi cả thế giới.

Dù sao những gì trên kia vẫn khá là thật trong xã hội chúng ta đang sống hôm nay...

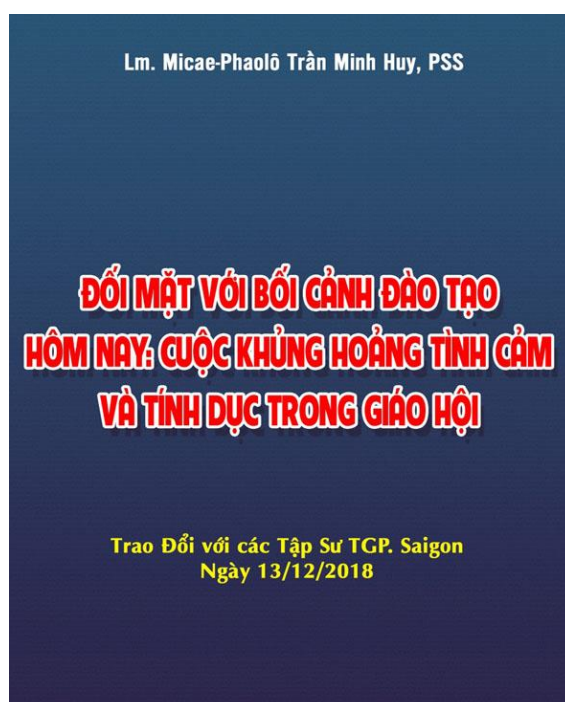
Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp

VỀ MỤC LỤC

ĐỀ PHÒNG, CHỮA TRỊ, PHỤC HỒI VÀ BẢO VỆ - ĐÀO TẠO TRƯỞNG THÀNH NHÂN BẢN TOÀN DIỆN

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy, PSS.

**ĐỐI MẶT VỚI BỐI CẢNH ĐÀO TẠO HÔM NAY:
CUỘC KHỦNG HOẢNG TÌNH CẢM VÀ TÍNH DỤC TRONG GIÁO HỘI**



BA

ĐỀ PHÒNG, CHỮA TRỊ, PHỤC HỒI VÀ BẢO VỆ I. ĐÀO TẠO TRƯỞNG THÀNH NHÂN BẢN TOÀN DIỆN

ĐTC Biển Đức XVI nhận định: “do các thủ tục thiếu sót trong việc ấn định ra tư cách xứng đáng của các ứng viên chức linh mục và cuộc sống tu trì; thiếu sót trong việc đào tạo nhân bản, luân lý, tri thức

và thiêng liêng trong các *Chủng viện và Tập viện*¹.

Pastores Dabo Vobis số 43 dạy cần phải vun trồng một tập hợp những đức tính nhân bản, cần thiết cho sự kiến tạo những nhân cách quân bình, mạnh mẽ và tự do: chính vì để có khả năng chịu đựng sức nặng của các trách nhiệm mục vụ. Bởi đó có nhu cầu phải được giáo dục về lòng yêu mến chân lý, về sự chân thành, về sự tôn trọng nhân vị đối với mọi người, về ý thức công bằng, về chữ tín trong lời nói, về lòng trắc ẩn thực thụ, về tính nhất quán, cách riêng về sự quân bình trong phán đoán và trong cách cư xử.

Thánh Phaolô căn dặn: “Tất cả những gì là chân thật, là cao thượng, là công minh, là trong trắng, là dễ mến, là đáng kính phục, tất cả những gì được coi là tốt đẹp về mặt nhân đức nhân bản và về những điều được người đời ca ngợi, anh em hãy chú trọng tất cả những điều ấy” (Ph 4,8).

“Sự trưởng thành nhân bản và cách riêng sự trưởng thành về mặt cảm tính đòi hỏi một nền đào tạo trong suốt và cương nghị nhắm đến tự do, để cho tự do mặc lấy những sắc thái của một sự tuân phục vừa xác tín vừa chân tình đối với “sự thật” của con người mình, đối với “ý nghĩa” của cuộc sống mình, nghĩa là tuân phục đến độ trao hiến chính mình một cách chân thành, lấy đó làm đường lộ và làm cốt lõi cơ bản cho sự thể hiện bản thân chính hiệu. Hiểu như thế, tự do đòi hỏi con người phải thực sự làm chủ chính mình, dứt khoát chiến đấu và thắng vượt mọi hình thái vi kỷ và cá nhân chủ nghĩa vốn đe dọa đời sống mỗi người, mau mắn cởi mở đối với tha nhân, quảng đại trong sự tận tụy và trong việc phục vụ đối với tha nhân. Tất cả những điều ấy đều quan trọng để có thể đáp trả ơn gọi, đặc biệt ơn gọi linh mục, để có thể trung thành với ơn gọi và với những cam kết gắn liền với ơn gọi, nhất là trong những giai đoạn khó khăn. Đời sống cộng đoàn trong chủng viện có thể góp thêm phần trợ lực để cho việc giáo dục tạo được bước tiến hướng đến một sự tự do chín muồi và có trách nhiệm”.

1. Tiền Đề Quan Trọng về Sự Trưởng Thành Nhân Bản Toàn Diện

Nói đến Con Người là phải nói đến các mối tương quan: tương quan với Thiên Chúa, tương quan với những con người khác, và tương quan với chính mình. Chính trong các mối tương quan đó mà Người Trưởng Thành được định nghĩa một cách bao quát là người biết mình là ai, biết mình muốn gì và làm chủ được chính mình, làm chủ được các cảm xúc, lời nói và hành vi của mình, với tất cả những điểm mạnh và điểm yếu, những khả năng và giới hạn của mình.

Sự trưởng thành này bao gồm cả thể lý và tinh thần, thể xác và tâm hồn: một người có thể lớn xác (trưởng thành thể lý) nhưng tâm hồn có thể còn ấu trĩ (thiếu trưởng thành), trái lại một người thân xác còn non trẻ nhưng tâm hồn, suy tư, nói năng và hành động đã chín chắn trưởng thành. Nó cũng bao gồm cả bên trong lẫn bên ngoài: khi thấy mình bên trong thì chứa đựng một kho tàng khôn ngoan phong phú nhưng bên ngoài lại là một thân xác mỏng giòn, thánh Phaolô đã nói ‘*Kho tàng ấy, chúng tôi chứa đựng trong những bình sành*’. Nơi ông Gióp, chiếc bình sành ấy bên ngoài đã nứt vì ung nhọt, nhưng bên trong, kho tàng là niềm tin tín thác tuyệt đối vào Thiên Chúa vẫn còn nguyên vẹn; bên ngoài, da thịt ông nứt vỡ vì các vết thương, nhưng bên trong, lòng đạo đức tín thác không ngừng tái sinh và đã phát ra những lời khôn ngoan thánh thiện ‘*Chúng ta đã đón nhận điều lành từ tay Thiên Chúa, sao lại không biết đón nhận cả điều dữ cũng bởi tay Ngài?*’²

Thái độ trưởng thành đó giúp chúng ta bình tĩnh vượt lên mọi nghịch cảnh và trái ý trong cuộc sống: nếu đang chịu nghịch cảnh mà vẫn nhớ đến những ơn lành Chúa đã ban thì chúng ta vẫn được niềm an ủi lớn lao và sức mạnh kiên vững giữa trăm chiều gian truân; và nếu chúng ta mau mắn nghĩ đến những ân huệ Chúa đã nâng đỡ mình thì dù bao trở ngại khổ đau cũng không đánh

1 Thư ĐTC Biển Đức XVI gửi Người Công giáo Ái Nhĩ Lan, Vatican ngày 20/3/2010.

2 G 2, 10.

gục được chúng ta³. Người khôn ngoan hằng khuyên: *Ngày gặp vận may đừng quên điều bất hạnh, và ngày gặp bất hạnh chớ quên đi vận may...* Hai thái độ này phải luôn đi đôi với nhau, để thái độ này nâng đỡ thái độ kia trong suốt cuộc sống và sứ vụ linh mục của chúng ta một cách trưởng thành.

Sự trưởng thành này giúp chúng ta biết nội tâm hóa mọi sự để đạt được sự biến đổi toàn diện bằng sự kết hợp mật thiết với Chúa. Từ kinh nghiệm đưa thức ăn từ bên ngoài vào bên trong biến thành dưỡng chất nuôi cơ thể, chúng ta nỗ lực chắt lọc mọi thứ từ bên ngoài và nội tâm hóa chúng thành dưỡng chất cho tinh thần và đời sống thiêng liêng của mình. Không có cuộc biến đổi nào mà không khởi đi từ nội tâm, nhất là bởi tác động của ơn thánh Chúa, như qua bí tích giải tội mà ĐTC Biển Đức XVI đã nói: *“Bao nhiêu cuộc hoán cải và đời sống thánh thiện thực sự đã bắt đầu trong một tòa giải tội! Linh mục có thể chứng kiến những phép lạ đích thực về sự hoán cải, cảm nhận và chiêm ngắm lòng từ bi của Thiên Chúa. Sự kiện được lắng nghe và đón nhận là một dấu chỉ lòng nhân từ của Thiên Chúa đối với con cái của Ngài”*⁴.

Sự trưởng thành nhân bản toàn diện không phải là một thực tại tĩnh đã được kiện toàn chung cục và cố định, mà là một thực tại động và đang trở thành, đang thay đổi theo hướng thăng tiến hoặc thoái hóa. Thật như chúng ta đã thấy, vào cuối giai đoạn đào tạo, hấn ứng sinh phải được xác nhận là đã đạt được một mức độ trưởng thành khả dĩ mới cho chịu chức. Và sự trưởng thành ấy phải ngày càng được tăng tiến với thời gian và kinh nghiệm sống. Nhưng thực tế nơi một số linh mục trẻ thì ngược lại, đến nỗi bị phê bình là thiếu nhân bản, hay đúng hơn là họ đang ở vào lúc sự trưởng thành nhân bản bị thiếu hụt.

Chúng ta cần bình tĩnh xem xét một cách công bằng và không ai bị tổn thương, vì được coi là trưởng thành nhân bản và thực sự trưởng thành nhân bản là hai thực tại khác nhau. Trưởng thành nhân bản thực sự là làm chủ được bản thân, làm chủ được các cảm xúc, làm chủ được cuộc sống của mình và sống đúng những cam kết của bậc sống mình. Bộ Giáo sĩ khẳng định: *“sự trưởng thành nhân bản trước tiên bao hàm sự quân bình và hài hòa trong toàn thể các xu hướng và giá trị, sự ổn định tâm lý và tình cảm, sự cần trọng khách quan trong phán đoán, sức mạnh trong việc làm chủ cá tính của mình, cũng như khả năng giao tế, v.v...”*⁵. Nếu hiểu như thế thì trưởng thành nhân bản rất hàm nghĩa và tương đối, và không phải chỉ một số linh mục trẻ thiếu trưởng thành nhân bản mà còn nhiều người lớn tuổi và chức quyền cũng có thể mắc phải, vì một khi không làm chủ được cảm xúc nóng giận hoặc trái ý mà mắng chửi giáo dân, ngay cả trên tòa giảng là nơi chỉ dành để nói lời Chúa, thậm chí đánh cả giáo dân và người cộng tác dưới quyền⁶.

Tuy nhiên, chúng ta coi đây là những lúc sự trưởng thành bị thiếu hụt trên tiến trình đang trở thành, vì *“Tiên cũng có khi đọa, thánh cũng có khi lầm”*. Bao lâu con người còn sống là còn thay đổi, hoặc tốt hơn hoặc xấu hơn, cho đến khi hoàn tất cuộc đời nhắm mắt xuôi tay về với Chúa. Như thế, mỗi người chúng ta có thể lúc này có trưởng thành mà lúc khác lại thiếu, tùy thái độ ứng xử thực tế của chúng ta lúc đó. Có lẽ trong thực tại thời sự đang xảy ra ở đây, chúng ta dám nói rằng, cùng với sự xúi đẩy quấy phá của quỷ dâm dục, những người lạm dụng tình dục trẻ em hay vi phạm tình dục với người lớn để bị tổn thương là đã bị thiếu hụt sự trưởng thành nhân bản toàn diện về căn tính và sứ vụ linh mục, vì đã không giữ được lời cam kết khi chịu chức thánh, *“không những phạm đến tính chất ngây thơ vô tội của các nạn nhân mà còn phạm đến ơn gọi linh mục của chính mình”* như ĐTC Phanxicô đã nói⁷.

3 Xem ý nghĩa câu chuyện ‘rồi cũng qua đi’.

4 ĐTC phát biểu trong buổi tiếp kiến sáng ngày 25/3/2011 dành cho 800 tham dự viên khóa học về bí tích giải tội do Tòa Ân Giải Tối Cao tổ chức từ 21/3-11/4/2011.

5 Bộ Giáo Sĩ, Kim Chi Nam về tác vụ và đời sống linh mục, số 93.

6 Có linh mục kia bạt tai cả nữ tu phục vụ giáo xứ!

7 <http://www.zenit.org/en/articles/pope-s-homily-at-mass-with-sexual-abuse-victims>

2. Trưởng Thành Nhân Bản Nói Chung

Nhân là người, bản là gốc rễ, là nền tảng... Nhân Bản là tập hợp những điều căn bản của con người từ khi được hình thành trong bụng mẹ, vốn tốt lành tự nhiên (*"nhân chi sơ tính bổn thiện"*). Nhưng vì con người là một sinh vật có lý trí, có tăng trưởng theo dòng thời gian và chịu ảnh hưởng của môi trường sống chung quanh nên cái gốc rễ ấy sẽ không mãi mãi được bảo trì như ban đầu, mà sẽ dần dần biến đổi theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực, tùy theo cái ảnh hưởng đó là tốt hay xấu, chứ không còn giống nhau như trước nữa (*"tính tương cận, tập tương viễn"*).

Như thế, chúng ta nhận thức được sự can thiệp vô cùng quan trọng của việc giáo dục nhân bản, tức là giáo dục một con người từ lúc trẻ nít đến khi trở thành một người có nhân cách. Chẳng hạn một em bé mới sinh nhờ lớn lên trong một nhân cách gia đình tốt mà thừa hưởng những cái tốt ấy: *cha mẹ nào con nấy*. Em bé cũng lớn lên trong một nhân cách xã hội và cái nhân cách xã hội tốt hay xấu ấy cũng ảnh hưởng trên em bé. Quan trọng hơn là em bé sẽ sống và lớn lên trong một nhân cách giáo dục: Những lời nói, những hành động của cha mẹ, thầy cô, người lớn, những tư tưởng trong sách vở mà em bé hấp thụ, thấu hiểu và đọng lại trong suy nghĩ, trong tiềm thức... làm nên nhân cách của em, được diễn tả ra trong lời nói, thái độ ứng xử và hành động.

Cái nhân cách được hình thành từ thuở thiếu thời đó sẽ bám lấy em cho đến khi em trưởng thành, thành người lớn và sẽ theo em mãi suốt cả cuộc đời của em, nếu không có sự can thiệp hiệu quả của việc được đào tạo và tự đào tạo thích hợp. Vậy nhân bản là thái độ sống, thái độ nhìn đời, thái độ cư xử của một người hợp với những qui tắc được cộng đồng thừa nhận. Và giáo dục nhân bản là đặt ra những định chế để hướng dẫn hay sửa chữa những lệch lạc, sai lầm nhằm thăng tiến con người hoàn thiện. Từ đó ta gọi nhân bản là *"đạo nhân = đạo làm người"*, là đường lối và lẽ sống, là cách đối nhân xử thế trong cuộc sống hợp quần của con người với nhau. Chính vì thế, Pastores Dabo Vobis khẳng định: *"Không có đào tạo nhân bản thỏa đáng thì việc đào tạo trong toàn bộ sẽ thiếu hụt mất những nền tảng cần thiết"*⁸.

Điều một con người được đòi hỏi trước tiên là phải có sự Trưởng Thành Nhân Bản, nghĩa là phải biết làm một con người đích thực là con người (*thành nhân*), được biểu hiện ra bên ngoài qua những đức tính tự nhiên hoặc do tập luyện mà đạt được nhân cách cao quý, như tác phong tốt đẹp, suy nghĩ chín chắn, khôn ngoan, ý chí tự chủ, kiên quyết, tâm tính quân bình, điềm tĩnh, cư xử hài hòa, quảng đại, vị tha...

Được coi là trưởng thành và thật sự trưởng thành là hai thực tại khác nhau. Người ta có thể ngộ nhận rằng người trưởng thành không hề bị ảnh hưởng bởi sự xấu, không thể sai lầm, luôn giữ vững lập trường, không hề thay đổi, v.v... trong khi người trưởng thành luôn biết thế nào là đúng thế nào là sai và hành động theo lương tâm ngay thẳng; càng trưởng thành càng khiêm tốn chấp nhận mình có thể sai lầm và đón nhận sự phê bình sửa sai của người khác. Nét đẹp của người trưởng thành chính là sự hài hòa, biết lúc nào cần nghiêm chỉnh, khi nào cần hài hước, biết nhận ra sự khác biệt và giá trị của người khác, của mỗi hoàn cảnh, mỗi thời điểm, biết linh động thích ứng, chứ không khư khư quan điểm chủ quan sai của mình, bất chấp quan điểm khách quan đúng của người khác, nhưng cũng biết nỗ lực thuyết phục người khác nghe theo chủ quan đúng của mình.

Sự trưởng thành không lệ thuộc vào tuổi tác và thể lý: Người ốm đau có thể trưởng thành hơn lực sĩ, người ít học có thể trưởng thành hơn người khoa bảng, người trẻ tuổi có thể có sự trưởng thành tinh thần cao hơn người có tuổi tác, chức vị (dĩ nhiên người tuổi tác và chức vị theo lẽ thường phải có sự trưởng thành chuẩn mực), vì người trưởng thành nhân bản thực sự biết làm chủ bản thân và các cảm xúc của mình. Người trưởng thành biết nhìn xa trông rộng, biết khép mình vào kỷ luật chung, hành động không vì sợ người khác nhưng theo lương tâm và xác tín của mình. Ý chí, tự do, tình cảm, trí khôn, tất cả kết hợp hài hòa nơi bản thân để tạo thành nhân cách của người trưởng thành. Người trưởng thành trung thành với lời đã hứa, sống đúng bậc sống mình đã cam kết, chịu mọi trách nhiệm về hành động và lời nói của mình cho tới cùng.

Tóm lại, một con người trưởng thành nhân bản biết mở rộng ý thức về bản thân, nhưng

8 X. Pastores Dabo Vobis số 43.

không lấy cái tôi của mình làm trung tâm điểm, song liên kết với tha nhân cách quân bình, làm chủ cảm xúc và sống với các trạng thái tình cảm của mình: có khả năng mang nỗi thất bại, chấp nhận làm lỗi của mình chứ không dỗi dặt lên tha nhân và các biến cố bên ngoài kiểu *giận cá chém thớt, cui đánh đục đục đánh săng*; biết bộc lộ các xác tín và cảm nhận của mình với lòng trân trọng các xác tín và cảm nhận của người khác, vượt lên cái thiện cảm và ác cảm tự nhiên, để đến với cái thực tế thật của con người⁹, biết chấp nhận và thích nghi, cảm thông đối với đồng loại, đó là những dấu hiệu của sự trưởng thành nhân bản.

Người trưởng thành nhân bản có nhận thức đúng với thực tế: đánh giá thực tại, nhìn xem sự vật, con người và các hoàn cảnh đúng như chúng là, chứ không như mình mong muốn chúng trở thành; đồng thời có khả năng quên mình vì một nhiệm vụ quan trọng trong ý thức trách nhiệm tập thể; biết rõ những điểm mạnh và những điểm yếu của mình trong tinh thần hài hước lạc quan; có khả năng coi thường những cái mình yêu thích dù vẫn yêu thích chúng; không giả bộ màu mè tỏ ra bề ngoài mình là cái gì đó mà thực ra không phải.

Người trưởng thành nhân bản có sự chín chắn lương tâm đạo đức: biết sự khác biệt giữa cái đúng và cái sai trong cuộc sống thường ngày; không lẩn lộn phương tiện với mục đích, và cương quyết theo đuổi cho bằng được những mục đích đúng đắn mà mình đã xác tín.

Huân Thị *Hình Ảnh Giáo Hội Hôn Thê của Chúa Kitô* của Bộ Các Dòng Tu công bố ngày 4/7/2018 dạy “*phải kiểm chứng sự trưởng thành nhân bản của các ứng sinh: đương sự phải nhận biết thực tiễn về bản thân, ý thức khách quan về những năng khiếu và giới hạn của mình, khả năng tự quyết và lãnh nhận trách nhiệm; khả năng thiết lập những tương quan lành mạnh, thanh thản, với những người nam và nữ, hiểu biết đúng đắn về giá trị hôn nhân và chức phận làm cha làm mẹ, khả năng hội nhập tích cực vào trong căn tính bản thân, và điều khiển những năng lực tình cảm để có thể diễn tả giới tính của mình trong cuộc sống khiết tịnh, cởi mở đối với sự phong phú tinh thần rộng lớn hơn... Ngoài ra phải có khả năng làm việc, nghề nghiệp, để có thể tự lực mưu sinh một cách xứng đáng, có khả năng dựa trên kinh nghiệm đương đầu với những đau khổ và bất mãn, cũng như trao ban và nhận lãnh tha thứ, biết giữ lời hứa và chu toàn những cam kết đã đưa ra, có khả năng sử dụng của cải trong tinh thần trách nhiệm, sử dụng các phương tiện truyền thông và thời giờ rảnh rỗi*”¹⁰.

3. Trưởng Thành Nhân Bản Kitô Giáo

ĐTC Phanxicô tuyên bố: “*Nền nhân bản Kitô giáo đặt trọng tâm nơi Chúa Giêsu Kitô, nơi đó chúng ta khám phá khuôn mặt đích thực của con người. Nền nhân bản Kitô giáo không phải là thứ chủ nghĩa tự quy về mình, lấy mình làm trung tâm, nhýng luôn luôn hướng đến người khác, nỗ lực làm việc để cho thế giới tốt đẹp hơn. Chúa Giêsu cho chúng ta thấy con đường dẫn đến hạnh phúc là con đường của Tám Mối Phúc Thật... Các mối phúc thật là những lời đồn sô, nhýng thực tiễn, giúp chúng ta sống đời sống Kitô hữu đến mức lành thánh... Nếu Giáo Hội đánh mất đời tâm tình như đã có nơi Chúa Giêsu, Giáo hội sẽ mất phương hướng và cũng đánh mất diệu cảm của mình... Các cải cách của Giáo Hội phải bắt nguồn từ Chúa Kitô và Giáo Hội phải để cho Chúa Thánh Thần hướng dẫn*”¹¹.

Nhân bản Kitô giáo là một nền nhân bản toàn diện và liên đới, có thể tạo ra một trật tự xã hội, kinh tế và chính trị mới, đặt nền tảng trên phẩm giá và tự do của mỗi con người. Nền nhân bản này có thể trở thành hiện thực nếu mỗi cá nhân và mỗi cộng đồng biết vun trồng các đức tính luân lý và xã hội nơi bản thân mình, đồng thời phổ biến chúng trong xã hội¹². Vì thế, Công Đồng Vaticanô II dạy: “*Mọi Kitô hữu, nhờ việc tái sinh bởi nước và Thánh Thần, đã trở nên những tạo vật mới, được gọi là con Thiên Chúa và quả thực như thế, nên có quyền hưởng một*

⁹ Đi lâu mới biết đường dài, ở lâu mới biết con ngài phải chăng.

¹⁰ http://vi.radiovaticana.va/news/2018/07/05/công_bố_huân_thị_về_đoàn_trình_nữ_thánh_hiển/1377126

¹¹ ĐTC Phanxicô nói tại Hội nghị Quốc gia lần thứ V của Giáo Hội Italia, theo news.va.

¹² x. HTXHGHC số 19 - Từ Điển Công Giáo 500 mục từ tr. 256.

nền giáo dục Kitô giáo. Nền giáo dục này không chỉ nhằm giúp con người được trưởng thành, nhưng cốt yếu là nhằm giúp những người đã rửa tội ngày càng ý thức hơn về hồng ân Đức Tin đã nhận lãnh trong khi họ được hướng dẫn để dần dần hiểu biết mầu nhiệm cứu rỗi. Nền giáo dục ấy còn giúp họ biết cách thờ phượng Thiên Chúa Cha trong tinh thần và chân lý (x. Ga 4,23), nhất là qua việc cử hành phụng vụ, cũng như huấn luyện họ biết sống theo con người mới trong công bình và thánh thiện của chân lý (Eph 4,22-24). Nhờ vậy họ đạt tới con người hoàn thiện, tới tâm sung mãn của Chúa Kitô (x. Eph 4,13) và góp phần vào việc tăng trưởng của Nhiệm Thể. Hơn nữa, vì ý thức được ơn kêu gọi của mình, chính họ phải tập thói quen mình chứng niềm cậy trông của mình (x. 1P 3,15) cũng như phải giúp cải tạo thế giới theo tinh thần Kitô giáo. Nhờ đó những giá trị tự nhiên sẽ góp phần vào lợi ích của toàn thể xã hội, khi được hòa hợp vào viễn ảnh toàn vẹn của con người được Chúa Kitô cứu chuộc. Vì vậy Thánh Công Đồng nhắc lại cho những Chủ Chăn hướng dẫn các linh hồn nhiệm vụ rất quan trọng là phải thu xếp mọi sự, để các tín hữu được hưởng nhờ nền giáo dục Kitô giáo, nhất là giới trẻ - niềm hy vọng của Giáo Hội¹³.

Hơn ai cả, linh mục phải là người thực sự trưởng thành nhân bản Kitô giáo, mà thánh Phaolô khẳng định *“lấy sự thánh thiện và chân thành Thiên Chúa ban mà cư xử với người ta ở đời, đặc biệt là với anh em... không cư xử theo lẽ khôn ngoan người đời, nhưng theo ân sủng của Thiên Chúa”*¹⁴. Trưởng thành nhân bản Kitô giáo là đã tập luyện được và sống các nhân đức đối thần, đối nhân cũng như đối ngã. Các nhân đức đối nhân có bác ái, khôn ngoan, công chính, can đảm và tiết độ; còn các nhân đức đối thần là Tin, Cậy, Mến để nên thánh, bằng việc tín thác cho Chúa Thánh Thần và kêu xin Ngài ban các hồng ân và hoa trái thiêng liêng giúp chúng ta dễ dàng sống theo sự hướng dẫn của Ngài qua bảy ơn Kính Sợ, Đạo Đức, Suy Biết, Sức Mạnh, Lo Liệu, Thông Hiểu và Khôn Ngoan, nhất là ơn kính sợ vì người thời đại này đã đánh mất ý thức sợ tội.

Sự trưởng thành nhân bản Kitô giáo này sẽ ngày càng tăng trưởng nhờ vào việc giáo dục, nhất là giáo dục đức tin và thực hiện việc thương người mà linh mục phải sống trước khi dạy giáo dân. Một số kinh nguyện chúng ta đọc thúc đẩy chúng ta ý thức và nỗ lực thực hiện sứ vụ giảng dạy của mình, đồng thời cũng là một chương trình Sống Đạo trưởng thành tuyệt vời: Kinh Thương Người Có Mười Bốn Mối, mà *thương xác bảy mối: cho kẻ đói ăn, cho kẻ khát uống, cho kẻ rách rưới ăn mặc, viếng kẻ liệt cùng kẻ tù rạc, cho khách đỗ nhà, chuộc kẻ làm tội, chôn xác kẻ chết*; và *thương linh hồn bảy mối: lấy lời lành mà khuyên người, mở dạy kẻ mê muội, an ủi kẻ âu lo, răn bảo kẻ có tội, tha kẻ dể ta, nhin kẻ mất lòng ta, cầu cho kẻ sống và kẻ chết*. Và Kinh Cải Tội Bảy Mối Có Bảy Đức: *Khiêm nhường chớ Kiêu ngạo, Rộng Rãi chớ Hà Tiện, Giữ mình sạch sẽ chớ mê dâm dục, Hay nhin chớ hờn giận, Kiêng bót chớ mê ăn uống, Yêu người chớ ghen ghét, Siêng năng việc Đức Chúa Trời chớ làm biếng*.

Thánh Phaolô diễn tả sự trưởng thành Kitô giáo cách tuyệt vời rằng: *“Giả như tôi có nói được các thứ tiếng của loài người và của các thiên thần đi nữa, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng khác gì thanh la phèng phèng, chũm choẹ xoang xoảng. Giả như tôi được ơn nói tiên tri, và được biết hết mọi điều bí nhiệm, mọi lẽ cao siêu, hay có được tất cả đức tin đến chuyển núi dời non, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng là gì. Giả như tôi có đem hết gia tài cơ nghiệp mà bố thí, hay nộp cả thân xác tôi để chịu thiêu đốt, mà không có đức mến, thì cũng chẳng ích gì cho tôi. Đức mến thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả. Đức mến không bao giờ mất được. Ơn nói tiên tri ư? Cũng chỉ nhất thời. Nói các tiếng lạ chẳng? Có ngày sẽ hết. Ơn hiểu biết ư? Rồi cũng chẳng còn. Vì chưng sự hiểu biết thì có ngần, ơn nói tiên tri cũng có hạn. Khi cái hoàn hảo tới, thì cái có ngần có hạn sẽ biến đi. Cũng như khi tôi còn là trẻ con, tôi nói năng như trẻ con, hiểu biết như trẻ con, suy nghĩ như trẻ con; nhưng khi tôi đã thành người lớn, thì tôi bỏ tất cả những gì là trẻ con”*¹⁵.

13 Trích Sắc Lệnh về Giáo Dục Kitô Giáo (Gravissimum Educationis), Khóa VII Ngày 28/10/1965.

14 2 Cr 1, 12.

15 1 Cr 13, 1-11.

4. Trưởng Thành Nhân Bản Đòi Tu

Linh mục phải là người trưởng thành nhân bản đòi tu thực sự, qua tiến trình ơn gọi năm bước: một là *thực sự nghe được tiếng Chúa kêu gọi*, hai là *quảng đại đáp lại*, ba là *luôn luôn cam kết theo chính Chúa Kitô toàn thể với khổ hình thập giá và phục sinh vinh quang*, bốn là *mỗi ngày cố gắng điều chỉnh, biến đổi phù hợp với đời sống và sứ vụ linh mục của mình*, năm là *kiên trì trung thành với ơn gọi, trung tín với Chúa và Giáo Hội, trung tín với Đấng Bản Quyền và anh em linh mục, trung tín với lời hứa vâng phục và độc thân khiết tịnh*, vượt lên những gặp ghềnh trái ngang về tình cảm và tính dục trong suốt cuộc sống tông đồ mục vụ qua tình bạn với người đồng phái lẫn khác phái, đi tu hay ở đời, độc thân hay có gia đình và góa bụa. Từ đó nung đúc được những tâm tình trưởng thành thiết yếu trong nhân cách linh mục như tâm tình biết ơn, tâm tình xin lỗi, tâm tình tha thứ, tâm tình cầu chúc những điều tốt đẹp nhất và tâm tình cầu nguyện vì xác tín rằng mọi sự đều bởi Chúa.

Đời sống và sứ vụ linh mục hôm nay luôn là lối đi ngược dòng với xu hướng thời đại của nền văn minh sự chết (tục hóa, hưởng thụ vật chất và khoái lạc nhục dục), nên chúng ta phải kiên trì sử dụng mọi phương thế tự nhiên và siêu nhiên để gìn giữ và tự bảo vệ lấy mình trong mọi mối tương quan, hầu xứng hợp theo đui lý tưởng linh mục cho đến cùng, đặc biệt năm yếu tố giữ cho các mối tương quan được quân bình, hài hòa và an toàn, nhất là trong tương quan khác phái: *một là nơi chốn gặp gỡ, hai là thời gian và thời lượng, ba là khoảng cách thể lý và tâm lý, bốn là sự có mặt của những người thứ ba, năm là ý thức sống sự hiện diện khuất ẩn nhưng rất thực của Chúa*.

ĐTC Phanxicô nhấn nhủ: “Các con đừng sợ đi ngược dòng đời, khi mà những giá trị được bày ra cho chúng ta là những giá trị xấu, muốn cướp mất hy vọng của chúng ta, những giá trị được ví như những bữa ăn, khi bữa ăn không lành mạnh, nó sẽ làm hại chúng ta; những giá trị này làm hại chúng ta. Nhưng chúng ta phải đi ngược dòng đời! Và các con phải là người đi tiên phong: “hãy đi ngược dòng đời và hãy lấy làm hạnh diện khi đi ngược dòng đời như vậy”¹⁶.

Chính nhờ sự trưởng thành nhân bản đòi tu và là linh mục có nhân cách, là người môn đệ đích thực, đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô mà chúng ta mới có thể chu toàn sứ vụ được giao phó, cùng với đoàn chiên xây dựng giáo xứ thành một gia đình yêu thương, một thiên đường tại thế, trở thành sức hấp dẫn lôi kéo người ta tìm đến đức tin và đi theo Chúa: *xem kìa, họ thương yêu nhau là dường nào*.

Người càng trưởng thành nhân bản đòi tu càng biết yêu bản thân và tha nhân. Trong giới răn trọng nhất *yêu mến Thiên Chúa hết lòng, hết trí khôn, hết sức lực và yêu người thân cận như chính mình*¹⁷ thì chúng ta ở đâu? Thừa chúng ta vừa là chủ thể vừa là đối tượng của tình yêu ấy: chúng ta yêu Chúa, yêu tha nhân và yêu bản thân mình. Tình yêu bản thân là một đòi hỏi căn bản, được khắc sâu trong bản tính con người: có yêu mình mới so sánh được với yêu tha nhân. Nếu bản thân mình mà không yêu thương, tôn trọng, bồi đắp, thăng tiến và hoàn thiện thì làm sao mà có lòng yêu thương tha nhân được? Và làm sao có thể trở thành của lễ hiến dâng đẹp lòng Chúa được?

Khi dạy “*yêu tha nhân như chính mình*”, Chúa Giêsu đương nhiên chấp nhận tình yêu bản thân và lấy nó làm đối chiếu cho tình yêu tha nhân. Nhưng phải yêu bản thân một cách đúng mực, có trách nhiệm, có định hướng để Chúa Kitô ngày càng lớn lên và con người phạm trần ngày càng bé đi thì mới có thể lấy bản thân mình làm đối chiếu cho tình yêu đối với tha nhân. Người trưởng thành nhân bản đòi tu không tìm đáp ứng hết mọi nhu cầu của bản thân, nhưng cầu nguyện và suy nghĩ để biết nhu cầu nào là cần thiết và nhu cầu nào là nên buông bỏ, nhờ đó mà biết tin tưởng chấp nhận và nỗ lực tự đào tạo thăng tiến bản thân mình cũng như tha nhân ngày càng nên đồng

16 Trích huấn từ buổi tiếp kiến chung ngày 23/6/2013.

17 X. Mc 12, 28-34.

hình đồng dạng với Chúa Kitô, mà thánh Phaolô quả quyết “*tôi sống nhưng không còn là tôi mà là Chúa Kitô sống trong tôi*”.

Khi nói những lời từ biệt cuối cùng, Chúa Giêsu trao cho các môn đệ giới răn mới về một mức độ đỉnh điểm của tình yêu, và cũng là dấu hiệu căn tính của người môn đệ: “*Thầy ban cho các con một điều răn mới là các con hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương các con. Mọi người sẽ cứ dấu này mà nhận biết các con là môn đệ của Thầy là các con có lòng yêu thương nhau*”¹⁸. Là những người thay lời đối thoại cho Chúa Giêsu, chúng ta nỗ lực làm cho tình yêu của chúng ta đối với nhau phát triển đến mức hoàn hảo như tình yêu mà Chúa Giêsu đã yêu chúng ta: “*yêu nhau như Chúa yêu mình*”, không lấy mình làm qui chiếu nữa, song lấy Chúa Kitô làm mẫu mực và nhìn thấy Chúa Kitô trong nhau. Một khi anh em linh mục thực sự yêu thương nâng đỡ nhau, thỏa mãn được nhu cầu tâm lý yêu và được yêu, thì không một thứ tình cảm nào có thể chen vào làm hại chúng ta được.

Thánh Phaolô diễn tả sự trưởng thành kiên bền trong đời tu như sau: “*Trong mọi sự, chúng tôi luôn chứng tỏ mình là những thừa tác viên của Thiên Chúa: gian nan, khổ cực, lo âu, đói khát, tù tội, loạn ly, nhọc nhằn, vất vả, mất ăn mất ngủ, chúng tôi đều rất mực kiên trì chịu đựng. Chúng tôi cần chứng tỏ điều đó bằng cách ăn ở trong sạch, khôn khéo, nhẫn nhục, nhân hậu, bằng một tinh thần thánh thiện, một tình thương không giả dối, bằng lời chân lý, bằng sức mạnh của Thiên Chúa. Chúng tôi lấy sự công chính làm vũ khí tấn công và tự vệ, khi vinh cũng như khi nhục, lúc được tiếng tốt cũng như khi mang tiếng xấu. Bị coi là bị bọm, nhưng kỳ thực chúng tôi chân thành; bị coi là vô danh tiểu tốt, nhưng kỳ thực chúng tôi được mọi người biết đến; bị coi là sắp chết, nhưng kỳ thực chúng tôi vẫn sống; coi như bị trừng phạt, nhưng kỳ thực không bị giết chết; coi như phải ưu phiền, nhưng kỳ thực chúng tôi luôn vui vẻ; coi như nghèo túng, nhưng kỳ thực chúng tôi làm cho bao người trở nên giàu có; coi như không có gì, nhưng kỳ thực chúng tôi có tất cả*”¹⁹.

Đời linh mục cũng thế: dù được hiểu hay không được hiểu, được ủng hộ hay bị chống đối, vui hay buồn, sướng hay khổ, thành công hay thất bại, cứ luôn bám chặt vào Chúa, chúng ta sẽ nhận được một sức mạnh kỳ diệu nâng đỡ mà Thánh Phaolô xác quyết là “*chính Chúa Kitô sống trong tôi*”²⁰. Cầu mong chúng ta có thể nói được cùng với Thánh Phaolô: “*Ai có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Đức Kitô? Phải chăng là gian truân, khổ cực, đói rách, hiểm nguy, bắt bớ, gươm giáo?... Nhưng trong mọi thử thách ấy, chúng ta toàn thắng nhờ Đấng đã yêu mến chúng ta... Đúng thế, tôi tin chắc rằng: cho dầu là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, trời cao hay vực thẳm hay bất cứ một loài thọ tạo nào khác, không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta*”²¹.

Tuy nhiên chúng ta vẫn phải luôn cảnh giác, vì trong thực tế, rất nhiều lần chúng ta đã để một ai đó hay một cái gì đó (cách riêng trong vấn đề tình cảm và tính dục) tách biệt Chúa Giêsu ra khỏi tình yêu và cuộc đời của chúng ta, cho dù không hề có cái gì tách biệt chúng ta ra khỏi tình yêu của Chúa Giêsu: chúng ta có thể nào đi nữa thì Ngài vẫn hằng thương yêu chúng ta, và thương yêu chúng ta cho đến cùng.

Chúng ta hãy luôn tin tưởng vào lòng thương xót của Chúa và hãy lạc quan. Đừng quá chú trọng vào lầm lỗi, nhưng hãy chú trọng đến bài học từ lầm lỗi để rút kinh nghiệm mà không lầm lỗi nữa. Chính Chúa Giêsu đã từng nói: “*Tội con đã được tha, hãy về bằng an và từ nay đừng phạm tội nữa*.” Đừng thất vọng về lỗi lầm quá khứ của mình và của anh em. Hãy xem cách xử sự của Chúa Giêsu: Ngài tha thứ, tin tưởng vào sự biến đổi tốt đẹp trong tương lai, vẫn tín nhiệm trao cho Phêrô

18 Ga 13, 34-35.

19 2 Cr 6, 4-10.

20 Gal 2,20.

21 Rm 8, 35 - 39.

trách nhiệm làm đầu Giáo hội và cho Mađalêna làm sứ giả Tin Mừng Phục sinh. Quả thật “*Bản chất của con người là làm lỗi và bản chất của Thiên Chúa là tha thứ. Và tội thì tha, lỗi thì sửa; mỗi vị thánh đều có một quá khứ và mỗi tội nhân đều có một tương lai. Lỗi một thời, không ai lỗi suốt đời*”.

[còn tiếp](#)

VỀ MỤC LỤC

NHỮNG CON MẮT BUỒN PHIÊN, XIN CẮY LẠI NIỀM TIN

Thái Công Tụng

1 Nhập đề

Xin mượn lời ca trong một bài hát nọ làm tựa đề cho bài viết. Đôi mắt là cửa sổ của linh hồn và những con mắt buồn phiền cũng là phản ánh tâm trạng lo âu, buồn bực, trăn trở của con người. Thực vậy, khổ đau luôn luôn là một vấn nạn muôn kiếp. Bài thơ sau đây của Alfred de Musset cũng văng vẳng hai câu: *'L'homme est un apprenti, la douleur est son maitre,*

Et nul ne se connait tant qu'on n'a pas souffert'. Sự khổ đau nếu ta không có/Biết thân ta thật khó muôn bề/Ta là người thợ học nghề/ Có đau mới biết rõ về thân ta.

Suy rộng ra, nhà văn hào Dostoyevsky gọi Sự Sống, Đau Khổ và Sự Chết là những 'vấn nạn muôn thuở' mà con người khó tháo gỡ một cách trọn vẹn.

Truyện Kiều cũng có câu :

Đau đớn thay, phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung

Hoặc những vần thơ nói về tính chất vô thường, bất định của đời người như :

-Kiếp hồng nhan có mong manh

-Phận sao phận bạc như vôi

Cũng đành nước chảy, hoa trôi lỡ làng

Phật giáo cũng nêu khổ trong Tứ Diệu Đế : Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Như vậy, tiền đề khổ đau luôn luôn có mặt trong ta, xung quanh ta, trước đây, hiện nay và về sau. Nhưng ngoài cái khổ đau, trong thế giới ngày nay, với sự toàn cầu hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá, con

người còn bị một hiện tượng khác chi phối : đó là stress cũng thường trực hiện diện trong mọi hoàn cảnh : học đường, xí nghiệp, sở làm và ở mọi lứa tuổi.

2. Stress ngoài đời, trong nhà, trong trường, trong sở làm

Ngày nay, hiện tượng stress hoặc căng thẳng tâm thần có mặt trong mọi nơi: trong sở làm, trong học đường, ngoài đường phố, nếu so sánh với đời xưa . Tại sao ?

Môi trường sống bị thay đổi quá nhanh ảnh hưởng đến điều kiện sống; điều kiện sống dẫn đến thay đổi về tập quán sống, lối sống nên con người không thích nghi kịp với các biến đổi xung quanh sinh ra mất cân bằng về tâm lý . Hiện nay, tình trạng Stress càng ngày càng xâm phạm đến nhiều lãnh vực và với mọi lứa tuổi nên trường học, xí nghiệp luôn luôn có counseling trong các Trung tâm tư vấn tâm lý. Bệnh viện nào cũng có Trung Tâm Sức khoẻ tâm thần (Santé Mentale).

Người trẻ dễ bị stress hơn người già vì đi học phải học nhiều, luyện thi, bị áp lực cha mẹ, ra trường, chạy nộp đơn xin việc làm, vào sở thì lu bu công việc, đua tranh, về nhà nếu có con cái thì lại dạy học cho chúng.

Môi trường xã hội cũng vậy: nạn nhân mãn, gây ra phá hủy môi trường, tạo mọi loại ô nhiễm từ ô nhiễm nước đến ô nhiễm tiếng động với xe cộ ngổn ngang, ô nhiễm bụi bặm gây ra dị ứng, hắt hơi. Sự toàn cầu hoá, khu vực hoá kéo theo sự cạnh tranh; con người trong nền kinh tế thị trường phải bôn ba để dành thị trường.

Môi trường gia đình : sự sa sút của đạo đức gia đình và đạo đức xã hội có tác động mạnh đến giới trẻ như li thân, li dị, bạo hành và điều đó cũng ảnh hưởng đến tâm hồn các em.

Và các loại môi trường như trên của thời đại ngày nay đã tác động mạnh mẽ trên tâm lý con người, gây ra stress và stress là một kiểu phản ứng tâm lý và cơ thể để mong lập lại một sự quân bình trong cơ thể và nội tâm trước một tác động của môi trường.

Và cứ thế, lâu dần các stress ở trạng thái tiềm ẩn, chìm sâu trong tâm thức như ở dưới phần ngầm của băng sơn trên biển, trôi lơ lửng. Stress dễ xảy ra khi con người cố kềm hãm không để thể hiện ra ngoài những ý nghĩ, mong muốn và tình cảm của bản thân nhưng đến một lúc nào đó có một chấn thương tâm lý, một sự cố như thất nghiệp, người thân chết, li dị v.v thì bệnh trầm nhược (depression) sẽ phát hiện. Trầm nhược hiện ra dưới nhiều hình thức và có thể nêu ra đây các triệu chứng:

Về mặt tư tưởng: thiếu tập trung, khó nhớ, mau quên, muốn tự vẫn

Về mặt thể chất: biếng ăn, mất ngủ liên miên, cơ thể mệt mỏi, suy nhược, uể oải

Về mặt tình cảm: buồn rầu, trăn trở, trống vắng, lo âu, chán nản

Về mặt hành vi : không muốn trò chuyện với ai, nói không đầu đuôi, ngồi trầm ngâm, nhìn mọi sự vật với một màu sắc ảm đạm và thê lương : '*người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*'

Và cứ mỗi trạng thái tâm lý (buồn, giận, ghét, thương ..) lại tương ứng với mỗi trạng thái sinh lí khác nhau trong não bộ . Khi stress kéo dài lâu, cơ thể sẽ suy yếu vì khi lo âu, não bộ với hàng tỷ neuron sẽ hoạt động sai lệch không bình thường và trở nên rối loạn.

Theo Aaron Beck, một nhà tâm thần học nổi tiếng, không phải cái thực tại làm cho mình bị trầm nhược, mà chính là cái nhận định, cái giải thích về cái thực tại đó mới làm ta bị trầm nhược. Và chính cái nhận thức đó lại bị ảnh hưởng bởi các định kiến cơ bản nhưng sai lầm như: đời người dễ quá, ta không thể thất bại, thế nào mình cũng thi đậu với hạng cao, ta không bao giờ làm sai v.v., do đó một khi gặp cảnh ngộ éo le (thất nghiệp, tình phụ, lỡ lỡ làm ăn ..) thì tâm hồn dễ bị chấn thương, đưa đến trầm nhược.

Trong thi phẩm Chinh phụ ngâm, có đoạn thơ nói về nỗi buồn của người thiếu phụ:

Trời hôm tựa bóng ngẩn ngơ

Trăng khuya nương gối bơ phờ tóc mai

Há như ai hồn say bóng lẩn

Bỗng thơ thơ , thân thần như không

Cái 'thơ thơ thần thần như không' đó chính là dấu hiệu của trầm nhược, cùng với :

'mặt biếng tô, miệng càng biếng nói

Sớm lại chiều rồi rồi nương song'

Có 3 yếu tố ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình trầm nhược:

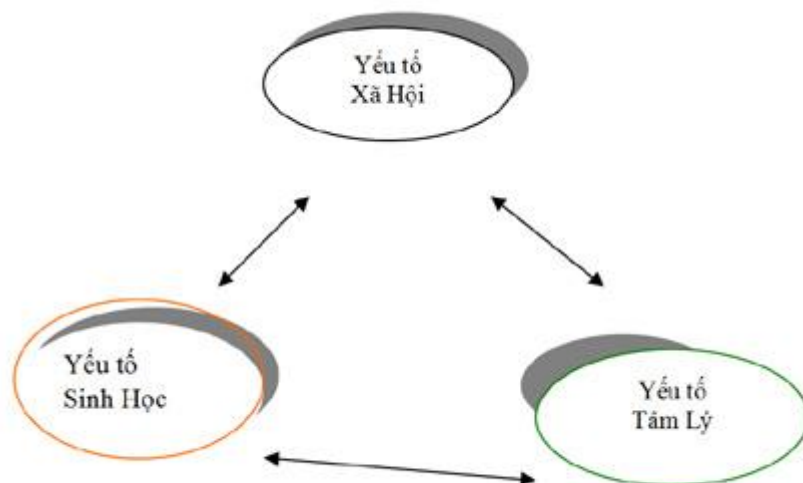
Yếu tố sinh học trong đó có phần di truyền

Yếu tố tâm lý như cảm xúc, nhận thức, tri giác, tuệ căn

Yếu tố xã hội như thất nghiệp, làm ăn thua lỗ, gia đình có người thân chết hay như nàng chinh phụ chờ chồng như nói ở đoạn thơ trên .

Chỉ cần một trong những yếu tố đó bị ảnh hưởng cũng kéo theo các ảnh hưởng kia

Sau đây là mô hình sinh-tâm-xã (modèle biopsychosocial) của trầm nhược, cho thấy sự tương quan chặt chẽ và thường trực của các yếu tố nói trên.



3 Xin cấy lại niềm tin.

Niềm tin là một thứ ciment tinh thần nối kết mọi phần tử trong xã hội . Do đó trong Nho giáo có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Chữ Tín là một trong 5 yếu tố căn bản. Không có niềm tin, mọi tổ chức đoàn thể sẽ trở thành giả tạo, phù phiếm . Trong gia đình, cha mẹ cãi cọ nhau thì hỏi con cái tin vào ai ? Trong đời sống lứa đôi, khi vợ chồng lừa dối nhau để không tin nhau nữa là sẽ đổ vỡ. Với niềm tin tôn giáo, ta tìm được ý nghĩa của cuộc sống. Ánh sáng niềm tin là yêu thương phục vụ tha nhân. Khi con người biết quên mình, sống cho người khác thì con người sẽ tìm thấy Lý Tưởng và Ý Nghĩa cho cuộc sống.

Trong cuộc sống xô bồ hiện nay, con người dễ vấp vấp nhiều tình huống khó xử, dễ sinh trầm nhược. Trầm nhược cắt ngang mọi lứa tuổi (già, trẻ); mọi giai cấp (giàu, nghèo); mọi nơi chốn (thôn quê, thành thị)

Ngày nay, nhiều phương pháp trị liệu để hoá giải stress như:

động vật trị liệu: nuôi mèo, chim, chó trong nhà;

âm nhạc trị liệu : nghe âm nhạc êm dịu, nhạc Thiền;

hoa kiểng trị liệu: trồng hoa và ngắm hoa..

Tuy nhiên, các phương pháp trên chỉ mới là đề cập đến phần trên của băng sơn. Một biển cổ lớn gây ra nhiều mối khổ tâm, không chỉ vì tình trạng hiện hữu mà lắm khi khuấy dậy lên nhiều mối đau khổ mặc cảm đã qua nhưng còn ẩn náu tiềm tàng trong vô thức tức phần chìm của băng sơn. Do đó, chỉ có tôn giáo mới đặc biệt giúp về mặt tâm lý: cầu nguyện mãnh liệt, tin tưởng vào một sợi giây vô hình nối mình với một mãnh lực tối cao như Phật Thế tôn, Phật Bà Quan Âm v.v. .

Ta thường nghe danh từ kép Đau Khổ . Đau như đau đầu, đau bụng, đau ruột, đau khớp, nhưng cái Đau kéo theo cái Khổ như buồn bực, uất cảm, chán nản. Vào bệnh viện, bác sĩ chữa cho cái Đau, nhưng không chữa cho cái Khổ mà hai cái này lại liên quan với nhau vì nếu giảm đi cái Khổ (do thời cuộc, do gia đình xáo trộn, do thất nghiệp..) thì cái Đau cũng thuyên giảm đi .

Đau là thuộc về thân thể, Khổ là thuộc về tâm lý . **Có bệnh đau ít, khổ nhiều; có bệnh khổ ít, đau nhiều.**

Trong truyện Kiều, ta thấy nàng Kiều khổ nhiều vì buồn, vì trần trở, vì bán khoán, vì nhớ nhà:

Nhớ cha mẹ:

Xót thay huyên cố, xuân già,

Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi

Trần trở trong lúc tưởng nhớ người yêu :

Nhớ lời nguyện ước ba sinh

Xa xôi ai có thấu tình chẳng ai ?

Tuy nhiên , nhờ tôn giáo,-trong trường hợp câu chuyện là nhờ nương nhờ cửa Phật-,mà các nỗi khổ chồng chất trong tâm thức dần dà được giải toả và nguôi dần:

Gửi thân được chốn am mây

Muối dưa đắp đổi tháng ngày thông dong

Khi con người bị khổ thì:

.**Cầu nguyện** làm tăng sức mạnh tâm lý, tìm lại nguồn vui trong tôn giáo và sức mạnh tinh thần để dễ đối phó với các nghịch cảnh, giúp khả năng hồi phục nhanh hơn. '*Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều*'

.**Cầu nguyện** mãnh liệt làm thay đổi hoá học của não bộ, kích hoạt các neurone, tăng cường hệ thống miễn dịch.

.**Cầu nguyện** giúp ta hoá giải với stress hiệu quả hơn, giúp ta làm việc trong chánh niệm, tập trung tư tưởng, trong hơi thở .

Cầu nguyện có thể ở bình diện vĩ mô như cầu cho Quốc Thái Dân An, cho Hoà Bình Thế Giới và cũng có thể ở bình diện vi mô như cầu cho tai qua nạn khỏi, cầu an cho người đau ốm, cầu siêu cho vong linh người chết sớm siêu thoát

Trong vũ trụ, gió, dầu hoả tạo ra năng lượng ; kho năng lượng này có thể biến đổi thành điện năng, cơ năng, hoá năng .. Tương tự con người cũng là kho năng lượng; nếu chuyển hoá thành Từ, Bi, Hỷ, Xả thì tốt, tích cực nhưng chuyển hoá thành tham lam, sân hận thì xấu, tiêu cực.

Tiếng chuông ngân vang, tiếng mõ nhịp đều với tiếng kinh ngâm nga trầm bổng Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm, Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm, kết hợp hài hoà với lòng tin mãnh liệt, ru hồn người thanh thần giúp quên đi các cung bậc yêu, ghét, vui, phẫn nộ, sợ, ngạo mạn, thói quen xấu cũng như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp , để vươn tới cái vô ngã, mà **vô ngã** nghĩa

là không có một thực tại biệt lập và thường hằng mà tất cả đều chuyển biến (vô thường) hàng giờ hàng phút. Cái vô ngã giúp ta khiêm tốn và khi ta đạt tới cái thấy vô ngã thì những khổ đau như giận, ganh tỵ, sợ hãi, thù hận, tủi hổ, phiền muộn sẽ được chuyển hoá, giúp ta nhiều an lạc trong cuộc sống. Mà muốn đạt tới cái vô ngã trong khi cầu nguyện, thì niệm, định và tuệ là 3 nguồn năng lượng cần để chuyển hoá các phiền muộn, khổ đau .

Niệm như trong chánh niệm: niệm trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, rửa chén, thiền hành, làm việc, đưa tâm về lại với thân để ta có mặt đích thực trong giây phút hiện tại, bớt tiêu thụ chỉ gây thêm ô nhiễm, lo chạy đua theo tiền tài và danh vọng, không biết rằng:

Vào trong lá rụng ngoài sân

Công danh phù thế có ngần ấy thôi (Tản Đà)

Định có nghĩa là chú tâm, chú tâm tìm thấy bản chất và cội nguồn của sự khổ đau, trong trường hợp này là trầm nhược, biết được nguyên do xa gần của trầm nhược

Tuệ (tuệ giác) sẽ chuyển hoá các trầm cảm thành năng lượng hoá giải các hội chứng của trạng thái căng thẳng tâm trí .

Nhờ cầu nguyện sâu xa, lòng thành đã thấu đến Trời, con người dễ tìm thấy An Lạc trong con tim vì hiểu sâu nội tâm, bỏ dứt Tham, Sân, Si vốn là các thông số của phương trình Khổ Đau. Không có niềm tin thiêng liêng thì tôn giáo không thể phát triển. Nếu một người không tin vào Phật thì Phật tánh không khởi ở trong họ. Tâm linh chính là vec-tơ (vecteur) đưa đến tôn giáo .

Cầu nguyện để đi sâu vào nội tâm hầu có thể phá chấp . Phá chấp có nghĩa nôm na là không cố chấp vì cố chấp là cho ta cái gì cũng đúng, của người khác là trái. Vì cố chấp nên nảy sinh ra thanh kiến, nảy sinh ra kỳ thị, phân biệt chủng tộc khiến xung đột địa phương, chiến tranh, chém giết gây thêm đau khổ cho nhân loại. Khi ta cho mình là đúng, người kia cũng cho mình là đúng thì dĩ nhiên không đối thoại, không truyền thông, ta nảy sinh ra hờn giận, ghen ghét, khó chịu và đó là nguồn phát sinh ra stress.

Thái độ trong khi cầu nguyện cũng quan trọng:

'Đừng để tư duy đưa hồng anh lên không gian,

bàn tọa anh hãy chắm chặt vào mặt đất,

anh hãy cùng đất hợp nhất,

đã trở về với đất, anh hãy mỉm cười

thì đất sẽ truyền cho anh sự vững chãi

sự bình yên sự thanh thoi

hơi thở tinh chuyên

nụ cười an nhiên' (Địa Xúc, thơ Nhất Hạnh)

Hơi thở tinh chuyên, nụ cười an nhiên là gì nếu chẳng phải là tinh thần Thiền học ?

-hơi thở tinh chuyên giúp ta dễ chánh niệm, thở vào, thở ra điều hoà chứng tỏ ta hiện hữu

-nụ cười an nhiên để có được thái độ phá chấp, thoát được ngã mạn, bớt đi cái Ngã (ego), để bình tâm tiếp nhận sáng suốt những gì xảy đến để bình tĩnh giải quyết

-nụ cười an nhiên là bình tâm, vô tư, để cho tâm hồn có chỗ trống để có thể tiếp nhận cái mới. Và nhờ hơi thở tinh chuyên, nụ cười an nhiên, con người mới có thể tháo bỏ mọi sự vật chung quanh để cho tâm hồn ta trở về cái Nhất Nguyên huyền diệu nguyên thủy của Trời Đất. Tìm lại những hình tượng nguyên nguyên này, chúng ta sẽ có khả năng khám phá 'bộ mặt đích thực của mình', tức cái 'bản lai diện mục'. Trái lại khi bỏ quên hay chối từ những bộ mặt nguyên nguyên ấy, chúng ta sẽ chỉ như một thân cây không có gốc rễ bám chặt vào mảnh đất .

- nụ cười an nhiên là lòng **Từ Bi** . Điều ấy có nghĩa là chào đón người lạ với sự đồng cảm và con tim rộng mở, từ những người tị nạn phải rời bỏ quê hương vì chiến tranh tàn phá, đến những người nhập cư phải rời bỏ nhà cửa để đi tìm cuộc sống tốt hơn. Điều ấy có nghĩa là diễn tả sự cảm thông và tình yêu với những người chịu thiệt thòi và bị gạt ra bên lề, với những người chịu đau khổ, với những người đang tìm sự cứu độ.

4. Kết luận

Một câu tục ngữ Tây phương có nói: '*Ngày nào còn sự sống, ngày ấy còn hi vọng*' (Tant qu'il y a de la vie, il y a de l'espoir). Hình như nói ngược lại cũng thấy đúng: ngày nào còn hi vọng, ngày ấy còn có sự sống.

Cuộc sống đầy biến động hiện nay làm rối loạn đồng hồ sinh học của con người, gây ra nhiều rối nhiễu tâm lý. Như vậy, dưỡng tâm bằng nhiều phương pháp, trong đó cầu nguyện trong tĩnh lặng, trong thiền định giúp con người xử lý stress (stress management) hiệu quả hơn .

Thực vậy, khi ta cầu nguyện sâu dày, các bệnh trầm nhược có cơ giảm bớt, có thể vì kháng thể trong người nhiều hơn, chống chọi với bệnh tật dễ hơn. Cầu nguyện sâu dày giúp ta quán chiếu nội tâm, biết mình là ai, biết mình cảm xúc cái gì, biết mình cảm nhận ra sao, rèn luyện tâm tính cho vững chắc trước cuộc đời đầy cung bậc yêu thương hờn giận để phá bỏ các sai lạc tư duy vì các sai lạc tư duy (false beliefs) sẽ làm cho trầm nhược nặng hơn.

Và trên một bình diện rộng hơn, trong một thế giới nhiều bất trắc đau thương với bao người nghèo khổ, ta hãy, mỗi ngày như mọi ngày, thành tâm cầu nguyện trong tĩnh lặng không những cho bản thân mà còn cho chúng sanh quanh ta, ước gì ta có thể làm một con tàu cho những ai đang phải vượt qua biển cả, làm một nhịp cầu cho những ai phải vượt qua sông, làm một ngọn đèn cho những ai cần ánh sáng, làm nơi nương tựa cho những ai cần chốn trú ẩn, làm người nô bộc khiêm tốn cho những ai trong tình trạng khốn quẫn. Cầu nguyện cho thế giới hoà bình, nhân dân an lạc vì hoà bình không phải là không có chiến tranh mà còn là hoà bình trong tâm linh nữa .

VỀ MỤC LỤC

CÂU CHUYỆN VỀ PHÉP LẠ CỦA ĐỨC MẸ LA VANG! BỐN MƯƠI NĂM - MỘT DÒNG LỆ

LTS: Bà Lê Tín Hương hiện ở California, là một nhạc sĩ, cũng là một nhà văn, qua cha cố Trọng đang nghỉ hưu tại Orange County, California, gởi cho chúng tôi câu chuyện về Ông Lạ của Mẹ Lavang ban cho gia đình bà cách đây 40 năm. Xin mời bạn đọc theo dõi. "Về bên Mẹ Lavang" chân thành cảm ơn tác giả.

Tôi rời nhà lúc sáu giờ sáng Chủ Nhật. Lái xe trong cơn mưa tầm tã, trên con đường dài vẫn còn mù mờ tối của một buổi sáng mùa đông lạnh, đối với tôi là một việc làm gần như rất hiếm hoi.

Ngày cuối tuần, nhất là những sáng trời mưa, tôi vẫn có cái thú rúc trong chăn và nằm nướng. Cây đàn Tây Ban Cầm được gác sẵn bên góc đường để tôi có thể với tay kéo lên bất cứ lúc nào, và ngồi dựa tựa lưng vào thành giường nhả hứng... Những dòng nhạc về mưa, về thân phận lúc đó lại có cơ hội tiếng thảng tiếng trầm đến với cuộc đời...

Riêng sáng hôm nay, lòng tôi nao nao mong đợi. Tôi thức dậy sớm. Sau một chút trang điểm nhẹ nhàng, tôi chọn cho tôi chiếc áo màu trắng, khoác ngoài chiếc áo ấm màu đen và sẵn sàng chờ giờ ra xe. Trời chưa thấy sáng và giờ đi hãy còn sớm. Tôi băng khuông ngồi nhìn ra khung cửa, mưa vẫn còn nặng hạt, dấu chỉ báo hiệu cho một cơn mưa có thể kéo dài đến chiều...

Liên tưởng đến buổi Thánh Lễ Đại Trào mà tôi sẽ tham dự sáng nay, khai mạc năm Toàn Xá 200 năm Đức Mẹ Lavang và kỷ niệm 10 năm phong thánh, 117 vị anh hùng Tử Đạo Việt Nam. Tôi bỗng thấy lòng lâng lâng xúc động. Ngoài sự cảm phục về tấm gương sáng ngời tình yêu và tuyên xưng đức tin của các Thánh Tử Đạo, thì mỗi khi nhắc đến Mẹ Lavang, là gợi lại trong tôi hồi tưởng về một khung trời thơ ấu xa xưa với biển cổ trọng đại đã đến với gia đình tôi cách đây 40 năm về trước, vào một ngày mưa gió như hôm nay...

Năm 1958, ba tôi làm việc tại bệnh viện Trung Ương thành phố Huế. Mỗi tháng ông vẫn cùng các bác sĩ đi thanh tra các bệnh viện nhỏ ở các vùng lân cận. Hôm ấy, ông sửa soạn đi thăm bệnh viện Quảng Trị, cách thành phố Huế khoảng 65 cây số về phía Tây Bắc.

Tôi còn nhớ rõ sáng hôm ấy trời mưa lạnh. Những cơn mưa mà những ai đã từng ở Huế chắc chắn không thể nào quên được. Mưa tầm tã, rả rích kéo dài từ ngày này sang ngày khác tưởng chừng như vô tận. Ba tôi chuẩn bị lên đường. Chiếc xe chở ông cùng ba vị bác sĩ và một nhân viên bệnh viện đã đón ông ở ngoài cổng. Ba tôi mặc vào người chiếc áo jacket bằng da và dặn dò mẹ tôi một vài điều gì đó rồi vội vàng ra xe.

Bước xuống mấy bậc thềm ông gặp ngay cha Luận đang bước vào. Cha Cao Văn Luận cùng quê quán với cha tôi, Ngài rất gần gũi và thương yêu gia đình tôi. Một trong những mong mỏi của Ngài là được thấy gia đình tôi theo Đạo.

Tuy rất kính và quý mến cha nhưng điều đó với ba mẹ tôi là một trở ngại lớn, không thể nào thực hiện được. Cả hai bên nội ngoại tôi không ai có Đạo. Mẹ tôi đồng thời lại là một Phật Tử.

Bà đã quy y, pháp danh Nguyên Khai. Bà cũng đã từng xây chùa cho làng ngoại tôi tại Huế. Mẹ tôi là một người đàn bà có học. Như đa số những bà mẹ Việt Nam khác rất hiền lành và nhẫn nhục. Cả cuộc đời hy sinh cho hạnh phúc của chồng con, nhưng trong vấn đề tín ngưỡng thì lại rất cương quyết, chẳng thể nào lay chuyển được. Ba tôi biết thế nên ông rất tôn trọng mẹ tôi mặc dầu ông rất kính mến cha Luận.

Cha Luận gặp ba tôi, Ngài bắt tay rất vui vẻ, Ngài đưa cho ba tôi một tấm ảnh và bảo: "Tôi mới đi kiệu ngoài Lavang về. Tôi kính cho ông một tượng ảnh của Mẹ Lavang. Đức Mẹ đã làm nhiều phép lạ và rất linh thiêng. Ông hãy giữ lấy mà cầu nguyện."

Ba tôi cười cười, nói cảm ơn cha, rồi thuận tay ông nhét tấm ảnh vào túi trong của chiếc áo da. "Con phải đi ngay cha à, mọi người đang đợi con ở ngoài kia." Vừa nói ba tôi vừa chào từ giã cha rồi ra xe.

Tôi nhìn theo chiếc xe chở ba tôi khuất dần, khuất dần sau màn mưa dày đặc...

Buổi chiều trong khi người nhà chuẩn bị bữa cơm, chúng tôi ngồi nghe mẹ kể chuyện. Mẹ đang kể một đoạn trong câu chuyện "những kẻ khốn cùng" (les misérables) của văn hào Victor Hugo thì chúng tôi nhận được hung tin. Chiếc xe chở ba tôi và bốn người nữa đã bị lật tại cầu Giồng Quảng Trị và chìm xuống sông. Tất cả đều tử nạn. Bệnh viện báo tin và yêu cầu gia đình ra ngay hiện trường để nhận xác đồng thời để tắm liệm tại chỗ cho thân nhân...

Trước biến cố bất ngờ đó, mẹ tôi như người bị sét đánh. Bà run rẩy rững sờ ôm lấy tôi. Làm sao tôi có thể diễn tả hết nỗi đau đớn trong lòng mẹ lúc ấy... (giờ đây sau biết bao lần chứng kiến những chia ly, tử biệt, tôi mới ngậm ngùi thấm thía được niềm đau đớn của những nỗi đợi chờ tuyệt vọng), chỉ biết là đã nhìn thấy mẹ đầm đìa nước mắt và cả chúng tôi nữa...

Ngoài kia dòng lệ của đất trời vẫn hững hờ rơi...

Mẹ tôi và chị em tôi theo chiếc xe của bệnh viện ra Quảng Trị nhận xác cha. Đến nơi, tại một trạm gác nhỏ nằm cuối chân cầu, xác của ba vị bác sĩ và nhân viên bệnh viện đã được vớt lên. Còn thi hài của ba tôi thì chưa tìm thấy. Người ta chưa vớt được ba tôi nhưng mọi người xác định là ông cũng cùng một số phận với những người đã tử nạn; nhất là ông đã chìm sâu dưới lòng nước quá lâu. Mẹ tôi mặt mày bạc nhược tái xanh, mắt đỏ hoe vì khóc, đứng ở một góc phòng chờ đợi...

Thân nhân của các nạn nhân đều đã tới, tiếng kêu gào khóc kể nghe rất náo lòng. Tôi vừa buồn vừa sợ, mơ hồ cảm thấy một khúc quanh nào đó thật ngạt ngào đang chờ đợi gia đình tôi.

Em tôi vì còn nhỏ, có lẽ chưa hiểu lắm, nép trong lòng mẹ ngơ ngác nhìn quanh: "Ba đâu, ba đâu mẹ!" Mẹ tôi chưa kịp dỗ dành em thì bỗng có tiếng người la lớn:

- "Đây rồi, vớt được xác sau cùng rồi!"

Là ba đó, mẹ tôi chạy nhào tới.

Phải rồi, người ta đang khiêng ba tôi vào, đặt ba tôi nằm trên chiếc băng ca.

Lại có tiếng người la lên: "Trời ơi! Ông ta hình như chưa chết. Còn thở. Hơi thở yếu lắm. Làm hô hấp nhân tạo ngay đi!"

Và ba tôi quả còn sống thật! Mẹ tôi quỳ xuống lạy trời lạy đất. Cảm ơn Trời Phật đã cứu sống ba tôi. Nước mắt một lần nữa tuôn dầm dề trên má mẹ, nhưng lần này là những giọt nước mắt hạnh phúc không ngờ...

Chúng tôi quỳ chung quanh chiếc băng ca nơi ba tôi đang nằm.

Ba tôi tỉnh lại hẳn. Ông nói bằng một giọng nói thật yếu ớt, câu nói đầu tiên mà tôi không bao giờ quên được:

"Hãy xin cha rửa tội, rửa tội cho cả nhà, Đức Mẹ Lavang đã cứu ba."

Nói xong ông đưa tay vào trong túi áo da lục lọi kiếm tìm, và sau đó ông rút ra tấm ảnh Đức Mẹ Lavang. Tấm tượng ảnh mà cha Luận đã cho ông trước chuyển đi định mệnh. Tấm ảnh đã ướm sũng và đậm màu vì thấm nước, nhưng hình Đức Mẹ với chiếc áo choàng xanh vẫn còn in rõ nét.

Ba tôi nói tiếp:

"Đây chính Bà này đã cứu ba, Bà đã lôi ba, lúc ấy đang mắc kẹt trong xe, ra khỏi cửa xe. Bà đẩy ba nổi lên mặt nước và nói Ta là Đức Mẹ Lavang, Ta đến cứu con."

Tôi chợt nghĩ lại, nếu ngày hôm đó ba tôi không vội vàng ra đi, và có thời giờ để tiếp chuyện với cha Luận. Có lẽ bức tượng ảnh Đức Mẹ Lavang đã bị quên trong một ngăn kéo nào đó cùng với sự hững hờ của ba mẹ tôi.

Sau biến cố đó, gia đình tôi gồm ba mẹ và 7 anh chị em đã rửa tội trong sự tự nguyện rất hoan hỷ của mẹ tôi. Ba vị linh mục thân thiết của gia đình tôi, cha Cao Văn Luận, cha Ngô Văn Trọng lúc bấy giờ là cha Chánh Xứ họ đạo Phanxicô, hay còn gọi là Nhà Thờ nhà nước, nơi mà gia đình tôi cư ngụ, và cha Vũ Minh Nghiễm, Dòng Chúa Cứu Thế, người đã dày công dạy giáo lý cho chúng tôi. Cả ba vị linh mục này đã dâng thánh lễ và ban phép rửa tội cho chúng tôi.

Theo lời xin của ba tôi, để cảm tạ ơn thánh của Đức Mẹ, lễ rửa tội được tổ chức tại Thánh Đường Đức Mẹ Lavang Quảng Trị. Mẹ tôi vô cùng vui mừng hân hoan, và tin tưởng lần chuỗi mân côi cảm tạ ơn Đức Mẹ mỗi ngày. Cho đến ngày nhắm mắt bà là một tín đồ sốt sắng, sùng kính Đức Mẹ tuyệt đối. Đây là những hình ảnh cuối đời của mẹ tôi.

Tôi còn nhớ rõ sau thời gian gia đình chịu phép rửa tội. Mẹ tôi đã chịu đựng nhiều lời ra tiếng vào của họ hàng và những người quen biết. Họ cho rằng gia đình tôi theo đạo là để mưu cầu cho một quyền lợi nào đó. Về phần chúng tôi khi đến trường cũng nghe những lời đàm tiếu của bạn bè. Mỗi lần than vãn với mẹ thì mẹ lại khuyên răn chúng tôi:

"Ba là cột trụ và là nguồn sống của gia đình chúng ta. Vì thế dầu có chịu bao nhiêu thử thách, khó khăn cũng phải chấp nhận để cảm tạ ân sủng đó. Tình yêu luôn luôn có cái giá phải trả, và cái giá đó có nghĩa gì đâu với ân huệ mà Đức Mẹ đã ban cho gia đình chúng ta."

Mẹ tôi nói đúng, ơn lạ mà Mẹ Lavang đã ban là một biến cố lớn trong đời sống tâm linh của gia đình, cũng là một biến cố trong lịch sử gia tộc. Ba tôi năm nay đã gần 90. Ông vẫn còn kính tấm tượng ảnh năm xưa đã cứu ông trên bàn thờ. Tấm ảnh Đức Mẹ ngày nay đã mờ nhạt theo thời gian, nhưng mỗi ngày ông đều đọc kinh lần hạt cảm tạ Đức Mẹ.

Câu chuyện màu nhiệm này đã được chúng tôi thường xuyên kể lại cho con cháu nghe, như là một câu chuyện thần thoại nhưng có thật. Xảy đến từ một trong những phép lạ của Đức Mẹ Lavang đối với gia đình tôi nói riêng và nhiều gia đình khác nói chung.

Ngày đại lễ hôm nay trời cũng mưa. Tôi lái xe trong cơn mưa như trút nước, Lòng hạnh phúc vô cùng vì tôi được có Chúa. Có ánh sáng niềm Tin của Ngài chiếu rọi tâm hồn tôi. Có Tình Yêu bao la rộng mở của Đức Mẹ đã đến với gia đình tôi từ thuở tôi mới lên mười...

Tôi lắng nghe những lời huấn từ của Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Thuận. Bằng giọng nói rõ ràng trầm ấm, Ngài nhắc lại lịch sử Giáo Hội Công Giáo Việt Nam từ những ngày đầu tiên. Qua biết bao nhiêu thăng trầm gian khổ có máu, có nước mắt và ngày nay đã được thăng hoa với 117 Vị Thánh Tử Đạo. Gia đình ngài cũng đã theo Chúa cách đây 300 năm, với những thử thách cùng với nhiều ân sủng của Chúa, của Đức Mẹ, đặc biệt là Mẹ Lavang. Ngài cũng kể lại những phép lạ mà Đức Mẹ đã ban, trong đó có phép lạ chữa lành bệnh cho cha cố Trọng, cha Linh Hưởng của gia đình tôi.

Tôi tự cảm thấy gia đình mình may mắn, đã được hưởng một ân sủng quá đặc biệt đến từ Tình Yêu bao la không bờ bến của Đức Mẹ.

Trong cái lạnh của mùa Đông, lòng tôi bỗng nhiên ấm cúng. Tôi thấy tâm hồn như nở hoa. Đóa hoa Yêu Thương trong vườn hoa rực rỡ của niềm Tin. Tôi hy vọng sẽ mãi mãi là đóa hoa đầy hương sắc, không bao giờ héo rũ úa tàn. Tôi thầm cảm ơn Chúa, cảm ơn Mẹ, cúi đầu để che dấu dòng lệ cảm xúc đang âm thầm rơi. Dòng lệ của hơn bốn mươi năm trước kể từ khi gia đình tôi được ơn lạ của Đức Mẹ Lavang, trải qua biết bao sóng gió bể dâu... Có lúc đã ngưng đọng, có lúc tưởng chừng bị lãng quên, hôm nay lại từng giọt chảy dài...

Những giọt lệ vui mừng. Những giọt lệ bồi hồi nhắc nhở tôi niềm hạnh phúc được nường náu trong Tình Yêu và Ân Sủng của Chúa, của Mẹ Maria.

California, Chúa Nhật ngày 22 tháng 2 năm 1998

Lê Tín Hương

Nguồn: <http://www.catholic.org.tw/vntaiwan/lavang/dongle.htm>

VỀ MỤC LỤC

ĐO HUYẾT ÁP ĐÚNG CÁCH

Huyết áp là áp xuất của máu vào thành động mạch. Huyết áp trung bình là dưới 120/80 mmHg. Trên số này sau ba lần đo là bị Cao huyết áp.

Cao Huyết áp vẫn được coi là Tên Sát Nhân Thầm Lặng-Silent Killer-, vì có khả năng giết người mà không báo trước.

Người bị cao huyết áp cần được điều trị lâu dài. Bệnh nhân cần tham dự và hợp tác với bác sĩ trong việc điều trị này. Một trong những hình thức hợp tác rất quan trọng là sự **tự đo huyết áp**.

Sau đây là mục đích của tự đo huyết áp :

- Biết huyết áp của mình cao thấp là bao nhiêu, để thay đổi nếp sống, giữ gìn ăn uống và coi xem thuốc hạ huyết áp có công hiệu hay không;

- Cho bác sĩ hay kết quả đo huyết áp để bác sĩ điều chỉnh được phẩm, duy trì huyết áp ở mức độ chấp nhận được;

- Để phòng tránh các hậu quả trầm trọng khi huyết áp đột nhiên lên cao, như tai biến não, heart attack, suy thận, khiếm thị do tổn thương võng mạc...

Do đó, bệnh nhân bị cao huyết áp cần phải thường xuyên đo huyết áp ở nhà một cách đều đặn. Việc này tưởng như giản dị, nhưng cũng có nhiều điều cần lưu ý, để kết quả được chính xác.

Xin nhắc lại là huyết áp thay đổi tùy theo sự hoạt động của cơ thể và tùy theo thời gian trong ngày.

Huyết áp thấp nhất vào ban đêm trong khi ta ngủ, cho tới khi ta thức dậy vào buổi sáng. Ngay sau khi ta đứng dậy rời khỏi giường và bắt đầu sinh hoạt thì huyết áp bắt đầu nhích lên tới cao độ vào buổi trưa. Tới nửa chiều thì huyết áp xuống dần cho tới tối.

Nếu vào buổi sáng mà huyết áp lên cao và tiếp tục cao suốt ngày thì có thể là ta bị cao huyết áp. Nên đo và ghi số kết quả trong vài ngày và cho bác sĩ hay để xác định bệnh.

Một số thắc mắc thường được nêu ra là khi nào đo huyết áp? Đo bao nhiêu lần trong ngày? Tại sao khi đi bác sĩ thì huyết áp cao hơn là khi đo ở nhà? Tại sao kết quả đo không giống nhau sau khi đo hai ba lần? Máy đo huyết áp nào tốt?...

Xin lần lượt tìm hiểu.

1- Bao giờ thì đo và đo mấy lần trong ngày?

Tùy theo tình trạng bệnh nặng hay nhẹ, bác sĩ gia đình sẽ cho ta hay là phải đo bao nhiêu lần trong ngày.

Thường thường có thể đo vào buổi sáng trước khi uống thuốc hạ huyết áp hoặc ăn điểm tâm.

Không dưới 1 giờ sau khi vận động cơ thể, hút thuốc lá hoặc uống cà phê.

Nên nhớ là cần ngồi nghỉ thoải mái khoảng 10 phút để cơ thể thích nghi với nhiệt độ trong phòng.

Không đặt máy đo ở cánh tay bị thương hoặc đang được truyền dịch tĩnh mạch.

Phụ nữ đã cắt bỏ một bên vú hoa bị bệnh, nên đo ở cánh tay phía bên kia;

Không đo huyết áp ngay sau khi vận động cơ thể hoặc đang trong tình trạng căng thẳng tinh thần

Ta có thể đo hai lần một ngày trong hai tuần rồi một lần mỗi ngày trước khi uống thuốc. Khi máu đã tương đối bình thường thì chỉ cần đo vài lần trong tuần.

2- Làm gì trước khi đo?

- Đi tiểu dốc hết bầu tâm sự trước khi đo;
- Ngồi nghỉ khoảng dăm ba phút, không nói chuyện trước khi đo;
- Ngồi thoải mái trên một cái ghế có dựa lưng và dựa tay, hai chân thoải mái để xuống sàn nhà, không bắt chéo cẳng chân;
- Vén tay áo, đặt cánh tay lên mặt bàn, ngang tầm trái tim, bàn tay ngửa;
- Nhẹ nhàng quấn vòng bít (băng huyết áp) xung quanh phần trên của cánh tay trần. Quấn vừa chặt để ta vẫn luôn được ngón tay vào giữa vòng và da;
- Nhớ đặt phần dưới của vòng khoảng $\frac{1}{2}$ cm trên nếp gấp của khuỷu tay;

3- Có mấy loại máy đo huyết áp

Có hai loại hiện đang rất phổ biến:

a- Loại máy bơm bằng tay, có kim đồng hồ chỉ số huyết áp trong khi ta nghe nhịp tim bằng ống nghe. Loại này dễ mang theo khi di chuyển, có sẵn ống nghe nhịp tim, giá tiền vừa phải từ 20-30 mỹ kim. Nhưng máy có vài điểm bất tiện là dễ hư, không chính xác, không thuận tiện cho người lẫm tay vì phải nghe nhịp tim bằng ống nghe. Mà lão niên thì cũng hay ngễnh ngãng, kém nghe.

b- Máy digital hiện nay phổ thông hơn, dễ đọc vì con số hiện trên màn ảnh, dễ sử dụng, tiện lợi cho người bị kém thính giác vì không phải nghe nhịp tim. Một vài loại máy có thể in kết quả, nhờ đó ta không phải ghi vào sổ tay. Máy có thể bơm căng bằng tay hay tự động, xả hơi thì tự động.

Bất tiện của máy trước hết là đắt tiền hơn, từ 40 tới 100 mỹ kim; độ chính xác của máy thay đổi khi cơ thể cử động hay khi nhịp tim không đều; máy cũng cần cục pin để điều hành.

Ít nhất mỗi năm một lần, mang máy đo huyết áp tới nhờ bác sĩ hoặc y tá kiểm soát coi xem máy còn hoạt động tốt hay không.

Máy đo với ống nghe:

- Mang ống nghe nhịp tim vào hai tai;
- Đặt đĩa nghe nhịp tim của ống nghe vào phía trong của nếp gấp khuỷu tay;
- Lẹ làng bơm vòng băng cho tới khi vượt quá huyết áp tâm thu (S) thường lệ khoảng 30-40 điểm. Bơm quá chậm có thể làm số đo sai lệch.
- Từ từ nhả van khoảng 2-3 mmHg/ 1giây để không khí thoát ra. Nhả quá nhanh ta sẽ không đọc được kết quả.
- Trong khi không khí bắt đầu thoát ra thì tai để ý nghe nhịp tim xuất hiện. Khi nghe thấy tiếng đập đầu tiên thì đó là huyết áp tâm thu.
- Tiếp tục từ từ thả không khí, khi không còn nghe tiếng tim đập thì lúc đó là huyết áp tâm trương.

- Ghi kết quả, huyết áp tâm thu trước rồi đến huyết áp tâm trương. Chẳng hạn 120/80 mmHg.

- Nếu muốn đo lại, nên đợi chừng vài ba phút rồi lại bơm hơi.

Thường thường nên đo ba lần, cách nhau 5 phút.

Nên đo ở cả hai cánh tay, bên nào có số đo cao thì lấy số đó làm kết quả chính thức.

Máy digital

Máy có loại đo ở cổ tay hoặc cánh tay, đôi khi cũng đo được ở cổ chân.

- Đặt vòng bít vào cánh tay. Ấn nút điện khởi động máy.

- Bơm tự động sẽ bắt đầu đưa hơi vào vòng bít rồi từ từ nhả hơi.

- Đọc kết quả huyết áp trên màn hình và ghi kết quả.

- Muốn đo lại, đợi vài ba phút.

Nên dè dặt với kết quả từ các máy đo công cộng ở siêu thị, không được chính xác vì máy không được điều chỉnh và cũng vì vòng băng có thể không vừa với cánh tay của mình.

Những yếu tố nào ảnh hưởng tới huyết áp?

Huyết áp có thể tạm thời thay đổi trong những hoàn cảnh sau đây:

- Khi ta ở trong tâm trạng lo âu căng thẳng thì huyết áp tăng lên đáng kể và sẽ trở lại bình thường sau khi ta thoải mái thư giãn. Vì thế khi đi khám bệnh huyết áp thường hơi cao hơn khi đo ở nhà vì nhiều người lúc đó cũng hơi emotion. Và cũng vì thế, nên nghỉ vài phút trước khi đo.

- Nghiên cứu cho hay trong khi đo mà ta nói chuyện với người khác hoặc với nhân viên y tế, huyết áp cũng lên cao. Vì thế nên giữ im lặng trong khi đo.

- Nhiệt độ xung quanh như phòng quá lạnh, mạch máu co lại cũng khiến cho huyết áp tạm thời nhích cao.

- Băng huyết áp quá nhỏ so với cánh tay có thể tăng huyết áp tới cả chục mmHg mà băng quá lớn lại cho số đo thấp hơn thường lệ.

- Khi đo, nên để cánh tay trực tiếp với băng huyết áp, vì nếu mặc áo, huyết áp có thể cao hơn thường lệ. Nhớ cất bỏ trang sức vướng víu cánh tay, cổ tay

- Đo huyết áp khi không ngồi nghỉ mấy phút có thể khiến cho huyết áp tâm thu tạm cao tới 10-20mmHg.

- Vị thế ngồi khi đo cũng quan trọng. Khi đo, nên ngồi hết sức thoải mái trên ghế, dựa lưng vào thành ghế, để cánh tay trên chỗ dựa tay ngang tầm trái tim, hai bàn chân chạm mặt đất, chân để thẳng không bắt chéo. Chéo chân có thể làm huyết tăng vài ba độ; cánh tay thấp hơn tim tăng huyết áp tới 2 độ mà thấp hơn cũng giảm vài ba độ.

- Hút thuốc lá trước khi đo huyết áp sẽ cao hơn, vì chất nicotine trong thuốc là làm mạch máu co lại và sức ép của máu lên động mạch tăng. Vậy thì đừng hút thuốc lá trước khi đo.

- Rượu và cà phê cũng làm tăng huyết áp, vậy ta nên tránh trước khi đo huyết áp.

- Ăn quá no huyết áp cũng hơi nhích cao, ví thể chỉ đo trước bữa ăn hoặc sau đó vài giờ;

- Và nhớ trút hết bầu tâm sự trước khi đo, vì bàng quang đầy nước tiểu cũng khiến cho huyết áp tâm thu tăng tới 10-15mmHg.

- Nhưng đừng đo huyết áp sau khi đại tiện, huyết áp sẽ cao vì đại tiện cũng là một activity.

- Một vài loại dược phẩm như thuốc chống cảm dị ứng, thuốc steroid, chữa viêm khớp, hen suyễn cũng khiến huyết áp lên cao.

Tóm lại, tự đo huyết áp cũng không lấy gì là khó, quý thân hữu nhĩ. Chỉ cần để ý tới các điều kể trên là có kết quả chính xác rồi.

Tuy nhiên, cũng xin đừng quên hẹn tái khám với bác sĩ theo đúng ngày hẹn để được theo dõi bởi nhà chuyên môn và cũng để tìm hiểu coi có biến chứng hay không.

Chúc quý thân hữu bình an, với huyết áp ở mức độ bình thường.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức www.bsnguyenyduc.com

VỀ MỤC LỤC

ĐỒNG ĐỒ LA BẤT HẠNH

LỜI TẠM BIỆT:



**Quán trọ đời chân trần nay đã mỗi,
Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,
Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.
Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:
"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...
"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.
Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.
Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giảng Hồng Ân.**

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,
xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

ĐỒNG ĐÔ LA BẤT HẠNH

Hình như ai trong chúng ta, từ đòn ông đến đòn bà, từ cụ già đến đứa con nít, ai ai cũng đều hiểu được giá trị của đồng tiền, chẳng thế mà hiện nay, ở Việt Nam người ta thường hay rêu rao :

- Tiền là tiên là phật,
Là sức bật của tuổi già,
Là cái đà của danh vọng,
Là cái lọng để che thân,
Là cán cân của công lý.

Và khi ra ngõ, dần ở trong túi tí tiền còm, cũng cảm thấy bảo đảm như có được một lá bùa hộ mệnh. Đồng tiền, đúng là tiên là phật, có sức màu biến đổi cả bên trong lẫn bên ngoài, cả hình dung lẫn cõi lòng, như người xưa đã từng phát ngôn :

- Xu hào rủng rỉnh thì.... thẳng mán cũng ngồi xe.
- Cô nọ đen thui đen thui, nhưng tiền nhiều thì cũng vưỡn ...lượt là như ai.

Và trong thời buổi hiện nay, đồng tiền, nhất là đồng tiền đô la của Mỹ lại càng được thiên hạ chiếu cố tận tình. Cũng vì đồng đô la có giá mà nhiều Việt kiều, mỗi khi trở về thăm quê hương, thỏa sức tiêu dùng và mua sắm, kể cả ăn chơi xả láng...mà vẫn dư khả năng giúp đỡ những người thân và gia đình, cũng như góp phần vực cái nền kinh tế còn eo uột của đất nước lên.

Tuy nhiên, cái gì thì cũng có mặt phải và mặt trái. Có những đồng đô la nhân nghĩa, như gã đã bàn đến trong số trước, thì cũng có những đồng đô la bất hạnh, là điều gã xin “phô bày” trong số này.

Thế nhưng, trước khi đi vào những đồng đô la bất hạnh ấy, gã xin kể lại một vài kỷ niệm buồn về những thùng đồ, vốn dĩ là “tiền thân” của những đồng đô la hôm nay.

Thuở ấy, khi chưa có những đường giây chuyển tiền chính thức của nhà nước, cũng như những đường giây chuyển tiền chui của tư nhân hay do những người trở về...cầm tay, thì

“tuyệt chiêu” được những người ở ngoài nước vốn thường dùng để giúp đỡ những người thân yêu trong nước, đó là gửi những thùng hàng hay những thùng đồ. Và mỗi khi đi lãnh hàng, hay nhận đồ thì cả làng đều biết, chẳng dấu diếm ai được chi.

Một gia đình nghèo rớt mùng tơi, thế mà bỗng vào một buổi sáng đẹp trời, mọi người trong xóm đều nghe thấy tiếng nhạc xập xình phát ra từ chiếc cassette mới cáo cạnh, thì đó là dấu chỉ chắc chắn nhất nói lên rằng nhà ấy mới nhận được một thùng đồ của thân nhân.

Cũng vì hàng họ, đồ đạc chẳng dấu diếm được ai mà sinh ra lắm chuyện lung củng.

Nhà họ có một bà chị sống bên Úc, còn bà mẹ già và mấy anh em thì ở Việt Nam. Ngày qua tháng lại, máy móc và những tiện nghi của ông anh cả cứ phình to...phình to thêm mãi, trong khi đó, nhà của mấy chú em thì vẫn rách nát như cũ.

Được hỏi tại sao lại có sự kiện ấy, thì ông anh cả tỉnh bơ trả lời :

- Cô ấy gửi về...biếu mẹ đấy, chứ nào có phải là của tôi.

Câu trả lời của ông anh cả làm gã nhớ tới câu chuyện ngụ ngôn về cụ sư tử. Câu chuyện này, gã không còn nhớ rõ, đại khái như sau.

Hôm ấy, mấy chú cáo vớ được một con mồi, đang lúc tranh giành nhau, thì chẳng may bị cụ sư tử nhìn thấy. Và thế là “a-lê-hấp” cụ liền nhào vô ăn có.

Cụ phán như đinh đóng cột :

- Con mồi này được chia làm ba phần. Vì ta to lớn hơn các chú mày, nên được phần thứ nhất. Vì ta đứng ra giài xếp cho các chú mày, nên được phần thứ hai. Vì ta vất vả phân chia, nên được thêm phần thứ ba.

Và như vậy, cụ sư tử xơi tái con mồi làm cho mấy chú cáo tiếc ngẩn tiếc ngơ.

Trở lại sự việc trên : ông anh cả ấm mọi hàng họ cô em gửi về với lý do mình phải nuôi nấng và phụng dưỡng mẹ già, khiến cho mấy chú em tức anh ách như bị bò đá, mà chẳng dám mở miệng nói ra.

Thế nhưng, tức nước vỡ bờ, thỉnh thoảng anh em có dịp ngồi lại với nhau như ăn tết, ăn giỗ...lợi dụng hơi men, thế nào cũng có chú em lên tiếng hạch tội ông anh cả của mình, có lần suýt đi tới chỗ...”ụch nhau”. Chỉ vì những thùng đồ mà...huynh đệ tương tàn, hay chí ít cũng chiến tranh lạnh “mí” nhau.

Bình thường thì trong gia đình, người vợ vốn nắm vai trò thủ quỹ. Lợi dụng chức vụ giữ “hào bao” này, người vợ thường gửi về cho bên mình nhiều hơn là gửi về cho bên....anh. Và thế là chiến tranh bùng nổ.

Nhà kia cha mẹ đều qua đời chỉ còn lại hai chị em. Bà chị nuôi cậu em ăn học cho đến khi cậu em thành đạt và cưới vợ. Sau mấy lần vượt biên, gia đình cậu em được định cư ở Mỹ và làm ăn phát lên trông thấy.

Kẹt một nỗi tại Việt Nam, hai gia đình kết tình xui gia lại ở đối diện, chỉ cách nhau có một khoảng mặt đường. Bên đằng trai thấy bên đằng gái liên tục đi lãnh hàng, không tháng nào mà không có. Rồi nhà cửa được trang bị đủ thứ máy móc, nào ti vi, nào tủ lạnh, nào cassette đời mới, nào honda hai ba chiếc.

Còn bên đằng trai, bà chị cứ vò vố một mình, âm thầm xơi cà ghém mắm tôm...họa hoằn lắm mới được một thùng quà, mà chỉ rất vài vốc, kem đánh răng, xà phòng tắm, thuốc cảm cúm và dầu nóng xoa rốn cho đỡ đau bụng...

Có ai hỏi vì sao mà “bèo thế”, bà chị liền ngán ngẩm trả lời :

- Chắc thằng em tôi nó đã...chết rồi.

Cho tới khi đất nước mở cửa, hai vợ chồng dắt díu nhau về thăm quê nhà. Bên đằng gái lo đón bà vợ, còn bên đằng trai lo đón ông chồng.

Cuối cùng, qua những thương lượng kiểu con thoi như Kissinger ngày xưa, người ta đã đi tới một bữa tiệc chung ở đằng trai để thiết đãi và ra mắt quan viên họ hàng làng xóm.

Mọi sự diễn ra một cách tương đối tốt đẹp tựa như “mùa đông Paris”.

Khi tiệc tan và khách khứa đã ra về, thì vào ban tối bà chị chồng và cô em dâu mới mở cửa bảo nhau một cách tận tình. Bao nhiêu ảm ức chất chứa trong lòng đều được bà chị chồng phun ra cho bằng hết.

Bà không khí lúc bấy giờ thật nóng và thật oi như “mùa hè Phi châu” nghiệt ngã.

Hai bên “chăm sóc” cho nhau một cách quá kỹ lưỡng, khiến cô em dâu, đêm hôm khuya khoắt, hùng hổ khăn gói quả mướp băng qua mặt lộ mà về nhà mẹ, nhưng vẫn không quên ngoái cổ lại đằng sau mà rằng :

- Từ giờ cho đến chết, tôi sẽ không bao giờ thêm bước chân vào căn nhà này nữa.

Chỉ tội nghiệp cho anh chồng : bên chị và bên vợ, biết chọn bên nào. Thôi đành phải để đến sáng hôm sau khi mặt trời mọc và cơn tam bành của hai người đồn bà người ngoại đi phần nào thì sẽ...hạ hồi phân giải.

Ôi những thùng hàng bất hạnh làm gãy đổ cả nghĩa xui gia và giật sập cả tình anh em ruột thịt. Giả như không có chúng, hẳn người ta đã sống khỏe re trong cảnh thái bình, chan hòa yêu thương và ảm áp tình người.

Sau chuyện thùng đồ, thì tới chuyện tiền đồ.

Có lần gã hỏi một thằng bạn từ Mỹ về chơi :

- Không hiểu ở bên Mỹ cái tên ấy làm nghề ngỗng chi mà khi về Việt Nam, hẳn tiêu tiền đô như đốt pháo ngày tết hồi xưa vậy.

Nghe hỏi thế, thằng bạn bèn bật mí :

- Có làm cái quái gì đâu, thất nghiệp dài dài, thường xuyên ăn lương trợ cấp của nhà nước. Tuy nhiên, trước khi về, hẳn đã phải chạy đôn chạy đáo, vay tiền của ngân hàng, vay tiền của người nọ người kia để ăn xài theo kiểu đế vương mà làm oai và lấy le với thiên hạ. Cứ cái kiểu ấy thì khi trở lại đất Mỹ sẽ làm thân trâu ngựa, kéo cày trả nợ cho tới mãn đời cũng chưa chắc đã hết.

Hình như dân Việt Nam ta có máu sính cái “mác ngoại”.

Họ ngoại thì dễ chịu hơn họ nội. Hàng ngoại thì xịn hơn hàng nội và tiền ngoại thì quí hơn tiền nội. Vì thế việt kiều thì có “thở” đối với nhưng người trong nước.

Chính vì thế, có kẻ đã lợi dụng cái “mác việt kiều” để làm những chuyện lừa gạt thất đức.

Trước hết là lợi dụng cái mác việt kiều để gạt tình.

Gã xin ghi lại nơi đây những chuyện có thật, đã từng được báo chí đăng tải.

Đầu năm 1999, với danh nghĩa là nhân viên của một công ty Mỹ muốn mở đại lý ở Saigon, LVM về Việt Nam để thăm dò thị trường, đồng thời tìm người để lấy làm vợ. Đúng là một công đôi ba chuyện.

M. làm quen với cô TTL ngụ tại Bình Thạnh và hai người bắt đầu tìm hiểu nhau để đi tới hôn nhân. Lấy lý do tiết kiệm tiền để lo làm ăn, M. ngỏ ý muốn về ở chung với L. cho đỡ tốn tiền khách sạn. Thấy M. thật thà lại chí thú làm ăn, L. không khỏi cảm động, chăm sóc cho người chồng tương lai thật chu đáo và tin tưởng trao thân gửi phận cho M.

Kẹt một nỗi trong nhà L. còn có cô em gái tên là H. Và thế là mỗi khi L. đi làm, M. hay chở H. dong chơi và giữa họ có mối quan hệ khăng khít và thân mật trên mức bình thường. M. cũng không dám từ chối bèn...xơi luôn cô em gái này.

Khi bị phát giác, hai chị em đã họp “đại hội” và đã đi đến chỗ đồng ý và nhất trí đòi buộc M. phải chọn một trong hai người làm vợ. M. cũng ậm ờ cho qua chuyện và bắt đầu tính

bài...chuồn bằng cách viện cớ lu bu công việc nên không thể ghé nhà sống chung với hai chị em được nữa.

Qua tìm hiểu thì ngoài hai chị em kể trên, M. còn lạm dụng mánh việt kiều để gạt tình nhiều cô gái khác và với cô gái nào M. cũng hứa sẽ cưới làm vợ. Sau khi đã gạt được tình, M. liền tìm cách...cao chạy xa bay.

Cũng thế, ông bố kia ở quận Tân bình có ba cô con gái, đang độ mơn mớn đào tơ. Cách đó không xa, lại có một chàng việt kiều. Với tình nghĩa lối xóm qua lại, chàng việt kiều đã chăm ngay cô út xinh xinh là xinh.

Hai người bèn tốc hành ăn ở với nhau như vợ chồng, chàng việt kiều hứa sẽ cưới cô út làm vợ, còn cô út cũng muốn vì thế mà cột chân chàng việt kiều, Xem ra hành động như vậy thì cả đôi bên đều có lợi.

Nhưng cô út quên bồng mất lời cảnh cáo của người xưa :

- Lợi thì có lợi, nhưng răng chẳng còn.

Mà đúng thế, sau đó không lâu, chàng việt kiều bỗng dưng... mất tích. Thì ra chàng việt kiều đã tếch về Mỹ lúc nào không hay, để lại mối hận tình cho cô út xinh xinh là xinh và bốn cô gái khác cũng tương tự như thế.

Bởi vậy, hỡi các cô nường thương mến, nếu lúc này các cô nường đang ươm mơ đi Mỹ bằng cách lấy chồng việt kiều thì hãy đề cao cảnh giác, mở to đôi mắt viên bi ra mà nhìn.

Ngày xưa mấy chàng việt kiều họ...sở thường dùng mảnh vung tiền như nước, làm lóa mắt những kẻ cả tin lại nhẹ dạ, nhưng xem ra cái mảnh này vừa hao địa lại vừa xưa rồi...diễm ơi, nên mấy chàng việt kiều họ sở này bèn chuyển qua mảnh “giả nai”.

Họ giả bộ chí thú làm ăn, tiêu xài tiết kiệm với vẻ bên ngoài thật thà đứng đắn, khiến cho nhiều cô nường bị sập bẫy. Bên ngoài họ là “con nai vàng ngơ ngác”, nhưng bên trong họ đích thực là một loại...”dê xồm” đấy, các cô nường yêu dấu ạ.

Không những chỉ những chàng việt kiều mới gạt tình, mà ngay cả những nàng việt kiều cũng thực hiện bài bản kể trên để...kiếm chồng.

Báo Công an Thành phố kể lại rằng :

Anh tài xế hai mươi bốn tuổi vừa đẹp trai lại vừa khỏe mạnh được công ty du lịch phân công chở một bà việt kiều lên tham quan Đalat.

Bà việt kiều già đã năm mươi mốt tuổi rồi mà vẫn ăn mặc diêm dúa, nước hoa nước hoét thơm phưng phức.

Trên suốt đoạn đường dài ba trăm cây số này, bà việt kiều già cho biết mình đang là giám đốc điều hành một công ty lớn bên Mỹ, phải đi đây đi đó, rất cần một tài xế thân tín, rồi lại khen anh tài xế lái xe bay bướm như nghệ sĩ và cuối cùng bà việt kiều già tỏ ý muốn bảo lãnh anh tài xế sang Mỹ.

Anh tài xế mừng rỡ như mở cờ trong bụng vì được quái nhân phò trợ, nên cung phụng bà việt kiều già này còn hơn cung phụng mẹ ruột của mình.

Tới Đalat, tại khách sạn bà việt kiều già đòi anh tài xế phải xoa bóp, phải “massage” cho mình, rồi nũng nịu gọi anh tài xế là “cưng ơi” và xưng “em” ngọt xớt, khiến cho anh tài xế cứ rối tinh trong bụng, vừa lo lại vừa mừng, vừa mừng lại vừa lo.

Trên đường về bà việt kiều già bảo anh tài xế tạm ứng cho mình 1500 đô để lo thủ tục xuất cảnh, sang tới bên đó thì sẽ bù lại gấp mười.

Với mộng ước được xuất cảnh sang Hoa kỳ, anh tài xế bèn bàn bạc với người yêu của mình đang làm nghề thợ may. Tưởng người yêu phản đối, ai dè cô ấy đồng ý liền tù tì, lại còn khích lệ và dự phóng cho tương lai :

- Anh đi trước rồi bảo lãnh cho em qua sau.

Và thế là hai người vét hào bao, gom góp đủ số tiền nộp cho bà việt kiều già.

Câu chuyện còn dài, nhưng rốt cuộc chỉ vì giấc mơ đi Mỹ mà anh tài xế và cô nhân tình bé bỏng mất toi số tiền trên, bởi vì bà việt kiều già chỉ là một chuyên gia lừa gạt cả tình lẫn tiền.

Thực chất bà vừa khát tình lại vừa khát tiền và cũng chẳng có một công ty nào bên Mỹ cho bà làm giám đốc cả.

Với cái mác việt kiều, người ta không những chỉ lừa tình mà còn gạt cả tiền nữa.

Cách đây không lâu, báo chí đã um xùm đăng tải trường hợp của Juan Ming vì nó liên hệ tới một cô diễn viên điện ảnh nổi tiếng của thành phố tên là Diễm Hương.

Ngày 29.4.1975 hấn và hai người em ruột được bà chị bảo lãnh vào tòa đại sứ để di tản sang Mỹ.

Tại Mỹ, hấn học về thể dục thể thao. Sau khi bị cảnh sát Mỹ lòng bắt khẩn cấp về tội giết người, hấn trốn sang Đài loan và dạy tennis, rồi từ đó về Việt Nam nuôi ngựa hồng trốn tránh sự truy nã của FBI.

Trong một buổi tiệc mừng sinh nhật, hấn đã mời cả diễn viên Diễm Hương và thuồng luôn hai viên kim cương của bà Cẩm Huỳnh, người má nuôi của hấn rồi trốn sang Campuchia. Nhưng lưới trời lồng lộng. Cuối cùng, hấn cũng đã bị tóm cổ và bị dẫn độ về Việt Nam.

Không những lừa tình và gạt tiền, mà nhiều khi thiên hạ còn lạm dụng cái mác việt kiều và những đồng đô la bất hạnh để có những hành động làm như bản quê hương, chẳng hạn như mở động mãi dâm, mở đường giây xuất khẩu gái qua nước ngoài, hay những hành động làm nghèo đất nước, chẳng hạn như những hình thức kinh doanh không đúng với luật pháp qui định.

Trước hết là những hành động làm như bản quê hương.

Gã xin kể ra nơi đây một trường hợp điển hình, đó là trường hợp của Đỗ vinh Sang.

Hấn sinh năm 1969. Vượt biên qua Mỹ năm 1983. Tại đây hấn sống bằng tiền...thất nghiệp. Vì cuộc sống khó khăn, nên hấn đã làm giả.."người côi trên".

Suốt hai năm trời ăn bám dưới hình thức tu tịnh khải, không nói một tiếng, mặc xà rồng, ở trần, đầu quấn kín, chỉ chừa mắt, mũi, miệng. Ai hỏi hay nói gì, hấn chỉ lắc hoặc gật đầu.

Vào tháng giêng năm 1997, hấn về nước. Thấy cô em gái làm ăn khấm khỡ và giá sinh hoạt tại Việt Nam lại quá rẻ so với bên Mỹ, nên hấn đã quyết định cầm dùi, nằm lý tại thành phố, lên phương án cộng tác với vợ chồng cô em gái mần ăn...tầm bậy tầm bạ.

Thế là cuối năm 1998, hấn cùng vợ chồng cô em gái bắt đầu tổ chức những điểm chứa gái để kiếm tiền và thực hiện việc nuôi gái lầu xanh, "đưa người cửa trước, rước người cửa sau" để mau phát lên.

Chúng thuê hoặc mua nhà làm tiệm hớt tóc, làm shop thời trang như bình phong che dấu những hành động đốn mạt. Đồng thời có lý do chính đáng để tuyển dụng gái. Bị đẩy vào đây còn có những cô gái nhẹ dạ tin lời hứa của hấn, chẳng hạn như trường hợp của T.

T. là một cô gái quê tại Sa đéc, gặp Sang ở một cửa hàng nơi T. đang giúp việc. Chỉ vài lần lui tới, Sang đã đặt vấn đề yêu thương tha thiết và muốn cưới T. làm vợ.

Một cô gái nghèo phải bỏ quê lên thành phố tìm việc với ý nguyện đổi đời, choáng ngợp trước tình yêu của một chàng việt kiều thứ thiệt, nên T. xiêu lòng...để rồi cuối cùng đã phải làm việc tại ổ chứa của hấn.

Sau cùng là những hành động làm nghèo đất nước, mà điển hình là trường hợp của Trịnh vĩnh Bình.

Trịnh Vĩnh Bình là một Việt kiều Hà Lan, đã mang về nước 2,3 triệu USD và 96 ký vàng để kinh doanh tại Vũng Tàu. Từ tháng 7 năm 1991 đến tháng 7 năm 1995, mượn danh nghĩa của những người thân bên mình và bên vợ, Bình đã mua gom được 284ha đất, 2 cơ sở sản xuất, 11 căn nhà rải rác từ thành phố Hồ Chí Minh, chạy dọc quốc lộ 51 cho tới Vũng Tàu. Cùng với phương thức trên, Bình còn nhận 542ha đất trồng rừng...

Rồi sau đó, Bình sang đi bán lại để kiếm lời. Cụ thể là Bình đã bán 2,8ha đất, thu về được 480 lượng vàng và 1,005 triệu USD, chuyển nhượng 14ha đất trồng rừng, thu về 6,2 tỷ đồng.

Ngoài ra, Bình còn hối lộ để lo giấy tờ nhập khẩu giả cho những người thân ở địa phương khác để dễ dàng mua bán nhà cửa, thành lập công ty, nhận đất rừng, hợp thức hóa chủ quyền...

Mang đô la và vàng về nước để đầu tư và kinh doanh là điều tốt, thế nhưng thật đáng tiếc là Bình đã đầu tư và kinh doanh sai trái pháp luật, vi phạm nghiêm trọng về việc quản lý, bảo vệ đất đai của nhà nước.

Hành vi sai trái của Bình đã dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, đó là hàng nghìn mét vuông đất bị sử dụng sai mục đích, thất thu tiền thuê đất và tiền thuế đất lên tới hàng chục tỷ đồng.

Với sự tiếp tay của một số cán bộ, hành vi của Bình đã vô hiệu hóa sự quản lý của nhà nước về đất đai, gây ra những tác động xấu và những hậu quả tiêu cực...

Để kết luận, gã xin kêu gọi như sau :

- Hỡi tất cả những ai thích bản nhạc chỉ có hai nốt đô và la, thì hãy coi chừng, đề cao cảnh giác, nhất là những người đang nuôi nhiều ước vọng và những cô gái đang dệt nhiều mộng mơ, hãy mở to cặp mắt mà nhìn, kẻo một khi đã sập bẫy, thì sẽ phải ân hận suốt cả một đời.

Chuyện Phiếm của Gã Siêu

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA